

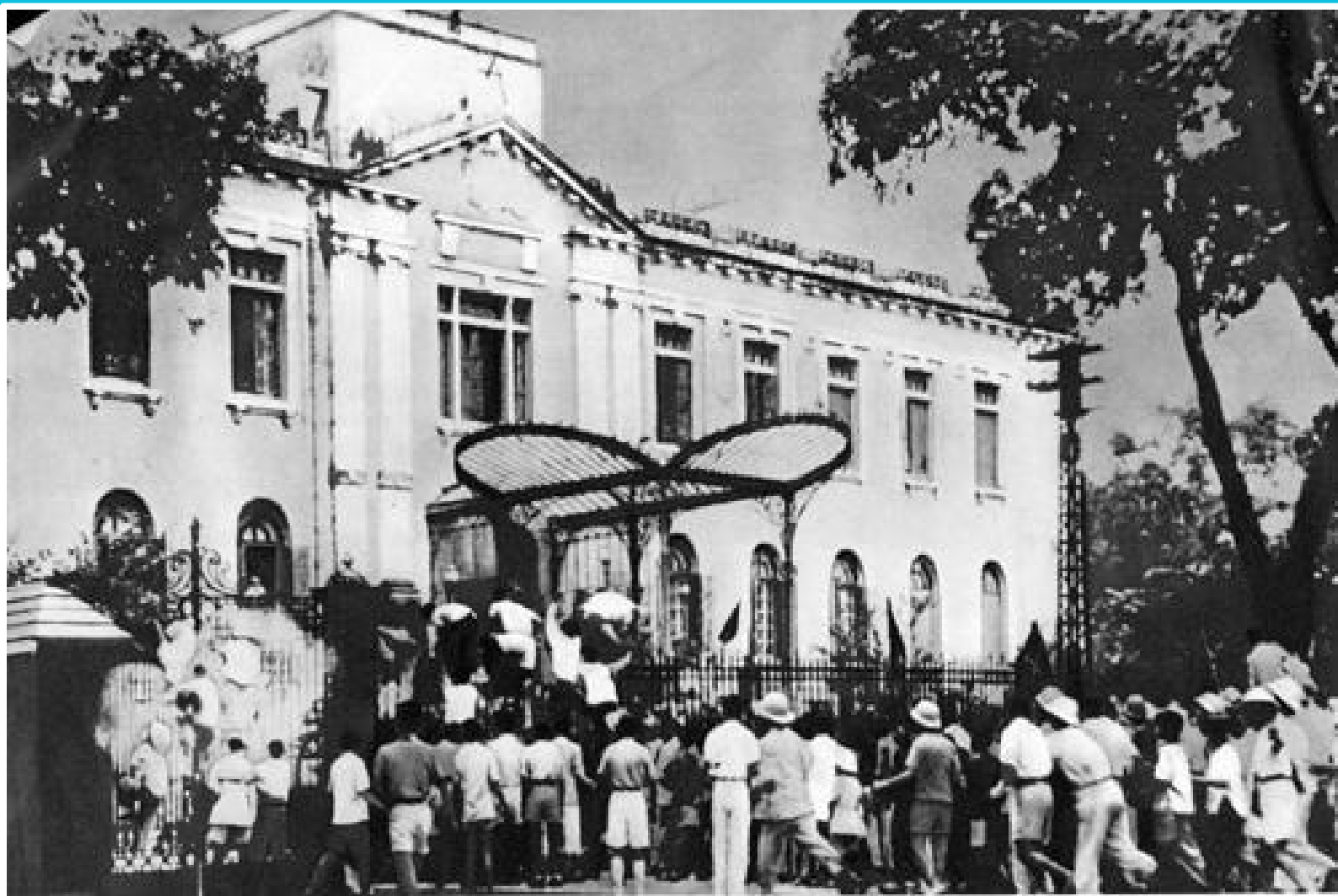


THÔNG TIN

LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TÂY NINH

Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Nêu gương - Chất lượng - Hiệu quả



SỐ 15

2025

KỶ NIỆM CÁCH MẠNG THÁNG 8 VÀ QUỐC KHÁNH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM 02/9

**THÔNG TIN
LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN
Số 15/2025**



BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban
TS. Phạm Ngọc Hải



Phó ban
ThS. Nguyễn Xuân Luyến
ThS. Phan Thị Xuân Lan
TS. Nguyễn Hoài Thân



Ủy viên
ThS. Mai Tuấn Kiệt
ThS. Huỳnh Minh Khởi
ThS. Phạm Thị Cẩm Lài
ThS. Đoàn Văn Xê
ThS. Trần Thanh Lâm
ThS. Nguyễn Thị Minh
ThS. Cao Huỳnh Thanh Nhựt
ThS. Nguyễn Đình Phong

Ảnh bìa: Nguồn Internet

MỤC LỤC

Trang

NGHIÊN CỨU LÝ LUẬN

- Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục trong việc đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý hiện nay 1
- Tập trung dân chủ - nguyên tắc “hạt nhân” trong sinh hoạt và lãnh đạo của tổ chức Đảng 10
- Từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đến kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam 17
- Ý nghĩa lịch sử quan trọng của cách mạng Tháng Tám năm 1945 22

- Những quy định của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức 28

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG

- Tăng cường đấu tranh với các quan điểm sai trái của các thế lực thù địch lợi dụng lĩnh vực văn học, nghệ thuật chống phá Đảng, Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay 33
- Đẩy mạnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong bối cảnh kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 38

- Vai trò của Trường Chính trị Tây Ninh trong đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong giai đoạn hiện nay 45

- Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới – thực tiễn triển khai tại Trường chính trị tỉnh Tây Ninh 51

ĐƯA NGHỊ QUYẾT VÀO CUỘC SỐNG

- Nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy về kinh tế tư nhân trong đội ngũ cán bộ, đảng viên địa phương theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW 57

- Phát huy tinh thần khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên tỉnh Tây ninh trong thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị 65

- Bộ tứ trụ cột – động lực quan trọng đưa Việt Nam vươn mình trong kỷ nguyên mới 70

- Bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ: Bài học lịch sử từ sự lãnh đạo của Đảng sau 1945 75

KINH NGHIỆM THỰC TIỄN

- Một số nội dung mới cần cập nhật, bổ sung trong giảng dạy môn xây dựng Đảng hiện nay 80

- Việt Nam – Hành trình 80 năm vươn lên mạnh mẽ 85

- Bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình sáp nhập các đơn vị hành chính – những vấn đề đặt ra và giải pháp từ thực tiễn tại tây ninh 93

- Sửa đổi, bổ sung hiến pháp Việt Nam – quyết sách lớn cho kỷ nguyên mới 97

HOẠT ĐỘNG PHONG TRÀO

- Đời đời tri ân các anh hùng liệt sĩ và người có công với cách mạng 103

VẬN DỤNG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ GIÁO DỤC TRONG VIỆC ĐÀO TẠO VÀ BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN HIỆN NAY

TS. Phạm Trường Sinh

Trưởng khoa Khoa Lý luận cơ sở

Tóm tắt: Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành sự quan tâm sâu sắc đến văn hóa và giáo dục. Người khẳng định: “*Nhiệm vụ của giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế - văn hóa*”¹. Người khẳng định: “*Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu*”². Với triết lý giáo dục thực tiễn sâu sắc: “*học để làm việc, làm người, làm cán bộ, học để phụng sự đoàn thể, phụng sự giai cấp và nhân dân, phụng sự Tổ quốc và nhân loại*”³. Những tư tưởng đó có ý nghĩa rất to lớn trong công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý hiện nay, nhất là trong thực hiện bộ máy theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đòi hỏi năng lực lãnh đạo quản lý và thực tiễn ngày càng cao.

Từ khóa: *Giáo dục, đào tạo và bồi dưỡng, lãnh đạo, cán bộ quản lý.*

Hơn 80 năm, Việt Nam dưới ách thống trị của thực dân Pháp. Về văn hóa, Pháp thực hiện chính sách nô dịch văn hóa, ngu dân. Trong *Tuyên ngôn Độc lập*, **Chủ tịch Hồ Chí Minh** chỉ rõ: “*Chúng lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân*”⁴. Ngay sau khi giành độc lập, trong ngày khai trường đầu tiên ở nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bác Hồ viết: “*ngày nay chúng ta cần phải xây dựng lại cơ đồ mà tổ tiên đã để lại cho chúng ta, ... làm sao chúng ta theo kịp các nước khác trên hoàn cầu*”⁵. Những trăn trở của Bác Hồ đối với giáo dục trong bức thư đầu tiên Người gửi cho học sinh và ngành giáo dục tháng 9 năm 1945 cho đến nay vẫn còn ý nghĩa lịch sử và thực tiễn sâu sắc. Trong di sản tư tưởng của Người còn nói nhiều đến vai trò, mục đích, nội dung và phương pháp giáo dục với tinh thần giáo dục toàn diện; ham học, ham làm, ham tiến bộ; học mãi để tiến bộ mãi; tự học và học tập suốt đời; học đi đôi với hành,

¹ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 10, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 345.

² Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr. 7.

³ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 6, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.208.

⁴ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 4, *Sđd*, tr.2.

⁵ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 4, *Sđd*, tr.35.

lý luận gắn với thực tiễn; học ở trường, học ở sách vở, học lẫn nhau và học ở nhân dân để phụng sự nhân dân.

Giáo dục và Đào tạo có vai trò, sứ mạng to lớn, Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về *đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế* khẳng định: “Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân”. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII khẳng định “Thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời”⁶. Phát triển giáo dục và đào tạo là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là điều kiện để phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Giáo dục và đào tạo góp phần quan trọng trong sự nghiệp nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, có những đóng góp nhất định vào thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử của đất nước, để đất nước ta có được cơ đồ tiềm lực và vị thế quốc tế như ngày nay.

Trong điều kiện hiện nay, cách mạng khoa học công nghệ đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, tạo nên sự biến cách to lớn trong đời sống xã hội, đặt ra những yêu cầu mới, nhu cầu mới, nhiệm vụ mới, suy nghĩ mới, hành động mới với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt đối với cán bộ, đảng viên của hệ thống chính trị trên con đường xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa⁷, Đảng ta tiếp tục xác định đào tạo, bồi dưỡng cán bộ là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; là giải pháp then chốt để xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế sâu rộng. Để làm được điều đó, chúng ta tiếp tục kiên định mục tiêu, triết lý giáo dục, phương châm học tập suốt đời, học lý luận, học quần chúng, học thực tế, coi trọng cả Tài - Trí - Đức, kết hợp hài hòa môi trường, chức năng giáo dục của “Nhà trường -

⁶ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. I, tr.137.

⁷ Tổng Bí thư Tô Lâm (2025): *Học tập suốt đời*, <https://baohinhphu.vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-hoc-tap-suot-doi-102250301172143439.htm>

Gia đình - Xã hội” góp phần xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao là nền tảng để đưa đất nước vững bước vào kỷ nguyên phát triển, giàu mạnh, sánh vai với các cường quốc năm châu.

Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ: “*Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và cần thiết*”⁸. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng yêu cầu: “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”⁹. **Trong điều kiện hiện nay**, hơn lúc nào hết, chúng ta cần có những cán bộ có tư duy, tầm nhìn, việc làm đột phá, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh, đặc biệt trong thực hiện các cuộc cách mạng về sắp xếp tổ chức bộ máy tinh - gọn - mạnh; hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả” và để khắc phục “Tình trạng hạn chế về chuyên môn, nghiệp vụ, chủ nghĩa cá nhân, bệnh kinh nghiệm trong một bộ phận cán bộ, đảng viên ảnh hưởng đến chất lượng thực thi công vụ, chất lượng phục vụ Nhân dân; ảnh hưởng đến tinh thần dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm”; chúng ta phải nắm vững quan điểm “Người cách mạng phải học suốt đời, học lý luận, học quần chúng, học thực tế”; “Học tập suốt đời để dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám hy sinh vì lợi ích chung để trở thành người có ích cho xã hội”¹⁰.

Sinh thời, **Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn**: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”¹¹, “*công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém*”. Với ý nghĩa đó, trong mọi thời kỳ, mọi giai đoạn cách mạng, trong chiến tranh giải phóng dân tộc cũng như trong thời kỳ hòa bình xây dựng đất nước, Đảng ta luôn coi trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ và xác định đây là công việc thường xuyên, liên tục, cấp bách và lâu dài của Đảng. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19/5/2018 của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về *tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ*” nhấn

⁸ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 15, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.622.

⁹ *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 2, tr.230.

¹⁰ Tổng Bí thư Tô Lâm (2025): *Học tập suốt đời*, <https://baochinhphu.vn>.

¹¹ Hồ Chí Minh (2011): *Toàn tập*, tập 5, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.309.

mạnh: “Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng; công tác cán bộ là khâu “then chốt” của công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị” và xác định: “Xây dựng đồng bộ, toàn diện các đối tượng cán bộ ở các cấp. Chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, tính chuyên nghiệp, tinh thần phục vụ nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức”.

Thực tiễn cách mạng qua các thời kỳ đã chứng minh vấn đề cán bộ và công tác cán bộ luôn có ý nghĩa quyết định. Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay, công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị luôn được cấp ủy từ Trung ương đến cơ sở quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo. Thông qua các khóa huấn luyện, lớp đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, đảng viên gian qua có đủ trình độ nhận thức và trưởng thành trong các hoạt động cách mạng; nâng cao ý thức tu dưỡng đạo đức cách mạng, khắc phục chủ nghĩa cá nhân, xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên có tư tưởng, lập trường vững vàng, có năng lực tổ chức, tập hợp, động viên, giáo dục, thuyết phục quần chúng, góp phần xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo cách mạng trong mọi thời kỳ.

Trong thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, cấp ủy các cấp, các địa phương, cơ quan, đơn vị đã xác định đào tạo, bồi dưỡng là khâu rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ cách mạng. Trong đó, chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nhằm trang bị kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, tuyệt đối trung thành với Đảng, có phẩm chất đạo đức, lối sống trong sáng, lành mạnh, sự tinh thông, nhanh nhạy và sáng tạo, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ là những chuyên gia giỏi trên từng lĩnh vực công tác, làm cơ sở nâng cao năng lực, hiệu quả lãnh đạo của cán bộ.

Đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên là một khâu quan trọng trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức, cán bộ của Đảng. Thực hiện lời dạy “huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong thời gian qua, trường Chính trị Tây Ninh với vị trí, chức năng, nhiệm vụ là đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý của Đảng bộ, chính

quyền, đoàn thể nhân dân trên địa bàn tỉnh về lý luận chính trị, hành chính, truyền tải đường lối, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; bồi dưỡng kiến thức và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, kiến thức về pháp luật và quản lý nhà nước; nghiên cứu khoa học phục vụ giảng dạy, học tập và tổng kết kinh nghiệm thực tiễn của các địa phương, cơ sở nhà trường đã không ngừng phát triển, cả về quy mô, số lượng và chất lượng, đào tạo. Cơ sở vật chất từng bước được cải thiện nâng cao, phục vụ ngày càng tốt hơn cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Hoạt động phối hợp, cộng tác giữa nhà trường với các sở, ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được duy trì chặt chẽ; tổ chức thực hiện và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tập thể nhà trường luôn đoàn kết, thống nhất, dân chủ, nỗ lực thi đua hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của tỉnh. Trong công tác đào tạo, bồi dưỡng luôn đổi mới nội dung chương trình, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đáp ứng nhu cầu thực tiễn của địa phương, đảm bảo thực hiện nghiêm túc theo đúng quy chế, hướng dẫn về chuyên môn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ giảng viên để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ của trường. Nhà trường đã chủ động phối hợp với các cơ quan liên quan mở nhiều lớp đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ các cấp trong tỉnh; phối hợp với Học viện Chính trị khu vực II để mở các lớp cao cấp lý luận chính trị theo chủ trương, chỉ đạo của Tỉnh ủy, đạt chỉ tiêu kế hoạch hàng năm; chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngày càng được nâng cao theo hướng “*học thực chất, thi thực chất, kết quả thực chất*”. Trường thường xuyên xây dựng được một đội ngũ cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, gồm nhiều thế hệ kế tiếp nhau.

Trong mọi hoàn cảnh, tập thể cán bộ, giảng viên nhà trường luôn giữ vững lập trường, nỗ lực phấn đấu, bám sát nhiệm vụ chính trị của Tỉnh, tập trung đổi mới cơ chế quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả mở lớp đào tạo, bồi

dưỡng lý luận chính trị về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho nhiều thế hệ cán bộ, đảng viên, trong đó, có nhiều cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng tại Trường đã giữ nhiều trọng trách quan trọng của các cơ quan Trung ương và của Tỉnh nhà; các đồng chí luôn nêu cao bản lĩnh chính trị và khả năng vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức lý luận vào thực tiễn công tác, góp phần quan trọng vào thắng lợi trong các thời kỳ cách mạng và công cuộc đổi mới quê hương, đất nước.

Để góp phần thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý, theo tôi, thời gian tới tập trung thực hiện tốt các nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là: Tiếp tục bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công tác tuyên truyền, truyền tải toàn diện các nội dung đến cán bộ, giảng viên và học viên; nhất là Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa XI và các Chỉ thị, Nghị quyết chuyên đề trung ương như: Nghị quyết Trung ương 4 khóa XII về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 117-KL/TW, ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư về “*Công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương*”; Kế hoạch 91-KH/TU, ngày 06/9/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 09/02/2018 của Ban Bí thư về “*Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, nghiên cứu, vận dụng và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới*”; Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 27/7/2021 của Tỉnh ủy Tây Ninh về “*Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên*” và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh về xây dựng trường Chính trị chuẩn, nhằm xây dựng Trường xứng đáng là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và trung tâm nghiên cứu khoa học chính trị của Tỉnh.

Hai là: Thường xuyên đổi mới cách nghĩ, cách làm, phát huy dân chủ, tìm tòi những giải pháp mới để đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cán bộ khoa học lý luận chính trị của tỉnh, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất đạo đức trong sáng, am hiểu sâu cả về lý luận chính trị và thực tiễn, có khả năng tập hợp, tổ chức, điều hành công việc giỏi ở tất cả các ngành, lĩnh vực.

Ba là: Phải chú trọng cập nhật chương trình, nội dung, đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập; đổi mới công tác thi, kiểm tra, đánh giá chất lượng học tập. Phát huy tính tích cực, tự giác, sáng tạo của học viên trong học tập và nghiên cứu; gắn học tập kiến thức lý luận cơ bản với kiến thức và năng lực thực hành nghiệp vụ công tác xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, đoàn thể. Đặc biệt, trong tình hình hiện nay, cần chú trọng yêu cầu giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho học viên, góp phần ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 khóa XI và XII về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với việc thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Tiếp tục thực hiện hiệu quả Nghị quyết 35-NQ/TW, ngày 20/10/2018 của Bộ Chính trị về “*Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”.

Bốn là: Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao toàn diện chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu, giảng dạy để có trình độ cao về chuyên môn, có vốn sống thực tế, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có năng lực sáng tạo; chú trọng phát huy vai trò của các giảng viên có kinh nghiệm, có uy tín trong Nhà trường, những đồng chí đã nghỉ hưu. Quan tâm, tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên đi nghiên cứu thực tế để bổ sung thêm kiến thức thực tiễn, hoàn thiện giáo trình bài giảng theo hướng lý luận phải đi đôi với thực tiễn; tránh tình trạng giảng viên chỉ biết lý luận suông, xa lạ với thực tiễn đời sống chính trị - xã hội đang diễn ra ở cơ sở. Mỗi giảng viên, viên chức nhà trường phải thực sự là cán bộ mẫu mực về mọi mặt, là tấm gương sáng để học viên noi theo.

Năm là: Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn. Đặc biệt là tổng kết thực tiễn để phát triển lý luận, tập trung làm sáng tỏ những vấn đề do thực tiễn đặt ra, kịp thời dự báo, cung cấp, bổ sung những luận cứ khoa học để đấu tranh phản bác những quan điểm thù địch và luận điệu sai trái; đồng thời, phục vụ trực tiếp cho nhiệm vụ nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Nhà trường. Tạo điều kiện thuận lợi để các học viên của Trường được tham gia trao đổi, thảo luận, phát huy tính chủ động, ý thức tự giác, học đi đôi với hành, gắn kiến thức cơ bản với kiến thức ứng dụng để sau khi hoàn thành chương trình học tập, nghiên cứu, các đồng chí học viên có thể vận dụng nhuần nhuyễn những kiến thức đã được trang bị vào hoạt động thực tiễn, xử lý đúng các tình huống công việc phù hợp với từng đối tượng học viên.

Sáu là: Tranh thủ các nguồn lực được phân bổ để đầu tư, cải tạo, nâng cấp, từng bước hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị và chăm lo đời sống, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho cán bộ, Giảng viên, viên chức, người lao động và học viên, nhằm phục vụ tốt công tác giảng dạy, học tập, nghiên cứu trong tình hình mới. Thực hiện tốt chủ trương xã hội hóa trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, phân đầu xây dựng trường Chính trị chuẩn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập I, II, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
2. Ban Bí thư (2015), Kết luận số 117-KL/TW ngày 20/11/2015 của Ban Bí thư về “Công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”.
3. Ban Chấp hành Trung ương (2014), Nghị quyết số 32-NQ/TW, ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị (khóa XI) về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”.
4. Ban Chấp hành Trung ương (2018), Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19/5/2018 về “Tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến

lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”.

5. Hồ Chí Minh (2011): Toàn tập, Tập 4, 5, 6, 10, 15, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Tổng Bí thư Tô Lâm (2025): Học tập suốt đời, <https://baohinhphu.vn/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-hoc-tap-suot-doi-102250301172143439.htm>

TẬP TRUNG DÂN CHỦ - NGUYÊN TẮC “HẠT NHÂN” TRONG SINH HOẠT VÀ LÃNH ĐẠO CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG

*ThS. Lê Thị Thúy Hà
Phó trưởng khoa Khoa Xây dựng Đảng*

Tóm tắt: Điều lệ Đảng khẳng định “Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ”. Việc hiểu đúng, hiểu đầy đủ về vị trí, vai trò, bản chất và nội dung của nguyên tắc tập trung dân chủ để xây dựng, chỉnh đốn Đảng, để nhận diện và đấu tranh với các thủ đoạn xuyên tạc của các thế lực thù địch về nguyên tắc “xương sống” này của Đảng là nhiệm vụ hết sức quan trọng hiện nay.

Từ khóa: Tập trung dân chủ

1. Phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác về nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, Lênin đã xây dựng luận chứng và áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ (TTDC) làm nguyên tắc cơ bản trong xây dựng và hoạt động của đảng kiểu mới của giai cấp công nhân. Lênin nhấn mạnh: nguyên tắc TTDC được áp dụng tùy thuộc vào tình hình của Đảng và các điều kiện lịch sử cụ thể của đảng đang hoạt động.

Dân chủ phải gắn liền với tập trung. Tập trung và dân chủ là hai mặt của một nguyên tắc, nó có quan hệ biện chứng mật thiết với nhau khi thực hiện phải dựa vào hoàn cảnh cụ thể trong từng giai đoạn và đặc điểm của địa phương, lĩnh vực hoặc ngành nghề, tuyệt đối hóa mặt này hay mặt kia sẽ dẫn đến sai lầm thậm chí có hại cho đảng; tuyệt đối hóa tập trung sẽ dẫn đến tập trung quan liêu; tuyệt đối hóa dân chủ sẽ trở thành dân chủ không có tổ chức, không có ai lãnh đạo được và thành dân chủ tự do, tùy tiện, vô chính phủ. Mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ trong nguyên tắc tổ chức của đảng, khi thực hiện phải vận dụng sáng tạo, phù hợp với điều kiện của giai đoạn, từng tổ chức, từng địa phương; phải đấu tranh chống mọi xu hướng rập khuôn cứng nhắc theo một kiểu thống nhất từ trên ban xuống...

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Trong nguyên tắc TTDC, thì dân chủ không đối lập với tập trung, mặt đối lập của dân chủ là “quân chủ”, là quan

liêu, độc tài. Mặt đối lập với tập trung và phân tán, cục bộ. Nguyên tắc TTDC vừa đảm bảo quyền chủ động của mọi thành viên trong tổ chức và đảm bảo thống nhất ý chí và hành động vì sự nghiệp chung. TTDC là nguyên tắc cơ bản và quan trọng nhất để xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước. Theo Người, TTDC tức là: tập trung trên nền tảng dân chủ và dân chủ dưới sự chỉ đạo của tập trung; TTDC tức là “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” mà “*Lãnh đạo không tập thể, thì sẽ đi đến cái tệ bao biện, độc đoán, chủ quan. Kết quả là hỏng việc. Phụ trách không do cá nhân, thì sẽ đi đến cái tệ bừa bãi, lộn xộn, vô chính phủ. Kết quả cũng hỏng việc. Tập thể lãnh đạo và cá nhân phụ trách cần phải luôn luôn đi đôi với nhau*”¹². Không thể thủ tiêu và làm biến dạng nguyên tắc TTDC vì như vậy nó làm cho tổ chức đảng rời rạc như “đũa mỗi chiếc mỗi nơi” dẫn đến đảng bị thủ tiêu, mất vị trí của Đảng cầm quyền và thành quả cách mạng do Đảng lãnh đạo cũng bị xóa sổ.

2. Cương lĩnh chính trị và Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam khẳng định: lấy TTDC là nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng, cấp ủy, tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên phải quán triệt, nhận thức đầy đủ bản chất và nội dung của nguyên tắc TTDC.

Nội dung “Tập trung” được hiểu là sự “thống nhất” (1) về mục tiêu, lý tưởng, quan điểm đường lối của Đảng trong toàn thể cán bộ, đảng viên; (2) về tư tưởng và hành động nhất trí; (3) về bộ máy, tổ chức từ trung ương đến cơ sở, sự phối hợp, hiệp đồng chặt chẽ của các tổ chức đảng và đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ của Đảng; (4) là sự tuân thủ của tổ chức đảng và đảng viên về kỷ luật, kỷ cương của Đảng. *Tập trung tức là tập trung trí tuệ của toàn đảng; là quyền lực của tập thể giao cho những người lãnh đạo để thực hiện ý chí của đa số, tập trung để đảm bảo sự thống nhất ý chí và hành động của toàn đảng.*

“Dân chủ” trong Đảng tức là tất cả đảng viên đều có quyền tham gia bàn bạc, thảo luận vào tất cả các công việc của Đảng một cách trực tiếp hay gián tiếp; mọi quyết định của các cấp bộ đảng phải được hình thành và tổ chức thực hiện thông qua dân chủ tức là phải được đa số đảng viên tán thành. *Dân chủ trong*

¹² Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.620, 283.

đảng là nhằm phát huy cao nhất trí tuệ, năng lực, sáng tạo của các tổ chức đảng và đảng viên để quyết định đó được trở nên đúng đắn phù hợp với quy luật và ý chí của con người.

Sự tập trung trong tổ chức và hoạt động của Đảng là tập trung trên cơ sở phát huy dân chủ, đó là: Đảng có một Cương lĩnh chính trị, điều lệ, đường lối, chủ trương... thống nhất, được xây dựng từ việc mở rộng dân chủ, từ sự tổng hợp trí tuệ, sáng tạo của toàn đảng, là cơ sở định hướng tập trung về mặt chính trị trong quá trình tổ chức hoạt động của Đảng, là mục tiêu phấn đấu được các đảng viên thừa nhận và hành động; là trong Đảng có một cơ cấu hệ thống tổ chức thống nhất từ trung ương đến cơ sở, có một trung tâm lãnh đạo thống nhất là đại hội đại biểu toàn quốc (giữa hai kỳ đại hội là Ban Chấp hành Trung ương) được hình thành từ quá trình thực hiện quyền dân chủ của đảng viên (thông qua chế độ bầu cử trong Đảng); trong Đảng có một kỷ cương, kỷ luật chặt chẽ thống nhất nghiêm minh được tất cả các đảng viên thừa nhận và chấp hành, không có ngoại lệ...

Tập trung là điều kiện, tiền đề quy định và mở rộng dân chủ chân chính. Tập trung không trên cơ sở dân chủ thì vừa làm mất dân chủ, xa rời thực tế, vừa làm cho tập trung trở thành tập trung, quan liêu, độc đoán, chuyên quyền, gia trưởng, thậm chí là quân phiệt, bất chấp kỷ cương, kỷ luật xem thường ý kiến đảng viên.

Tập trung và dân chủ đều phải có giới hạn. Mở rộng dân chủ mà không hướng tới sự tập trung là dân chủ không có mục đích, không có định hướng, dân chủ vô tổ chức, vô kỷ luật, vô chính phủ, tự do, tùy tiện, cướp đi sức mạnh của Đảng và không thể đạt được mục tiêu mà Đảng đã đặt ra.

Dân chủ là điều kiện, tiền đề của tập trung. Dân chủ trong Đảng là nhằm hướng đến sự tập trung, thống nhất để thực hiện mục tiêu, lý tưởng của Đảng, giữ vững kỷ luật, kỷ cương của Đảng. Dân chủ càng cao thì sự tập trung thống nhất càng lớn. Khi có sự thống nhất, tập trung cao trong tổ chức đó là biểu hiện cao nhất của việc thực hiện tốt dân chủ.

Dân chủ trong sinh hoạt và lãnh đạo của đảng là dân chủ có tính tập trung tính đảng và tính nguyên tắc. Dân chủ trong hoạt động của Đảng là quyền của mỗi đảng viên được tham gia vào tất cả các công việc của Đảng (trực tiếp hay gián tiếp); tham gia bầu cử các cơ quan lãnh đạo của Đảng; được cung cấp thông tin thông qua chế độ báo cáo, thông báo công khai trước đảng viên và quần chúng nhân dân; dân chủ thể hiện tính tập thể trong sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng. Mọi thành viên được tự do trong thảo luận và phê bình...một cách dân chủ, công khai trong tổ chức, được quyền bảo lưu ý kiến của mình, nhưng khi đã thống nhất thành nghị quyết của tổ chức thì phải nghiêm chỉnh chấp hành, không được nói trái, làm trái hoặc không thực hiện nghị quyết.

Dân chủ phải đảm bảo tính đảng tức là khi phát biểu, thảo luận phải luôn luôn đặt lợi ích của Đảng, của tổ chức, của tập thể lên trên hết; lợi ích riêng phải phục tùng lợi ích chung; lợi ích địa phương phải phục tùng lợi ích toàn cục. Dân chủ phải có tính kỷ luật, nhất là kỷ luật phát ngôn, phải chấp hành quy định về những điều đảng viên không được làm.

Dân chủ phải có tính nguyên tắc, tức là đảng viên phải chấp hành tuyệt đối những vấn đề thuộc về nguyên tắc của Đảng, đó là: xử lý đúng đắn các mối quan hệ: thiểu số phải phục tùng đa số; cá nhân phải phục tùng tổ chức, phục tùng tập thể; cấp dưới phải phục tùng cấp trên; địa phương phải phục tùng Trung ương; quyền lực phải được giám sát thường xuyên; mở rộng dân chủ nhưng phải tăng cường kỷ luật để nhằm mục đích tăng cường sức chiến đấu của Đảng, tuyệt đối không làm hại đến sự đoàn kết thống nhất trong cấp ủy, tổ chức đảng, đến lợi ích của cách mạng.

Tập trung dân chủ vừa đảm bảo quyền chủ động của mọi thành viên trong tổ chức vừa đảm bảo thống nhất ý chí, hành động vì sự nghiệp chung, khẳng định uy tín chính trị, niềm tin của nhân dân, tạo nên sức mạnh của tổ chức, của Đảng, như Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: Đảng ta tuy nhiều người nhưng khi tiến đánh thì chỉ như một người.

3. Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII) đánh giá: *Nguyên tắc TTDC ở nhiều nơi bị buông lỏng; nguyên tắc tự phê bình và phê bình thực hiện không*

ng nghiêm, chưa có cơ chế để bảo vệ người đấu tranh phê bình.

Kết luận số 21-KL/TW, ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng chính đôn đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn đẫy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa” chỉ rõ: một số cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu... “*không thực hiện nghiêm nguyên tắc TTDC, chưa gương mẫu, mất đoàn kết nội bộ, chưa thẳng thắn đấu tranh với những biểu hiện suy thoái “tự diễn biến”, “tự chuyên hóa”, thậm chí còn cục bộ, lợi ích nhóm, bị cám dỗ bởi lợi ích vật chất, thờ ơ, vô cảm trước khó khăn, bức xúc của nhân dân*”.

Trong công tác xây dựng, chính đôn Đảng hiện nay, một trong những khuyết điểm cơ bản, đầu tiên của tập thể và cá nhân được kết luận và công bố là: các tổ chức/cá nhân đã vi phạm nghiêm trọng, hoặc đặc biệt nghiêm trọng nguyên tắc TTDC, vi phạm quy chế làm việc và các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước... làm ảnh hưởng uy tín của Đảng và niềm tin của nhân dân. Khi vi phạm nguyên tắc TTDC, vi phạm quy chế làm việc, vi phạm quy định “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” sẽ là hệ lụy cho hàng loạt các sai phạm, khuyết điểm, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước.

Bản chất cốt lõi của nguyên tắc TTDC là cấp ủy, người đứng đầu phải xử lý đúng đắn, khéo léo các “mối quan hệ biện chứng”: giữa tập trung và dân chủ; Tập thể lãnh đạo với cá nhân phụ trách; Cấp dưới với cấp trên; Thiểu số với đa số; Kỷ luật và tự do; Quyền lực và giám sát quyền lực... Cấp ủy, người đứng đầu cấp ủy phải hiểu đúng bản chất và nội dung của nguyên tắc TTDC, phải cụ thể hóa nguyên tắc TTDC thành quy chế làm việc và kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc bằng các phương thức lãnh đạo phù hợp.

Quy định “tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách” phải được cấp ủy, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và nhất là bí thư cấp ủy quán triệt và thực hiện nghiêm túc, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cấp ủy, tổ chức đảng. Đây là nhiệm vụ quan trọng để vừa phát huy dân chủ, vừa tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong tổ chức đảng. Quy chế làm việc phải có quy định

phân công, phân nhiệm rõ ràng thẩm quyền của ban chấp hành, ban thường vụ, thường trực cấp ủy và của từng cấp ủy viên. Mỗi việc cụ thể phải có người cụ thể chịu trách nhiệm, tránh tình trạng tập thể lãnh đạo chung chung, cá nhân phụ trách thụ động, không rõ ràng nhiệm vụ và trách nhiệm, khi có thành tích ai cũng có công, khi có khuyết điểm thì đùn đẩy, đổ lỗi cho tập thể.

Xây dựng quy chế làm việc, mối quan hệ giữa cấp ủy với chính quyền (cơ quan, đơn vị) và các tổ chức trong hệ thống chính trị thiết thực, phù hợp với tình hình và loại hình tổ chức đảng. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế làm việc và chương trình công tác của cấp ủy; việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, đặc biệt là giám sát việc thực thi quyền lực để ngăn ngừa tình trạng áp đặt, bao biện, làm thay, lấn sân, thậm chí là độc đoán, chuyên quyền trong sinh hoạt và lãnh đạo của cấp ủy và người đứng đầu đối với chính quyền và các tổ chức khác. Phải kiểm soát quyền lực cá nhân bằng quyền lực tập thể, cấp trên phải thường xuyên kiểm tra, giám sát cấp dưới; kiểm soát quyền lực bằng QCLV; bằng phát huy vai trò giám sát của quần chúng nhân dân trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng...

Thực hiện chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước về sắp xếp đơn vị hành chính, đặc biệt là sắp xếp hệ thống tổ chức Đảng các cấp, hệ thống chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, đòi hỏi cấp ủy và chính quyền địa phương phải quyết tâm chính trị cao trong quán triệt và thực hiện.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền địa phương hiện nay, đòi hỏi phải có sự kết hợp hài hòa giữa việc tuân thủ các quy định của Đảng, của pháp luật, tuân thủ các hướng dẫn của cấp trên, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống chính trị, đồng thời phải xây dựng kế hoạch, lộ trình sắp xếp cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo tiến độ và chất lượng công việc.

Phát huy trách nhiệm, vai trò của cấp ủy, ban thường vụ và thường trực cấp ủy, nhất là người đứng đầu phải thực sự là “hạt nhân”, là trung tâm đoàn kết của hệ thống chính trị, phát huy trí tuệ tập thể và bản lĩnh quyết đoán “7 dám” trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Khuyến khích mọi người mạnh dạn suy nghĩ, tìm tòi, đóng góp trí tuệ để xây dựng và chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, phát triển trong giai đoạn mới. Cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành kỷ luật Đảng và vận động nhân dân chấp hành pháp luật, quy định của địa phương... Phát huy dân chủ rộng rãi sẽ tạo sự đồng thuận, ủng hộ của người dân, bộ máy chính quyền hoạt động hiệu quả, phục vụ người dân tốt hơn; quyền lợi của người dân được đảm bảo sẽ giúp củng cố niềm tin, tăng cường sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trong hệ thống chính trị và trong toàn xã hội, tạo nền tảng cho sự phát triển bền vững của địa phương.

Tập trung dân chủ là nguyên tắc có tính “hạt nhân”, “then chốt” trong hệ thống các nguyên tắc xây dựng Đảng, bởi vì về bản chất nguyên tắc TTDC có tính chất “chi phối và ảnh hưởng” đến hiệu quả thực hiện các nguyên tắc tự phê bình và phê bình, đến nguyên tắc đoàn kết thống nhất trong Đảng, đến mối quan hệ mật thiết với nhân dân và nguyên tắc Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật. Quán triệt và thực hiện đúng đắn nguyên tắc TTDC là nhiệm vụ và giải pháp để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của cấp ủy, chính quyền để xây dựng và củng cố niềm tin của nhân dân đối với công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945 ĐẾN KỶ NGUYÊN VƯỜN MÌNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

ThS. Lê Bá Giang
Giảng viên chính Khoa Xây dựng Đảng



Ảnh nguồn Internet

Tóm tắt: *Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đưa dân tộc Việt Nam bước vào kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Đây là thắng lợi vĩ đại đầu tiên, từ đây cách mạng Việt Nam đã giành những thắng lợi vĩ đại tiếp theo đó là thắng lợi của 30 năm kháng chiến oanh liệt (1945 – 1975), đặc biệt là thắng lợi của gần 40 năm đổi mới đất nước (1986 – 2025), giúp dân tộc Việt Nam tích lũy thế và lực để tiếp tục phát triển bứt phá giành những thắng lợi mới trong giai đoạn tiếp theo. Đây là thời điểm “hội tụ” tổng hoà các lợi thế, sức mạnh để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vườn mình của dân tộc tiếp sau kỷ nguyên độc lập, tự do, xây dựng chủ nghĩa xã hội và kỷ nguyên đổi mới.*

Từ khoá: *Cách mạng Tháng Tám 1945; đổi mới đất nước; kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vườn mình của dân tộc Việt Nam.*

Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, qua 15 năm, Đảng đã lãnh đạo dân tộc Việt Nam giành thắng lợi vĩ đại trong Cách mạng Tháng

Tám năm 1945. Ý nghĩa và tầm vóc vĩ đại của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 không chỉ đóng khung trong một thời điểm, một không gian nhất định, mà ngày càng lan toả cao rộng hơn cùng với tiến trình phát triển của dân tộc ta.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 tạo nên sức bật mạnh mẽ cho dân tộc ta giành tiếp những thắng lợi mới, viết tiếp những trang sử mới hào hùng và oanh liệt. Ngay khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà ra đời, dân tộc ta bước vào trận tuyến đấu tranh mới, khốc liệt hơn với 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc (1945 – 1975): thắng lợi của 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1945 – 1954), giải phóng hoàn toàn miền Bắc, đưa miền Bắc đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa cách mạng của cả nước, chuẩn bị điều kiện về vật chất và tinh thần cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội sau này. Tiếp đến là thắng lợi của 21 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam – kỷ nguyên độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Thắng lợi đó “mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX”¹³.

Sau đại thắng mùa xuân năm 1975, non sông thu về một mối, đất nước trọn niềm vui, mặc dù còn nhiều khuyết điểm, hạn chế trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội giai đoạn 1975 – 1986, nhưng những thành tựu của giai đoạn này là hết sức cơ bản, có ý nghĩa đặt nền móng, những viên gạch đầu tiên để Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới năm 1986, đất nước đạt những thành tựu to lớn, như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (2021) đã nhận định: “*Với tất cả sự khiêm tốn, chúng ta vẫn có thể nói rằng: Đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay*”¹⁴.

Trải qua gần 40 năm tiến hành công cuộc đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành tựu rất to lớn, có ý nghĩa lịch sử; độc lập, chủ quyền quốc gia và môi trường hoà bình được giữ vững, chính trị - xã hội ổn định, kinh tế ngày càng

¹³. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb.Sự thật, H.1977, tr.5-6.

¹⁴. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, t.I, H. 2021, tr.25.

phát triển, quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc, đời sống nhân dân không ngừng được nâng cao, đối ngoại ngày càng đi vào chiều sâu, góp phần tạo ra thế và lực mới cho quốc gia, dân tộc.

Từ một nước nghèo, lạc hậu, Việt Nam đã ra khỏi nhóm các nước có thu nhập thấp từ năm 2008; tốc độ tăng trưởng và sự phát triển của nền kinh tế đạt được ở mức cao, từ năm 1986 đến năm 2023 đạt trung bình hàng năm là 6,5%/năm, quy mô nền kinh tế ngày càng mở rộng, từ 4,5 tỷ USD năm 1986 đã tăng gấp 96 lần vào năm 2023 với 430 tỷ USD và năm 2025 ước đạt 510 tỷ USD; thu nhập bình quân đầu người từ 200 USD năm 1990 lên 1.168 USD năm 2010 và 4.284 USD năm 2023 (năm 2025, ước đạt 5.000 USD). Hiện nay, Việt Nam là nền kinh tế lớn thứ 4 trong khu vực ASEAN, thứ 32 trên thế giới.

Cùng với đó, Việt Nam đạt nhiều thành tựu về văn hoá, xã hội: Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, nâng cao; tỷ lệ hộ nghèo từ 58% năm 1993 giảm xuống còn 2,93% vào năm 2023, đến năm 2024 chỉ còn 1,91%; Việt Nam là điểm sáng được thế giới đánh giá cao về an toàn và ổn định xã hội. Việc chăm lo xây dựng, phát triển con người Việt Nam đạt những kết quả tích cực, tuổi thọ trung bình của người Việt cả nam và nữ năm 1990 là 60 tuổi, năm 2021 là 73,7 tuổi, thì đến năm 2025 là 74,7 tuổi; chỉ số HDI (chỉ số phát triển con người) của Việt Nam được xếp vào nhóm trung bình cao trên thế giới, năm 2022 là 0,726 điểm, xếp thứ 107/193 quốc gia.

Quốc phòng, an ninh cũng đạt được những thành tựu quan trọng, không ngừng củng cố bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo; bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa, từ lúc nước chưa nguy; chúng ta cũng có bước phát triển lớn trong nhận thức, từ chỗ xác định “bạn, thù” trong quan hệ đối ngoại, đã chuyển sang thành “đối tác, đối tượng” trong quan hệ quốc tế.

Đối ngoại Việt Nam đạt những thành tựu to lớn, từ chỗ bị bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, chúng ta đã từng bước phá thế bao vây, cấm vận, bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc (1991), Hoa Kỳ (1995), gia nhập

ASEAN (1995), WTO (2006)... Hiện nay, với đường lối đối ngoại hoà bình, hữu nghị, hợp tác, phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá, cùng phương châm Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, đã có 194 nước có quan hệ đối ngoại với Việt Nam, trong đó có 13 nước là đối tác chiến lược toàn diện, hàng chục đối tác toàn diện và đối tác chiến lược.

Vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng tiếp tục được nâng cao, củng cố niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa. Sức mạnh của Nhân dân và khối đại đoàn kết dân tộc được phát huy, đồng thuận xã hội được tăng cường, củng cố.

Cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy, hệ thống chính trị hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; hội nhập quốc tế trong tình hình mới; phát triển kinh tế tư nhân là đòn bẩy đưa đất nước bước vào kỷ nguyên thịnh vượng sẽ là bộ tứ trụ cột, tạo cơ hội lịch sử cho sự phát triển mạnh mẽ đất nước trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam.

Ngày 20/9/2024, trong bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, khi nói về công tác chuẩn bị nội dung dự thảo các văn kiện, đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định sự thống nhất của Trung ương khi đánh giá về thế và lực của đất nước sau 40 năm đổi mới: *Với thế và lực đã tích lũy được sau 40 năm đổi mới, với sự đồng lòng, chung sức của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, với những thời cơ, thuận lợi mới, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, chúng ta đã hội tụ đủ những điều kiện cần thiết và văn kiện Đại hội XIV phải đề ra được định hướng chiến lược, nhiệm vụ, giải pháp quan trọng để giải phóng toàn bộ sức sản xuất, phát huy tối đa nội lực, tranh thủ ngoại lực, lấy nguồn lực nội sinh, nguồn lực con người là nền tảng, khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của Dân tộc Việt Nam.*

Kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam, đó là kỷ nguyên phát triển, kỷ nguyên giàu mạnh dưới sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng

Cộng sản, xây dựng thành công nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa, dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, sánh vai với các cường quốc năm châu. Mọi người dân đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được hỗ trợ phát triển, làm giàu; đóng góp ngày càng nhiều cho hoà bình, ổn định, phát triển của thế giới, hạnh phúc của nhân loại và văn minh toàn cầu. *Đích đến của kỷ nguyên vươn mình* là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với các cường quốc năm châu. *Ưu tiên hàng đầu trong kỷ nguyên mới* là thực hiện thắng lợi các mục tiêu chiến lược đến năm 2030, Việt Nam trở thành nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; đến năm 2045 trở thành nước xã hội chủ nghĩa phát triển, có thu nhập cao; khơi dậy mạnh mẽ hào khí dân tộc, tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, khát vọng phát triển đất nước; kết hợp chặt chẽ sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. *Thời điểm bắt đầu kỷ nguyên mới* là Đại hội XIV của Đảng, từ đây, mọi người dân Việt Nam, hàng trăm triệu người như một, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đồng tâm hiệp lực, chung sức đồng lòng, tranh thủ tối đa thời cơ, thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, thách thức, đưa đất nước phát triển toàn diện, mạnh mẽ, bứt phá và cất cánh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb.Sự thật, H.1997.
2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng*, tập I, Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021.

Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM CỦA CÁCH MẠNG THÁNG TÁM NĂM 1945

*ThS. Nguyễn Thị Thu Hương
Giảng viên Phòng QLĐT&NCKH*

Tóm tắt: Cách mạng tháng Tám năm 1945 là một trong những trang sử hào hùng và rực rỡ nhất của dân tộc Việt Nam. Đây là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc thành công hiếm có trên thế giới, trong vòng chưa đầy một tháng, với sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Đông Dương và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã đứng lên lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và phát xít Nhật. Không chỉ dừng lại ở đó, Cách mạng tháng Tám còn xóa bỏ tận gốc rễ chế độ phong kiến mục nát, đã khởi đầu sự phát triển của đất nước và áp bức nhân dân suốt hàng ngàn năm.

Từ khóa: Cách mạng tháng Tám, giá trị, đoàn kết

1. Ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tháng Tám năm 1945 đối với dân tộc Việt Nam

Thứ nhất, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã đập tan ách thống trị hơn 80 năm của chủ nghĩa thực dân, phát xít tàn bạo, chấm dứt sự tồn tại của chế độ phong kiến lỗi thời; thiết lập nền dân chủ cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới trong lịch sử dân tộc - kỷ nguyên độc lập, tự do, nhân dân lao động làm chủ đất nước. Sự ra đời của Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam là bước nhảy vọt to lớn, là cuộc cải biến xã hội vĩ đại không chỉ của lịch sử dân tộc Việt Nam mà của cả lịch sử phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của các dân tộc bị áp bức chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc trên thế giới.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thể hiện nhân quan chính trị nhạy bén của Đảng khi nhận định những mâu thuẫn cơ bản giữa nhân dân Việt Nam và đế quốc, tay sai đã trở nên sâu sắc, từ đó yêu cầu độc lập dân tộc được đặt ra bức thiết, nhiệm vụ giải phóng dân tộc được đặt lên hàng đầu. Đây không phải là nhận thức “ngẫu nhiên” mà là kết quả của cả một quá trình đúc rút kinh nghiệm của Đảng qua cao trào cách mạng 1930 - 1931, đỉnh cao là Xô-viết

Nghệ - Tĩnh và cao trào cách mạng dân tộc dân chủ những năm 1936 - 1939, có sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về mối quan hệ giữa dân tộc và giai cấp ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp là cơ sở quan trọng để Đảng xác định đối tượng chính của cách mạng ở từng giai đoạn cụ thể, từ đó tổ chức lực lượng đánh bại kẻ thù, mở đường cho Cách mạng Tháng Tám đi đến thành công.

Thứ hai, thức tỉnh và đoàn kết toàn dân tộc, cách mạng tháng Tám đã biến một dân tộc bị áp bức thành một dân tộc giác ngộ, biết đứng lên đấu tranh để giành lại quyền sống, quyền làm người. Tinh thần "tất cả cho độc lập, tất cả cho tự do" đã tạo nên khối đại đoàn kết toàn dân tộc, là sức mạnh vô song để chiến thắng mọi kẻ thù.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 là cuộc vùng dậy và chiến đấu anh dũng của cả dân tộc, là đỉnh cao của ý chí quật cường, sức mạnh đoàn kết toàn dân, thể hiện tầm cao trí tuệ dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại. Trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, Cách mạng Tháng Tám là cuộc cách mạng vĩ đại nhất, là trang sử vẻ vang nhất, chói lọi nhất. Với Cách mạng Tháng Tám, “Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ Dân chủ Cộng hòa”¹⁵. Cách mạng Tháng Tám làm nên “cuộc đổi đời” cho toàn dân tộc. Từ thân phận nô lệ, nhân dân ta trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Trong những ngày Cách mạng Tháng Tám (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945), quần chúng nhân dân thông qua hình thức đấu tranh chính trị, như mít tinh, biểu tình, vận động binh lính,... có sự hỗ trợ của lực lượng vũ trang, đã nhanh chóng giành thắng lợi.

2. Những bài học còn nguyên giá trị từ Cách mạng Tháng Tám

Thứ nhất, bài học về sự lãnh đạo của Đảng: Sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Đảng Cộng sản (Đảng Cộng sản Đông Dương)

Sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Đảng là nhân tố quyết định thắng lợi

¹⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t. 4, tr. 3

của Cách mạng tháng Tám. Đảng đã nắm bắt thời cơ "ngàn năm có một", đưa ra những quyết sách đúng đắn để Tổng khởi nghĩa thành công.

Đảng đã sáng suốt nắm bắt tình hình quốc tế và trong nước để đề ra đường lối cứu nước đúng đắn, tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền. Trong cao trào cách mạng 1939-1945, Đảng đã tiến hành chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, thể hiện rõ nhất là ở ba Hội nghị Trung ương: Hội nghị Trung ương 6, tháng 11-1939 tại Gia Định do đồng chí Nguyễn Văn Cừ chủ trì; Hội nghị Trung ương 7, tháng 11-1940 tại Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) do Xứ ủy Bắc Kỳ triệu tập; Hội nghị Trung ương 8, tháng 5-1941 tại Pác Bó (Hà Quảng, Cao Bằng) do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Nét chung nhất của cả ba Hội nghị này trong chuyển hướng chỉ đạo chiến lược của Trung ương Đảng là ở chỗ:

Một là, gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, tập trung mũi nhọn vào giải quyết vấn đề dân tộc độc lập. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8, tháng 5-1941 đã chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, không đòi được độc lập, tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại được”¹⁶. Hội nghị đã quyết định: “với lực lượng sẵn có, ta có thể lãnh đạo một cuộc khởi nghĩa từng phần trong từng địa phương cũng có thể giành thắng lợi mà mở đường cho một cuộc tổng khởi nghĩa to lớn”¹⁷.

Hai là, lập Mặt trận dân tộc phản đế. Sau thời kỳ dân chủ 1936-1939, nhiệm vụ chống đế quốc nổi lên hàng đầu. Để tập hợp sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng ta đã thành lập Mặt trận Việt Minh ngay sau Hội nghị Trung ương 8 (5-1941). Như vậy, số lượng gần 5 nghìn đảng viên của Đảng được bổ sung về chất với hàng triệu thành viên của Mặt trận Việt Minh, tạo thành sức mạnh vật chất to lớn cho cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc.

¹⁶ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.7, tr.113.

¹⁷ Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000, t.7, tr.131-132.

Ba là, Đảng chủ trương lập chính quyền với chính thể cộng hòa dân chủ. Ngay tại Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (1930), Đảng đề ra chủ trương sẽ thành lập chính phủ công nông, tức là theo mô hình của chính quyền xôviết. Nhưng hình mẫu này không phù hợp với nước ta - một nước thuộc địa, phong kiến, nơi không chỉ có công - nông là lực lượng quan trọng của cách mạng mà còn có các lực lượng khác, như: trung, tiểu địa chủ, tư sản dân tộc có tinh thần yêu nước, đặc biệt là tầng lớp trí thức tiểu tư sản. Vì thế, Đảng ta đã chủ trương xây dựng chính quyền dân chủ nhân dân để tập hợp được sức mạnh của tất cả các giai cấp, tầng lớp yêu nước. Đây chính là sự nhận thức trên cơ sở tầm nhìn sáng suốt của Đảng trong thực tiễn hơn 10 năm kể từ khi ra đời.

Thứ hai, bài học về nghệ thuật nắm bắt thời cơ

“Thời cơ” là yếu tố then chốt. Cách mạng tháng Tám đã cho thấy tầm quan trọng của việc nhận định chính xác tình hình, đưa ra quyết định kịp thời để giành thắng lợi. Thời cơ chín muồi không tự nhiên mà có: Việc phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh (8/1945) tạo ra khoảng trống quyền lực tại Việt Nam, nhưng việc nắm bắt thời cơ và phát động Tổng khởi nghĩa một cách chính xác và đồng loạt trên cả nước là do sự lãnh đạo sáng suốt, linh hoạt và quyết đoán của Đảng Cộng sản Đông Dương.

Không phải “gặp may” mà biết tận dụng thời cơ: Rất nhiều quốc gia lúc đó cũng rơi vào hoàn cảnh tương tự (thuộc địa của phát xít Nhật) nhưng không giành được độc lập. Chỉ có Việt Nam làm được điều đó là nhờ vào khả năng tổ chức và lãnh đạo xuất sắc.

Một số người cho rằng việc phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh tháng 8/1945 là yếu tố “may mắn” quyết định thành công của cách mạng. Điều này chỉ đúng một phần rất nhỏ: đó là thời cơ. Nhưng thời cơ, dù quý giá đến đâu, nếu không có sự chuẩn bị chu đáo và khả năng tận dụng thì cũng sẽ trôi qua vô nghĩa. Rất nhiều nước châu Á khác lúc bấy giờ đã không kịp thời chớp lấy thời cơ để giành được độc lập như Việt Nam. Điều đó cho thấy, chính sự nhạy bén, linh hoạt trong đánh giá tình hình, cùng bản lĩnh chính trị vững vàng của Đảng đã giúp cách mạng Việt Nam chớp thời cơ “ngàn năm có một” để phát động tổng

khởi nghĩa trên toàn quốc. Chỉ trong vòng hai tuần, từ ngày 14/8 đến 28/8/1945, chính quyền đã về tay nhân dân ở hầu hết các tỉnh, thành trên cả nước, với số lượng thương vong rất ít – điều mà không phải cuộc cách mạng nào cũng có thể làm được.

Thứ ba, bài học về sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân:

Cách mạng tháng Tám là minh chứng hùng hồn cho sức mạnh vô tận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Khi toàn dân đồng lòng, không gì là không thể. Bên cạnh sự lãnh đạo tài tình của Đảng, một yếu tố vô cùng quan trọng khác làm nên thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám chính là lòng yêu nước, tinh thần dân tộc và sự đồng lòng của nhân dân. Từ nông thôn đến thành thị, từ miền xuôi đến miền ngược, cả dân tộc như bùng tỉnh trước tiếng gọi thiêng liêng của độc lập. Hàng triệu người dân đã tự nguyện đứng lên giành chính quyền, biểu tình, treo cờ đỏ sao vàng, phá bỏ ách thống trị cũ. Chính sức mạnh toàn dân ấy – chứ không phải một thế lực “may mắn” nào – mới là gốc rễ của thắng lợi. Cách mạng không đến từ sự ngẫu nhiên, mà từ sự đồng thuận sâu sắc giữa lòng dân và ý chí của người lãnh đạo. Sự ủng hộ tuyệt đối của quần chúng: Hàng triệu người dân khắp Bắc – Trung – Nam tham gia khởi nghĩa, giành chính quyền một cách nhanh chóng và ít đổ máu, chứng tỏ tinh thần yêu nước, đoàn kết và niềm tin tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng. Tổng khởi nghĩa diễn ra đồng loạt: Hơn 2.000 chính quyền cơ sở đã được giành lại chỉ trong vòng hai tuần – không thể là kết quả của “ăn may” mà là của sự chuẩn bị chu đáo, sự đồng lòng của toàn dân.

Cách mạng Tháng Tám giành thắng lợi đó là thắng lợi đầu tiên của một dân tộc thuộc địa lật đổ ách thống trị của cả thực dân và phát xít. Xét trên tầm vóc quốc tế, Cách mạng Tháng Tám cũng không phải là kết quả nhất thời. Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầu tiên ở Đông Nam Á thành công, mở ra làn sóng đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa. Nó chứng minh rằng một dân tộc nhỏ bé, không có quân đội chính quy, không có vũ khí hiện đại, vẫn có thể giành thắng lợi nếu có đường lối đúng đắn, sự đoàn kết và tinh thần quật cường. Chính vì vậy, việc cho rằng thắng lợi đó là do “ăn may” không chỉ xúc

phạm đến lịch sử dân tộc, mà còn xem nhẹ giá trị thiêng liêng của độc lập, tự do – điều đã được đánh đổi bằng biết bao xương máu của cha ông.

Trong bối cảnh hiện nay, đội ngũ giảng viên trường chính trị đóng vai trò quan trọng trong việc truyền tải, bảo vệ và phát huy những giá trị thiêng liêng đó. Họ không chỉ giảng dạy lý luận chính trị, mà còn có trách nhiệm nâng cao nhận thức, giáo dục thế hệ trẻ về tầm quan trọng của thắng lợi lịch sử Cách mạng Tháng Tám, về vai trò to lớn của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Các giảng viên trường chính trị cần phải tiếp tục giữ vững và phát huy vai trò của mình trong việc định hướng tư tưởng, đấu tranh chống lại những quan điểm lệch lạc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, qua đó góp phần khẳng định giá trị và sức mạnh của cuộc cách mạng mà dân tộc ta đã giành được.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Tập 7 Nxb. Chính trị quốc gia, H.2000.
2. Học viện chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh: Kiên định, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, Nxb. Lý luận chính trị, H.2019.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Tập 4, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.

NHỮNG QUY ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC

*ThS. Mai Tuấn Kiệt
Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị*

***Tóm tắt:** Quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức hiện nay được quy định tại Nghị định 171/2025/NĐ-CP và các văn bản hướng dẫn liên quan. Nghị định này tập trung vào nguyên tắc, nội dung, hình thức và quản lý đào tạo, bồi dưỡng, áp dụng cho nhiều đối tượng, bao gồm công chức trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp.*

***Từ khóa:** quy định đào tạo, bồi dưỡng, cán bộ, công chức*

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 Chính phủ ban hành Nghị định số 171/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025; bãi bỏ các quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức quy định tại Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ. Nghị định ban hành nhằm hướng đến việc đào tạo, bồi dưỡng nhằm trang bị kiến thức, kỹ năng, phương pháp thực hiện nhiệm vụ trong hoạt động công vụ của cán bộ, công chức và hoạt động nghề nghiệp của viên chức, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chuyên nghiệp, có phẩm chất đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị và năng lực, đáp ứng yêu cầu phục vụ nhân dân, sự nghiệp phát triển của đất nước.

Nghị định số 171/2025/NĐ-CP quy định về đối tượng áp dụng; về nguyên tắc; đối tượng điều kiện đào tạo; hình thức bồi dưỡng; nội dung, chương trình, hình thức và quản lý, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng công chức; giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng...

1. Về đối tượng đào tạo, bồi dưỡng: Nghị định áp dụng đối với các đối tượng là công chức trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương, ở cấp tỉnh, ở cấp xã.

2. Về nguyên tắc đào tạo, bồi dưỡng: Nghị định quy định 4 nguyên tắc bao gồm: Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức; tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; vị trí việc làm; gắn với công tác sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức, phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực của cơ quan, đơn vị. Thực hiện phân công, phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý; kết hợp phân công và cạnh tranh trong tổ chức bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm. Đề cao ý thức tự học và việc lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức. Bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả.

3. Đối tượng, điều kiện đào tạo: Về đối tượng, điều kiện đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, Nghị định quy định cán bộ, công chức cấp xã là người dân tộc thiểu số hoặc công tác tại các xã miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và phải có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo. Về đào tạo sau đại học, cán bộ, công chức phải đáp ứng điều kiện: Có thời gian công tác từ đủ 3 năm trở lên (không kể thời gian tập sự) và 2 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo hoàn thành tốt nhiệm vụ; không quá 40 tuổi tính từ thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu; có cam kết thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

Điều kiện đào tạo sau đại học đối với viên chức gồm: Đã kết thúc thời gian tập sự (nếu có); có cam kết thực hiện nhiệm vụ, hoạt động nghề nghiệp tại cơ quan, đơn vị sau khi hoàn thành chương trình đào tạo trong thời gian ít nhất gấp 2 lần thời gian đào tạo; chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm.

Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi học theo các chương trình hợp tác với nước ngoài được ký kết hoặc gia nhập nhân danh Nhà nước, Chính phủ

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, ngoài các quy định nêu trên còn phải đáp ứng yêu cầu khác của chương trình hợp tác.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo từ trình độ trung cấp trở lên bằng nguồn ngân sách nhà nước hoặc kinh phí của cơ quan quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nếu tự ý bỏ học, bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc trong thời gian đào tạo; không được cơ sở đào tạo cấp văn bằng tốt nghiệp; đã hoàn thành và được cấp văn bằng tốt nghiệp khóa học nhưng bỏ việc hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc khi chưa phục vụ đủ thời gian cam kết thì phải đền bù chi phí đào tạo.

4. Về hình thức tổ chức, nội dung bồi dưỡng công chức: Hình thức tổ chức bồi dưỡng bao gồm 3 hình thức là tập trung; trực tuyến; kết hợp trực tiếp và trực tuyến. Nội dung bồi dưỡng công chức, gồm các nội dung như bồi dưỡng lý luận chính trị; kiến thức quốc phòng và an ninh; kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước; kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm; kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

Trong đó, công chức lãnh đạo, quản lý bắt buộc phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước sau khi bổ nhiệm vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.

Nghị định số 171/2025/NĐ-CP cũng quy định: Bộ Nội vụ ban hành và quản lý chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương. Bộ Nội vụ thẩm định chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương. Bộ Nội vụ thành lập hội đồng và tổ chức thẩm định các chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức lãnh đạo, quản lý: cấp phòng và tương đương, cấp sở và tương đương, cấp vụ và tương đương.

Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ

quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương.

5. Về giảng viên tham gia đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức

Nghị định quy định tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng là giảng viên của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; giảng viên kiêm nhiệm; người được mời thỉnh giảng đáp ứng các tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách của giảng viên đào tạo, bồi dưỡng công chức. Về tiêu chuẩn của giảng viên: Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Phẩm chất chính trị vững vàng, đạo đức, lối sống lành mạnh; Đạt chuẩn về trình độ đào tạo chuyên môn theo quy định; Có trình độ lý luận chính trị, tin học, ngoại ngữ và nghiệp vụ sư phạm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao; Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ; Lý lịch bản thân rõ ràng, đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn chính trị. Về nhiệm vụ của giảng viên bao gồm: Biên soạn chương trình, tài liệu và giảng dạy theo quy định; Nghiên cứu khoa học và công nghệ; Học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ, theo đó Bộ Nội vụ hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với giảng viên của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan của Quốc hội, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn, nhiệm vụ, chế độ, chính sách đối với giảng viên của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Tóm lại, công tác đào tạo, bồi dưỡng được xác định là khâu đột phá để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, cải cách công vụ, công chức gắn với chuyển đổi số quốc gia, nhất là trong giai đoạn sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp thì việc đổi mới những quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức có ý nghĩa rất quan trọng và cần thiết.



Lễ Bế giảng lớp Trung cấp lý luận chính trị Khóa 17, năm học 2024-2025



Lễ Bế giảng lớp Bồi dưỡng ngạch chuyên viên và tương đương, Khóa 1 năm 2025

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức
2. Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ.
3. Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng công chức

TĂNG CƯỜNG ĐẤU TRANH VỚI CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI LỢI DỤNG VĂN HỌC, NGHỆ THUẬT CHỐNG PHÁ ĐẢNG, NHÀ NƯỚC TA TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Nguyễn Thị Hoàn
Giảng viên chính Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Hoạt động văn học, nghệ thuật có vai trò rất quan trọng trong đời sống hiện nay song cũng xuất hiện những biểu hiện lệch lạc, sai trái nên bị các thế lực thù địch lôi kéo, lợi dụng, kích động và xuyên tạc. Do đó, cần phải nhận diện những biểu hiện sai trái, lệch lạc trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật để có cách thức đấu tranh phù hợp, hiệu quả góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Từ khóa: Văn học, nghệ thuật; đấu tranh; Đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Văn học, nghệ thuật là một món ăn tinh thần của đời sống xã hội, góp phần nuôi dưỡng, bồi đắp tình cảm, tư tưởng cao đẹp, trong sáng và cổ vũ, động viên nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trên phương diện văn hóa. Sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh khi nói về vai trò của văn học, nghệ thuật và đội ngũ văn, nghệ sỹ chính là những chiến sỹ tiên phong trên mặt trận này. Trong “Thư gửi các họa sỹ nhân dịp triển lãm hội họa” đăng trên Báo Cứu quốc, số 1986, ngày 05/01/1952, Người đã nhận xét: “Văn hóa nghệ thuật cũng là một mặt trận. Anh chị em là chiến sỹ trên mặt trận ấy.” Và trong bài “Cảm tưởng đọc Thiên gia thi”, Người viết: “Thơ xưa yêu cảnh thiên nhiên đẹp/Mây gió trăng hoa tuyết núi sông/Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong”.

Cùng với kinh tế, chính trị, văn hóa chính là một mặt trận quan trọng, có sứ mệnh to lớn trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc, tạo động lực, niềm tin, củng cố tinh thần giúp quân và dân ta có nghị lực mạnh mẽ để vượt qua mọi khó khăn, thử thách bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Văn hóa, nghệ thuật cũng như các hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị. Văn hóa, kinh tế, chính trị có mối quan hệ gắn bó với nhau.

Chính vì vai trò quan trọng của văn hóa nói chung, văn học, nghệ thuật nói riêng mà các thế lực thù địch, phản động luôn coi đây là mảnh đất màu mỡ để hoạt động gieo rắc những tư tưởng sai trái, thù địch nhằm thực hiện âm mưu diễn biến hòa bình trên đất nước ta. Do đó, việc nhận diện, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực văn hóa nói chung và văn học nghệ thuật nói riêng là việc làm rất cần thiết trong giai đoạn hiện nay.

Xác định văn hóa chính là một mặt trận quan trọng, trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta đã phát huy được sức mạnh to lớn của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức. Với tài năng, nhiệt huyết, đạo đức cách mạng và tình yêu quê hương, đất nước, rất nhiều văn, nghệ sĩ đã có những tác phẩm có giá trị nhân văn sâu sắc, góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước ta. Đồng thời văn học, nghệ thuật góp phần đáng kể khích lệ, tạo dựng nền tảng tinh thần, bồi đắp tư tưởng tình cảm, lối sống tốt đẹp, tạo động lực, niềm tin cho mỗi người dân Việt Nam trong công cuộc đổi mới và hội nhập, tạo động lực tinh thần để toàn đảng, toàn dân ta chiến thắng những khó khăn, thử thách hướng tới mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, văn học, nghệ thuật cũng phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức từ nhiều phương diện, trong đó đáng chú ý nhất chính là việc các thế lực thù địch đã lợi dụng văn học, nghệ thuật để chống phá, xuyên tạc công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng ta hiện nay.

Thực tế trong lịch sử văn học nghệ thuật của đất nước ta đã có những văn, nghệ sĩ có những quan điểm, lập trường cực đoan, phiến diện, sai lầm, lệch lạc tác động xấu, tiêu cực đến tư tưởng của nhân dân. Nguyên nhân của tình trạng này là do những văn nghệ sĩ đó không chịu khó tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, không giữ vững bản lĩnh, lập trường, mặt khác do bị các thế lực thù địch dụ dỗ, mua chuộc, kích động. Từ đó, họ lợi dụng chiêu bài tự do dân chủ, tự do ngôn luận, tự do báo chí để sáng tác, in ấn và phát hành những tác phẩm có nội dung chống đối, đả kích đảng Cộng sản Việt Nam, đã kích chế độ,

họ cố tình xuyên tạc các hình tượng lãnh tụ, gây sự hoài nghi về các anh hùng dân tộc...Dưới ngòi bút của những văn, nghệ sĩ có tư tưởng lệch lạc, bị các thế lực thù địch mua chuộc đó, đã có không ít tác phẩm văn học nghệ thuật ra đời với nội dung tiêu cực phủ nhận thành tựu công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Thậm chí họ còn dùng văn phong đê tô vẽ, phóng đại mặt trái, tiêu cực của đời sống xã hội, ca ngợi cuộc sống hưởng thụ, tuyên truyền những tư tưởng bi quan, hoài nghi dao động về con đường đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, xuyên tạc, phủ nhận nội dung, giá trị Của tư tưởng mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hầu hết các tác phẩm này đều được sáng tác, in ấn tại nước ngoài hoặc phát tán trên các trang mạng xã hội, các đài truyền thanh của các thế lực thù địch. Nhằm thu hút sự quan tâm rộng rãi của đông đảo quần chúng nhân dân, các thế lực thù địch đã tuyên truyền, quảng bá mang tính giật gân, lựa chọn những tiêu đề câu khách, để kích thích sự tò mò chú ý của người đọc.

Trong thời gian gần đây, một số văn, nghệ sĩ, trí thức có uy tín, từng đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong bộ máy lãnh đạo, quản lý văn học, nghệ thuật cũng muốn vận động, thành lập tổ chức văn học, nghệ thuật độc lập hoạt động ngoài sự quản lý của Nhà nước mang danh “dân chủ”, “tự do” để dễ bề hoạt động, thực hiện mưu đồ chống phá Đảng, chống phá Nhà nước ta. Một số cá nhân tỏ rõ thái độ bất mãn, thường xuyên sử dụng các trang mạng xã hội để phát tán các nội dung văn thơ, âm nhạc, phê bình những vấn đề thời sự, chính trị, văn hóa, xã hội của đất nước bằng những ngôn ngữ của văn chương, nghệ thuật với cái nhìn cực đoan sai trái, lệch lạc.

Để làm trong sạch hoạt động văn hóa, nghệ thuật, vừa góp phần củng cố, bảo vệ mặt trận tư tưởng của Đảng, đấu tranh, vạch trần các quan điểm sai trái, thù địch trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật, trong thời gian tới cần tập trung vào một số giải pháp chủ yếu sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật và đội ngũ văn, nghệ sĩ.

Các cấp ủy đảng, chính quyền, các cơ quan, đơn vị có chức năng lãnh đạo,

quản lý lĩnh vực văn học, nghệ thuật cần phải có những biện pháp thiết thực, hiệu quả để lãnh đạo, quản lý hoạt động văn học, nghệ thuật theo đúng chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện cần phải định hướng cho giới độ ngũ văn, nghệ sĩ tạo ra những sản phẩm văn học, nghệ thuật đáp ứng nhu cầu tinh thần đa dạng và lành mạnh của nhân dân, cung cấp những thông tin chính xác cho nhân dân để phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Đồng thời các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải rà soát, nghiên cứu bổ sung các quy chế, quy định đối với văn, nghệ sĩ, kiểm soát tốt các khâu công bố, xuất bản, phát hành, công chiếu các tác phẩm văn học, nghệ thuật và cần phải có sự thẩm định chặt chẽ nội dung của các tác phẩm văn học, nghệ thuật để có thể loại bỏ, sàng lọc những tác phẩm độc hại, phản giá trị. Cùng với đó phải thực hiện hiệu quả công tác quản lý các loại ấn phẩm, văn hóa phẩm xấu, độc hại từ nước ngoài xâm nhập vào nước ta.

Hai là, làm tốt công tác đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện cho đội ngũ văn, nghệ sĩ.

Cần phải tiếp tục đổi mới cả về nội dung, chương trình, hình thức và phương pháp đào tạo bồi dưỡng hướng tới việc đào tạo, nâng cao chất lượng chuyên môn, truyền thụ cảm hứng sáng tạo, nâng cao nhận thức cho văn nghệ sĩ về chủ nghĩa mác Lênin tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, về lịch sử truyền thống vẻ vang của dân tộc Việt Nam. Đồng thời các cơ quan, đơn vị chuyên môn cần phải làm tốt công tác nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để làm sáng tỏ những vấn đề đang đặt ra đối với lĩnh vực văn học về nghệ thuật cũng như công tác xây dựng đội ngũ văn, nghệ sĩ để đảm bảo các tác phẩm văn học, nghệ thuật có chất lượng cao. Cần tiếp tiếp tục bồi dưỡng, rèn luyện cho giới văn, nghệ sĩ về bản lĩnh chính trị để họ xứng đáng là những chiến sĩ cách mạng trên mặt trận văn học, nghệ thuật. Chú trọng xây dựng, rèn luyện người đứng đầu các cấp hội văn học, nghệ thuật có năng lực lãnh đạo, quản lý, có trình độ chuyên môn, có đạo đức, có uy tín, có bản lĩnh chính trị vững vàng.

Ba là, tích cực, chủ động đấu tranh phòng ngừa, phát hiện với các hoạt động lợi dụng văn học, nghệ thuật để chống phá Đảng, Nhà nước ta của các thế lực thù địch.

Các cơ quan quản lý nhà nước về văn học, nghệ thuật cần phải chủ động xây dựng và thực hiện các phương án phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động lợi dụng văn học, nghệ thuật để tuyên truyền các luận điệu sai trái của các thế lực thù địch nhằm chống phá Đảng, Nhà nước ta. Nghiên cứu và xây dựng các căn cứ khoa học, đào tạo đội ngũ chuyên gia để thẩm định một cách khách quan, khoa học các nội dung liên quan tới văn học nghệ thuật trước khi cho xuất bản và kịp thời phát hiện ra những nội dung độc hại, sai trái ngay từ khâu đầu tiên. Kiên quyết xử lý nghiêm minh những trường hợp lợi dụng kẽ hở của công tác quản lý, lợi dụng không gian mạng lợi dụng tự do ngôn luận để viết các tác phẩm, in ấn, phát tán những nội dung Xấu, độc hại, sai trái với chủ trương đường lối của đảng chính sách pháp luật của nhà nước, bôi xấu, bôi nhọ lãnh tụ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kích động tư tưởng của nhân dân, vi phạm những thuần phong mỹ tục gây tổn hại đến an ninh, chính trị quốc gia.

ĐẨY MẠNH BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRONG DỊP KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM THÀNH CÔNG VÀ QUỐC KHÁNH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

*ThS. Phạm Thị Cẩm Lài
Trưởng khoa Khoa Xây dựng Đảng*

Tóm tắt: Cách đây 80 năm, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam đã thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám, đánh đổ ách thống trị của thực dân, phong kiến, thành lập ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là thắng lợi vĩ đại đầu tiên của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Giá trị lịch sử và ý nghĩa thời đại của Cách mạng Tháng Tám là không thể phủ nhận. Tuy nhiên, hằng năm vào dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 của nước ta, các thế lực thù địch, phản động bằng mọi âm mưu, thủ đoạn đã bóp méo sự thật, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành quả cách mạng của dân tộc. Do đó, cần phải đẩy mạnh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong bối cảnh cả nước đang hướng đến kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 – 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Từ khóa: Cách mạng Tháng Tám; Quốc Khánh 2/9; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

Cách đây 80 năm, dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã làm nên Cách mạng Tháng Tám vĩ đại, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, giành lại độc lập dân tộc và thành lập nên Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào ngày 2/9/1945 – Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Sự kiện này đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam: kỷ nguyên độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 không chỉ là đỉnh cao của truyền thống yêu nước, mà còn là minh chứng hùng hồn cho vai trò lãnh đạo đúng đắn, tài tình và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam – nhân tố quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

80 năm trôi qua kể từ mùa thu lịch sử ấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đất nước ta đã trải qua nhiều chặng đường cam go nhưng đầy vinh quang: vượt qua hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và làm tròn nghĩa vụ quốc tế; tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Việt Nam đã vươn lên từ một nước nghèo nàn, lạc hậu, bị tàn phá nặng nề bởi chiến tranh trở thành quốc gia đang phát triển có thu nhập trung bình. Tính đến năm 2024, quy mô nền kinh tế Việt Nam xếp thứ 32 trên thế giới, thuộc nhóm 20 nền kinh tế hàng đầu về thương mại và thu hút đầu tư nước ngoài. Vị thế, uy tín trên trường quốc tế ngày càng cao, Việt Nam là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, góp phần quan trọng duy trì môi trường hòa bình, ổn định để phát triển. Thành quả ấy càng củng cố thêm giá trị thời đại và sức sống trường tồn của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh mừng 2/9. Đó là minh chứng sinh động cho tâm vóc, trí tuệ và bản lĩnh của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta trong hành trình vượt qua khó khăn, thử thách, khơi dậy nội lực, tranh thủ thời cơ, hội nhập sâu rộng và phát triển bền vững.

Tuy nhiên, càng tiến bộ, phát triển thì cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận càng trở nên gay gắt và phức tạp. Các thế lực thù địch, phản động và cơ hội chính trị trong và ngoài nước không ngừng chống phá nền tảng tư tưởng của Đảng, nhất là vào dịp kỷ niệm các ngày lễ lớn và các sự kiện lịch sử quan trọng của đất nước. Năm 2025, cả nước hướng đến kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công (19/8/1945 – 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với rất nhiều hoạt động có ý nghĩa, nhằm ôn lại truyền thống hào hùng của dân tộc, lịch sử vẻ vang của Đảng; khẳng định tâm vóc, ý nghĩa lịch sử, giá trị thời đại và sức sống trường tồn của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam); giáo dục truyền thống yêu nước, tinh thần đại đoàn kết, khát vọng hòa bình, ý chí tự lực tự cường, tự tôn, tự hào dân tộc; qua đó khơi dậy và bồi đắp niềm tin, niềm tự hào của Nhân dân đối với

Đảng, với Nhà nước, để đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Trong khi đó, các thế lực thù địch lại ra sức hoạt động chống phá trên mặt trận tư tưởng, chúng xuyên tạc, bóp méo lịch sử Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9; phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong thắng lợi của cách mạng; phủ nhận giá trị, ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh; xuyên tạc tính chính danh, chính nghĩa của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Chúng cho rằng cuộc Cách mạng Tháng Tám là “cuộc cách mạng ăn may”, là “sai lầm lịch sử”, là “cướp chính quyền” từ tay một chính phủ hợp pháp, là “thay thế từ chế độ vua trị sang đảng trị”; thậm chí còn xuyên tạc Tuyên ngôn Độc lập ngày 2/9 như một sự “sao chép” hoặc “lợi dụng” tư tưởng phương Tây. Chúng khai thác các vấn đề kinh tế – xã hội hiện nay để quy kết, bóp méo bản chất của chế độ, từ đó cổ súy cho các giá trị “tự do phương Tây”, “đa nguyên, đa đảng”, âm mưu làm lung lạc niềm tin của Nhân dân vào con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác Hồ đã lựa chọn.

Trên không gian mạng, các thế lực thù địch sử dụng các phương tiện hiện đại, mạng xã hội, nền tảng truyền thông số để gieo rắc thông tin sai lệch, kích động tâm lý hoài nghi, chống đối, đặc biệt hướng vào giới trẻ, những người thiếu nền tảng lịch sử sâu sắc. Đây là thách thức lớn, đồng thời cũng là lời cảnh tỉnh cho công tác giáo dục chính trị tư tưởng, lý luận trong thời đại số.

Trong bối cảnh đó, việc kiên quyết và kiên trì đấu tranh phản bác các luận điệu sai trái, thù địch là nhiệm vụ hết sức cấp thiết và mang ý nghĩa chiến lược, đó là một nội dung cơ bản, hệ trọng, sống còn của công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Đấu tranh không chỉ để ngăn chặn sự xâm nhập của các tư tưởng phản động mà còn để giữ vững niềm tin của Nhân dân đối với Đảng, chế độ và con đường phát triển của đất nước. Đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng chính là bảo vệ độc lập, chủ quyền, bảo vệ thành quả cách mạng và bảo vệ tiền đề phát triển của dân tộc. Việc không đấu tranh hoặc làm một cách hình thức, thiếu chiều sâu, thiếu sức thuyết phục sẽ tạo ra khoảng trống nhận thức, dẫn đến nguy cơ “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong một bộ phận cán bộ,

đảng viên và Nhân dân, đặc biệt là thế hệ trẻ. Do vậy, nhiệm vụ bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch cần được thực hiện với tinh thần khoa học, bản lĩnh, có căn cứ lý luận – thực tiễn vững chắc, trên cả phương diện học thuật lẫn truyền thông – giáo dục.

Để thực hiện hiệu quả công cuộc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, nhất là trong dịp kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, cần tập trung vào một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội về ý nghĩa lịch sử, giá trị thời đại và sức sống trường tồn của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

Trong bối cảnh thông tin đa chiều, với sự chống phá quyết liệt của các thế lực thù địch, cần đổi mới nội dung, phương pháp, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Tuyên truyền phải đi trước một bước, phải thường xuyên, liên tục, có định hướng, có chiều sâu và phù hợp với từng đối tượng. Phải tận dụng hiệu quả các phương tiện truyền thông mới, các nền tảng số, mạng xã hội để tuyên truyền, lan tỏa về ý nghĩa lịch sử, giá trị thời đại của Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2/9, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, công lao của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, tinh thần độc lập dân tộc và tự chủ quốc gia. Việc tuyên truyền không chỉ dừng lại ở kỷ niệm mà cần gắn liền với các thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của đất nước sau gần 40 năm đổi mới, nhất là trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại, khẳng định vai trò lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo của Đảng. Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại, giữa lý luận và thực tiễn để nâng cao hiệu quả tuyên truyền.

Thứ hai, chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên không gian mạng.

Không gian mạng trở thành mặt trận tư tưởng quan trọng, nơi các thế lực thù địch triệt để lợi dụng để chống phá Đảng và Nhà nước ta. Do đó, việc nâng

cao năng lực đấu tranh phản bác trên không gian mạng là nhiệm vụ cấp thiết. Cần xây dựng đội ngũ chuyên gia, cán bộ chuyên trách có bản lĩnh chính trị vững vàng, lý luận sắc bén, lập luận chặt chẽ, có tư duy phản biện và am hiểu công nghệ thông tin để chủ động đấu tranh trên không gian mạng, kịp thời phát hiện, xử lý, định hướng dư luận xã hội. Đồng thời, cần xây dựng các kênh truyền thông tích cực, chính thống, tạo diễn đàn để trao đổi lý luận chính trị phù hợp. Bên cạnh đó, cần hoàn thiện hành lang pháp lý và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng, đảm bảo quản lý hiệu quả thông tin trên không gian mạng nhưng vẫn tôn trọng quyền tiếp cận thông tin chính đáng của người dân.

Thứ ba, phát huy vai trò của đội ngũ giảng viên lý luận chính trị, báo chí, văn nghệ sĩ, trí thức và nhân sĩ yêu nước trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Giảng viên lý luận chính trị là lực lượng nòng cốt trên mặt trận tư tưởng của Đảng. Đội ngũ giảng viên cần không ngừng nâng cao trình độ lý luận chính trị, năng lực thực tiễn, sử dụng phương pháp giảng dạy hiện đại, hấp dẫn; thực hiện tích hợp bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào nội dung bài giảng, nhất là các bài giảng về Đảng Cộng sản Việt Nam, về những thành tựu vĩ đại của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay, trong đó có Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để nâng cao nhận thức cho học viên, đồng thời vạch trần, đấu tranh phản bác các luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch. Việc đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy lý luận chính trị cần gắn với thực tiễn cách mạng, phát huy tư duy phản biện, khơi dậy tinh thần trách nhiệm của người học.

Đối với đội ngũ trí thức, báo chí, văn nghệ sĩ, phải tích cực sáng tạo, lan tỏa giá trị tích cực, phản ánh hiện thực cách mạng, khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần tự hào dân tộc, nhất là vào các ngày lễ lớn và các sự kiện trọng đại của đất nước. Đặc biệt, cần khơi dậy tinh thần dân thân, trách nhiệm xã hội và ý thức bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng từ mỗi tác phẩm, mỗi sản phẩm báo chí, văn hóa.

Thứ tư, kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Nghị quyết số 35 – NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị về “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới” đã chỉ rõ: “Gắn kết chặt chẽ giữa “xây” và “chống”, “xây” là cơ bản, “chống” là phải quyết liệt, hiệu quả”. Kết hợp giữa nhiệm vụ trước mắt và nhiệm vụ lâu dài; nâng cao khả năng tự phòng, chống của cán bộ, đảng viên và nhân dân trước âm mưu, thủ đoạn và hoạt động của các thế lực thù địch, đối tượng phản động, cơ hội chính trị. Phát huy dân chủ đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và xã hội”.

Kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” trong bối cảnh kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là phải đẩy mạnh giáo dục lý luận chính trị, khơi dậy lòng tự hào dân tộc, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lan tỏa những giá trị bền vững của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội – những thành quả mà Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 đã khai mở. Cùng với đó là củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần cách mạng và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. Đồng thời, phải đấu tranh kiên quyết, có hiệu quả với mọi quan điểm sai trái, phản động, xuyên tạc lịch sử, phủ nhận thành tựu cách mạng, kích động “phi chính trị hóa” các lĩnh vực then chốt. Đặc biệt, cần chủ động nhận diện và phản bác các âm mưu lợi dụng các sự kiện lịch sử như Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 để gây hoài nghi, chia rẽ nội bộ, làm giảm sút niềm tin của Nhân dân vào Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Nhân dân ta đang ra sức xây dựng. Việc kết hợp chặt chẽ giữa “xây” và “chống” phải được tiến hành đồng bộ, có định hướng chiến lược lâu dài, trên cả phương diện lý luận và thực tiễn. Đây là cách để phát huy giá trị lịch sử của những mốc son chói lọi trong lịch sử dân tộc, đồng thời củng cố “thành trì tư tưởng” vững chắc của Đảng ta trong tình hình mới.

Tóm lại, kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là dịp để toàn Đảng, toàn dân

và toàn quân ta ôn lại những trang sử hào hùng của dân tộc, khẳng định giá trị lịch sử và thời đại của Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9. Nhưng đồng thời, đây cũng là lúc phải nhận diện rõ các âm mưu phá hoại, xuyên tạc của các thế lực thù địch và quyết tâm hơn bao giờ hết trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch để ngăn chặn, đẩy lùi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; tăng cường, củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch không chỉ là nhiệm vụ của Đảng, của các cơ quan lý luận, mà là trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, đặc biệt là đội ngũ giảng viên lý luận chính trị trong các trường chính trị. Với niềm tin sắt son vào lý tưởng cách mạng, bằng những hành động cụ thể, thiết thực, chúng ta sẽ tiếp tục giữ vững ngọn lửa tư tưởng của Đảng, bảo vệ vững chắc thành quả của 80 năm độc lập, tự chủ và phát triển của đất nước.

VAI TRÒ CỦA TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TÂY NINH TRONG ĐẤU TRANH, PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

ThS. Trần Thị Bé Nhi
Giảng viên chính Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ có ý nghĩa sống còn đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và Nhân dân ta. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế sâu rộng và sự bùng nổ thông tin trên không gian mạng hiện nay, các thế lực thù địch, phản động không ngừng gia tăng các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước bằng nhiều hình thức tinh vi, xuyên tạc chủ trương, đường lối, phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng, gây hoang mang trong xã hội. Trước tình hình đó, hệ thống các trường chính trị tỉnh, thành phố – đặc biệt là Trường Chính trị Tây Ninh – với chức năng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và nghiên cứu lý luận chính trị, có vai trò quan trọng trong việc trang bị tri thức, củng cố bản lĩnh, nâng cao sức đề kháng tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, góp phần giữ vững trận địa tư tưởng của Đảng ngay tại địa phương.

Từ khóa: Trường Chính trị Tây Ninh; đấu tranh; phản bác; sai trái; thù địch

1. Vai trò của Trường Chính trị Tây Ninh trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Một là: Trang bị lý luận chính trị cho cán bộ cơ sở. Là trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh, Trường Chính trị Tây Ninh có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc trang bị nền tảng lý luận chính trị – tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở, nhất là cán bộ trong diện quy hoạch, cán bộ nguồn. Đây chính là lực lượng trực tiếp làm công tác tư tưởng, tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng tại địa phương. Thông qua các lớp Trung cấp lý luận chính trị, bồi dưỡng ngắn hạn theo chuyên đề, nhà trường giúp học viên hiểu rõ và nắm vững chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các nghị quyết, chỉ thị của Đảng; từ đó hình thành thế giới quan khoa học, lập trường tư tưởng vững vàng. Việc học tập lý luận được lồng ghép với thực tiễn địa phương, các vấn đề thời sự,

giúp học viên có khả năng nhận diện đúng – sai, đủ sức đề kháng trước những luận điệu sai trái, thù địch, đặc biệt là các chiêu bài “diễn biến hòa bình”, “phi chính trị hóa quân đội”, “tự diễn biến, tự chuyển hóa” mà các thế lực thù địch đang ráo riết thực hiện. Thông qua hoạt động đào tạo, Trường Chính trị Tây Ninh không chỉ truyền đạt tri thức lý luận, mà còn góp phần xây dựng bản lĩnh chính trị, tư duy phản biện và năng lực tuyên truyền thuyết phục cho đội ngũ cán bộ cơ sở – lực lượng nòng cốt trong trận tuyến bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tại địa phương.

Hai là: Đội ngũ giảng viên là lực lượng tiên phong phản bác quan điểm sai trái. Giảng viên của Trường Chính trị Tây Ninh không chỉ là người truyền đạt kiến thức, mà còn là chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng – văn hóa. Với nhiệm vụ giảng dạy chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đội ngũ giảng viên chính là lực lượng nòng cốt trong việc định hướng nhận thức chính trị, củng cố niềm tin, xây dựng bản lĩnh chính trị cho học viên. Đồng thời, trong quá trình giảng dạy, giảng viên kịp thời cập nhật thông tin thời sự, phân tích những biểu hiện sai trái, xuyên tạc để học viên có thể “miễn dịch tư tưởng”, không rơi vào “bẫy lập luận” của các thế lực phản động.

Ba là: Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn phục vụ công tác đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. Nghiên cứu khoa học là một trong những chức năng, nhiệm vụ của nhà trường. Trường Chính trị Tây Ninh đã tích cực triển khai các đề tài nghiên cứu gắn với thực tiễn địa phương như: nhận diện luận điệu sai trái, phòng ngừa “tự diễn biến”, công tác giáo dục chính trị trong tình hình mới... Các sản phẩm nghiên cứu có giá trị tham khảo, cung cấp luận cứ khoa học cho công tác tuyên truyền, phản bác các quan điểm sai trái. Ngoài ra, hoạt động tổng kết thực tiễn từ cơ sở giúp nhà trường cập nhật tình hình, điều chỉnh nội dung chương trình giảng dạy phù hợp, từ đó nâng cao hiệu quả giáo dục lý luận chính trị và công tác đấu tranh tư tưởng sát thực tiễn.

Bốn là: Tăng cường phối hợp với các cơ quan Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư

tường của Đảng. Trường Chính trị Tây Ninh thường xuyên phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, các sở, ban, ngành để tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên đề, các hội nghị tuyên truyền, hội thảo khoa học... Qua đó, nhà trường không chỉ mở rộng ảnh hưởng trong công tác lý luận, mà còn trực tiếp tham gia xây dựng lực lượng nòng cốt trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

2. Một số hạn chế, khó khăn trong đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Mặc dù đã đạt được những kết quả tích cực trong công tác giáo dục lý luận, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng, nhưng Trường Chính trị Tây Ninh vẫn còn một số hạn chế, khó khăn:

Thứ nhất, hiện nay Trường Chính trị Tây Ninh vẫn còn hạn chế về số lượng và chất lượng các bài viết chuyên sâu, có tính phản biện sắc sảo để trực tiếp đấu tranh, phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trên các kênh truyền thông chính thống. Đặc biệt, trong bối cảnh không gian mạng đang là “mặt trận nóng” của cuộc đấu tranh tư tưởng, việc tham gia “chiến đấu” bằng lý luận, thông tin chính xác, định hướng dư luận trên môi trường số còn mờ nhạt. Điều này khiến tiếng nói chính thống của trường chưa lan tỏa mạnh mẽ, chưa thực sự đóng vai trò dẫn dắt, bảo vệ nhận thức tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân.

Thứ hai, một bộ phận giảng viên và học viên của Trường Chính trị Tây Ninh hiện nay còn thiếu kỹ năng phản biện, tư duy lý luận chính trị chưa thực sự sắc bén, linh hoạt. Việc tiếp cận thông tin đa chiều, nắm bắt các quan điểm sai trái để phân tích, phản bác trên cơ sở lý luận khoa học còn hạn chế. Đối với học viên – là cán bộ cơ sở hoặc cán bộ nguồn – việc rèn luyện năng lực tư duy lý luận, phản biện trước các thông tin sai lệch còn bị xem nhẹ trong chương trình học. Điều này khiến họ gặp khó khăn trong thực tiễn công tác tuyên truyền, vận động quần chúng, nhất là khi tiếp cận các thông tin xấu độc lan truyền trên mạng xã hội. Hạn chế này cũng phần nào cho thấy cần có sự đổi mới mạnh mẽ về phương pháp giảng dạy, tổ chức thảo luận, tranh luận khoa học và lồng ghép

tình huống thực tiễn trong đào tạo, nhằm rèn luyện bản lĩnh chính trị và năng lực đấu tranh lý luận cho cả giảng viên lẫn học viên.

Thứ ba, công tác phối hợp giữa Trường Chính trị Tây Ninh với các cơ quan, lực lượng có chức năng đấu tranh tư tưởng như Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Công an tỉnh, các cơ quan báo chí, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội tuy đã có nhưng chưa thực sự chặt chẽ, bài bản và thường xuyên. Trong khi đó, hoạt động bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ mang tính tổng hợp, đòi hỏi sự gắn kết, đồng bộ từ nhiều lực lượng trong hệ thống chính trị. Chính vì vậy, Trường Chính trị cần chủ động hơn nữa trong vai trò trung tâm lý luận, tham mưu và kết nối các đơn vị, cùng xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch tại địa phương.

3. Một số giải pháp phát huy vai trò của Trường Chính trị Tây Ninh trong đấu tranh, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Trường Chính trị Tây Ninh cần tập trung thực hiện đồng bộ một số giải pháp trọng tâm sau:

Thứ nhất, tăng cường bồi dưỡng năng lực tư tưởng, bản lĩnh chính trị và kỹ năng phản biện cho đội ngũ giảng viên và học viên. Đây là lực lượng giữ vai trò nòng cốt trong công tác giáo dục lý luận chính trị, trực tiếp tham gia giảng dạy, tuyên truyền, vận động quần chúng tại cơ sở. Do đó, việc nâng cao nhận thức chính trị, khả năng nhận diện âm mưu, thủ đoạn chống phá, cũng như kỹ năng phản bác luận điệu sai trái là yêu cầu cấp thiết. Nhà trường cần tổ chức các lớp tập huấn chuyên đề, hội thảo khoa học, diễn đàn trao đổi nghiệp vụ, qua đó tạo môi trường rèn luyện tư duy phản biện, khả năng lập luận có căn cứ lý luận – thực tiễn. Đây cũng là điều kiện để xây dựng đội ngũ giảng viên có “tâm lý luận”, học viên có “sức đề kháng tư tưởng” trước các luận điệu xuyên tạc thù địch ngày càng tinh vi, nguy hiểm.

Thứ hai, lồng ghép nội dung đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch vào chương trình giảng dạy và hoạt động sinh hoạt chính trị trong nhà

trường. Đây không chỉ là yêu cầu về mặt nội dung, mà còn là phương pháp nâng cao tính chiến đấu và tính thực tiễn trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Việc tích hợp các chuyên đề chuyên sâu, cập nhật tình hình đấu tranh tư tưởng hiện nay vào bài giảng sẽ giúp học viên nhận diện rõ bản chất các luận điệu xuyên tạc, từ đó có khả năng xử lý linh hoạt các tình huống cụ thể trong thực tế công tác. Bên cạnh đó, cần khuyến khích các lớp học tổ chức sinh hoạt chuyên đề, thảo luận nhóm, đóng vai phản biện... để phát huy vai trò chủ động, sáng tạo của học viên trong tự rèn luyện kỹ năng nhận thức và đấu tranh lý luận.

Thứ ba, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, viết bài phản bác và lan tỏa chính kiến đúng đắn trên các kênh truyền thông chính thống. Trường Chính trị Tây Ninh cần phát huy vai trò là trung tâm nghiên cứu lý luận chính trị của tỉnh, khuyến khích giảng viên và học viên tích cực tham gia viết bài cho các tạp chí, báo chí Trung ương và địa phương, trang thông tin điện tử của Trường và của tỉnh. Nội dung cần tập trung phản ánh, phân tích, lý giải kịp thời các vấn đề lý luận và thực tiễn đang được dư luận quan tâm, đặc biệt là các luận điệu xuyên tạc, sai trái. Thông qua đó, nhà trường không chỉ góp phần định hướng dư luận, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, mà còn tạo môi trường học thuật phong phú, rèn luyện khả năng tư duy và phản biện khoa học cho đội ngũ giảng viên, học viên.

Thứ tư, tăng cường phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, lực lượng làm công tác tư tưởng trên địa bàn như Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị – xã hội và cơ quan báo chí. Trường Chính trị cần chủ động xây dựng cơ chế phối hợp thường xuyên, tổ chức các hoạt động trao đổi nghiệp vụ, tọa đàm, tập huấn chuyên đề nhằm thống nhất nhận thức, chia sẻ thông tin, nâng cao năng lực đấu tranh tư tưởng cho đội ngũ cán bộ. Đồng thời, phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị trong việc phát hiện, phản bác các thông tin xuyên tạc, góp phần tạo nên “thế trận lòng dân” vững chắc, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng từ cơ sở, nhất là trong bối cảnh địa bàn Tây Ninh có nhiều yếu tố nhạy cảm về tôn giáo, dân tộc và an ninh biên giới.

Để nâng cao hiệu quả đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trong tình hình mới, Trường Chính trị Tây Ninh cần triển khai đồng bộ các giải pháp thiết thực và lâu dài. Trọng tâm là nâng cao năng lực tư tưởng, bản lĩnh chính trị và kỹ năng phản biện cho đội ngũ giảng viên, học viên; đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy gắn với thực tiễn đấu tranh tư tưởng. Đồng thời, đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, viết bài tuyên truyền, chủ động tham gia không gian mạng để lan tỏa thông tin tích cực. Việc tăng cường phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị sẽ góp phần tạo thế trận tư tưởng vững chắc, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, qua đó khẳng định vai trò nòng cốt của Trường Chính trị trong công cuộc bảo vệ Đảng về chính trị, tư tưởng ở địa phương.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 35-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII “về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”
2. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/05/18/vai-tro-cua-truong-chinh-tri-cap-tinh-trong-nhan-dien-dau-tranh-phan-bac-cac-quan-diem-sai-trai-thu-dich-bao-ve-nen-tang-tu-tuong-cua-dang/>

**TĂNG CƯỜNG BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG,
ĐẤU TRANH PHẢN BÁC CÁC QUAN ĐIỂM SAI TRÁI, THÙ ĐỊCH
TRONG TÌNH HÌNH MỚI – THỰC TIỄN TRIỂN KHAI
TẠI TRƯỜNG CHÍNH TRỊ TỈNH TÂY NINH**

*ThS. Võ Thị Thu Thảo
Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật*

***Tóm tắt:** Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Trước yêu cầu ngày càng cao về công tác tư tưởng – lý luận, Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh đã có nhiều nỗ lực cụ thể trong công tác tuyên truyền, giảng dạy, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Bài tham luận phân tích các cơ sở lý luận, chủ trương lớn của Đảng, đồng thời đánh giá kết quả thực tiễn, thuận lợi, khó khăn và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng tại địa phương.*

***Từ khóa:** Nền tảng tư tưởng của Đảng; chủ nghĩa Mác – Lênin; tư tưởng Hồ Chí Minh; Trường Chính trị; đấu tranh phản bác; Tây Ninh; Nghị quyết 35-NQ/TW; công tác tư tưởng.*

1. Cơ sở lý luận và định hướng chỉ đạo của Đảng

Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, kiên quyết đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch là nhiệm vụ then chốt được khẳng định rõ trong Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”. Nghị quyết nêu rõ: “Tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới là yêu cầu cấp bách, lâu dài, thường xuyên và hệ trọng trong xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức.”

Nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, là kim chỉ nam cho toàn bộ hoạt động của Đảng và Nhà nước. Trong bối cảnh hiện nay, các thế lực thù địch tăng cường hoạt động chống phá trên không gian mạng, xuyên tạc lịch sử, cổ súy tư tưởng phản động, kích động chia rẽ nội

bộ. Do đó, bảo vệ nền tảng tư tưởng không chỉ là nhiệm vụ của các cơ quan lý luận, báo chí mà còn là trách nhiệm của toàn hệ thống chính trị, trong đó Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh đóng vai trò quan trọng.

Một số văn kiện quan trọng làm cơ sở lý luận và định hướng hành động gồm:

Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới”.

Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyên hoá”.

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

2. Thực tiễn triển khai công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới tại Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh

2.1. Thực tiễn triển khai

Trong những năm gần đây, Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh đã có nhiều đổi mới về nội dung, phương pháp, hình thức trong công tác giảng dạy, tuyên truyền và đấu tranh tư tưởng, nhằm hiện thực hóa chủ trương của Đảng về bảo vệ nền tảng tư tưởng và phản bác các quan điểm sai trái, thù địch.

Một là, đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy lý luận chính trị

Trường đã chủ động cập nhật các nghị quyết, kết luận mới của Trung ương vào chương trình đào tạo trung cấp lý luận chính trị, trong đó nhấn mạnh các nội dung: Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong bối cảnh toàn cầu hóa và cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nhận diện và phản bác các luận điệu xuyên tạc về chủ nghĩa xã hội, về vai trò lãnh đạo của Đảng; Diễn biến hòa bình và “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong cán bộ, đảng viên cơ sở.

Việc đổi mới phương pháp giảng dạy cũng được quan tâm: từ lối truyền thụ một chiều sang khuyến khích học viên thảo luận, phản biện, xử lý tình huống. Nhiều giảng viên đã áp dụng phương pháp tình huống giả định chính trị – hành chính để học viên rèn luyện tư duy đấu tranh lý luận.

Hai là, tổ chức hoạt động ngoại khóa, nghiên cứu và tuyên truyền chuyên sâu

Trường đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học cấp khoa, cấp trường, cấp tỉnh, các buổi sinh hoạt chuyên đề, báo cáo thời sự, tọa đàm tư tưởng đã được lồng ghép nội dung “nhận diện và đấu tranh với thông tin sai trái”, giúp học viên và giảng viên chủ động nhận diện và phản bác trước các luồng dư luận độc hại.

Ba là, nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên lý luận chính trị

Đội ngũ giảng viên được tạo điều kiện tham gia các lớp tập huấn về kỹ năng giảng dạy, truyền thông số, công nghệ thông tin và cập nhật các định hướng chính trị – tư tưởng mới. Một số giảng viên còn tích cực viết bài phản bác quan điểm sai trái trên các tạp chí, báo Đảng, Cổng thông tin của tỉnh...

Đặc biệt, các tổ chuyên môn có trách nhiệm thẩm định nội dung bài giảng, bài kiểm tra và nghiên cứu chuyên đề để đảm bảo định hướng tư tưởng chính trị vững vàng, nhất quán trong quá trình đào tạo.

2.2. Thuận lợi, khó khăn, thách thức đặt ra

Về thuận lợi:

- Có sự chỉ đạo thường xuyên, sâu sát của Tỉnh ủy, Ban Giám hiệu Trường;
- Đội ngũ giảng viên tâm huyết, chủ động cập nhật kiến thức;
- Học viên các lớp trung cấp lý luận chính trị chủ yếu là cán bộ, công chức ở cơ sở luôn có tinh thần cầu thị, nghiên cứu lý luận gắn với thực tiễn công tác.

Về khó khăn, thách thức:

Đối tượng học viên: Nhiều cán bộ, công chức cơ sở xuất thân từ ngành chuyên môn kỹ thuật, chưa được đào tạo bài bản về chính trị – tư tưởng, nên tư duy phản biện còn hạn chế, dễ bị ảnh hưởng bởi thông tin tiêu cực.

Không gian mạng: Tin giả, tin xuyên tạc phát tán nhanh, trong khi khả năng truyền thông phản bác chính thống còn chậm, thiếu sự đa dạng về hình thức tiếp cận.

Trình độ công nghệ thông tin của giảng viên: Một bộ phận giảng viên chưa thành thạo ứng dụng công nghệ số vào giảng dạy, chưa khai thác được thế mạnh của mạng xã hội, podcast, infographic để truyền tải nội dung bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng.

3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ nền tảng tư tưởng của đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong thời gian tới tại Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh

Trên cơ sở đánh giá thực tiễn, Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh cần tập trung triển khai các nhóm giải pháp sau:

Thứ nhất, tiếp tục đổi mới chương trình, tài liệu, phương pháp giảng dạy

Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo trung cấp lý luận theo hướng tăng cường nội dung “bảo vệ nền tảng tư tưởng”, “kỹ năng phát hiện và phản bác quan điểm sai trái”; Lồng ghép các ví dụ thực tiễn, các tình huống chính trị cụ thể tại địa phương giúp học viên dễ hiểu, dễ nhớ, dễ vận dụng; Đổi mới phương pháp: áp dụng dạy học tích cực, xử lý tình huống, học theo dự án, học qua mạng...

Thứ hai, phát triển đội ngũ giảng viên lý luận chính trị có trình độ – bản lĩnh

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về tư tưởng chính trị, kỹ năng sư phạm, truyền thông và ứng dụng công nghệ cho giảng viên; Khuyến khích giảng viên tham gia viết bài, phản biện xã hội, tổ chức chuyên đề khoa học nội bộ gắn với thực tiễn địa phương; Xây dựng diễn đàn học thuật nội bộ để trao đổi chuyên môn và nâng cao năng lực “tự bảo vệ tư tưởng”.

Thứ ba, tăng cường truyền thông chính trị trên nền tảng số

Tổ chức các cuộc thi làm video, podcast, bài nói tuyên truyền về đấu tranh phản bác quan điểm sai trái; Phối hợp với Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ tổ chức các sân chơi chính luận phù hợp với nhiều lứa tuổi học viên; Tạo chuyên mục “*Tư tưởng – chính trị*” trên website nhà trường để phổ biến nội dung cốt lõi, tài liệu chính thống.

Thứ tư, tăng cường liên kết, phối hợp với các cơ quan hữu quan

Thường xuyên phối hợp với Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, Báo Tây Ninh để nắm bắt dư luận xã hội, chia sẻ thông tin định hướng. Mời các chuyên gia, nhà báo, cán bộ an ninh văn hóa tham gia giảng dạy, báo cáo chuyên đề cho học viên và giảng viên.

Tóm lại, trong tình hình mới, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng không chỉ là một khẩu hiệu chính trị mà phải trở thành hành động cụ thể trong mọi mặt hoạt động của các Trường Chính trị. Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, tăng cường tuyên truyền – giáo dục – phản bác trong môi trường lý luận, góp phần củng cố niềm tin vào Đảng, vào lý tưởng cách mạng của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 35-NQ/TW, ngày 22/10/2018 của Bộ Chính trị khóa XII về “*tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới*”.

2. Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII “*Về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*”.

3. Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/10/2021 của Ban Chấp hành Trung ương về đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị; kiên quyết ngăn chặn, đẩy lùi, xử lý nghiêm cán bộ, đảng viên suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*”.

4. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

5. Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 16/01/2025 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

6. Văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy Tây Ninh và Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh (2023 – 2025).

NÂNG CAO NHẬN THỨC CHO CÁN BỘ, ĐẢNG VIÊN ĐỊA PHƯƠNG VỀ KINH TẾ TƯ NHÂN THEO TÍNH THẦN NGHỊ QUYẾT 68-NQ/TW

*ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Nhung
TSGV Khoa Nhà nước và Pháp luật*

Tóm tắt: Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị là bước ngoặt quan trọng trong việc thay đổi tư duy và thể chế, nhằm thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển mạnh mẽ, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Việc nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy của đội ngũ cán bộ, đảng viên là một trong những yếu tố then chốt để thực hiện thành công Nghị quyết này, góp phần kiến tạo môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng, thúc đẩy kinh tế đất nước phát triển bền vững.

Từ khóa: *kinh tế tư nhân; nghị quyết 68-NQ/TW; đổi mới tư duy; cán bộ, đảng viên*

Trong tiến trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, khu vực kinh tế tư nhân ngày càng khẳng định được vai trò, vị trí trong nền kinh tế quốc dân. Nhận thức rõ điều đó, Đảng ta đã có nhiều chủ trương nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho khu vực kinh tế tư nhân phát triển. Đặc biệt, ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về tiếp tục phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế. Đây là văn kiện quan trọng, không chỉ đặt ra những mục tiêu, giải pháp mang tính chiến lược mà còn thể hiện sự thay đổi mạnh mẽ trong tư duy, quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với khu vực kinh tế này.

Tuy nhiên, thực tiễn tại nhiều địa phương cho thấy, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết còn gặp không ít khó khăn, trong đó nổi lên là hạn chế trong nhận thức, tư duy của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Một số người vẫn còn mang nặng định kiến, sự nghi ngại, hoặc chậm thay đổi trong phương pháp tiếp cận, dẫn đến việc vận dụng Nghị quyết chưa hiệu quả. Do đó, yêu cầu đặt ra là cần phải vận dụng sâu sắc, có hệ thống nội dung của Nghị quyết 68-NQ/TW để nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là ở cấp cơ

sở – nơi trực tiếp cụ thể hóa và triển khai các chính sách, tiếp xúc hàng ngày với doanh nghiệp và người dân.

1. Quan điểm của Đảng trong Nghị quyết 68-NQ/TW về phát triển kinh tế tư nhân:

Nghị quyết 68-NQ/TW là sự kế thừa và phát triển tư duy lý luận của Đảng về kinh tế tư nhân, từ Cương lĩnh năm 2011, Nghị quyết Trung ương 5 khoá XII đến thực tiễn đổi mới gần 40 năm qua. Nghị quyết khẳng định rõ: *"Phát triển kinh tế tư nhân là động lực quan trọng của nền kinh tế quốc gia, là lực lượng tiên phong thúc đẩy tăng trưởng, đổi mới sáng tạo, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và tái cấu trúc nền kinh tế"*. Quan điểm này không chỉ thay đổi cách nhìn về vị trí của kinh tế tư nhân, từ "thành phần kinh tế quan trọng" sang "động lực quan trọng", mà còn xác định rõ trách nhiệm của cả hệ thống chính trị trong việc kiến tạo một môi trường kinh doanh thuận lợi. Nghị quyết cũng nhấn mạnh việc phải xóa bỏ triệt để mọi định kiến, tạo cơ hội bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực (đất đai, tín dụng, thông tin...) cho kinh tế tư nhân. Đây chính là kim chỉ nam để đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương soi chiếu và điều chỉnh nhận thức, tư duy cũng như hành động của mình.

Điểm đặc biệt trong Nghị quyết là nhấn mạnh yêu cầu đổi mới tư duy trong toàn hệ thống chính trị, từ công tác tư tưởng, tuyên truyền đến hoàn thiện thể chế, cơ chế quản lý. Do đó, việc vận dụng Nghị quyết không chỉ là xây dựng chính sách mà còn là quá trình chuyển biến nhận thức, tư duy, thái độ hành xử của đội ngũ cán bộ, đảng viên với khu vực kinh tế tư nhân. Bởi vì lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ, nhận thức là cơ sở của hành động, hành động là thước đo của nhận thức. Trong công tác xây dựng và phát triển kinh tế, nếu nhận thức không đúng, không đầy đủ thì hành động sẽ sai lầm, thiếu hiệu quả. Đối với Nghị quyết 68-NQ/TW, nếu đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương vẫn mang nặng tư tưởng "kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo tuyệt đối", coi nhẹ vai trò của kinh tế tư nhân, hoặc có tư duy "xin - cho", "lợi ích nhóm" thì các chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng sẽ bị cản trở, thậm chí bị bóp méo khi triển khai. Ngược lại, khi có nhận thức đúng đắn và tư duy đổi mới, đội ngũ cán

bộ, đảng viên sẽ chủ động, sáng tạo trong việc tìm ra các giải pháp để hỗ trợ và tạo điều kiện tốt nhất cho kinh tế tư nhân phát triển, từ đó góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Nghị quyết.

2. Thực trạng nhận thức và tư duy về kinh tế tư nhân của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương hiện nay

Thực tiễn cho thấy, sau khi Nghị quyết 68-NQ/TW được ban hành, nhận thức của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương đã có những chuyển biến tích cực đáng ghi nhận. Nhiều cán bộ, đảng viên đã nhận thức rõ hơn về vai trò động lực của kinh tế tư nhân trong việc tạo ra của cải xã hội, giải quyết việc làm, đóng góp vào ngân sách nhà nước và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; thay đổi cách tiếp cận từ “quản lý” sang “đồng hành, phục vụ” đối với doanh nghiệp. Nhiều tỉnh, thành phố đã chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các chương trình hành động, đề án, cơ chế đặc thù để thu hút và hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy khởi nghiệp, tổ chức các buổi đối thoại định kỳ để lắng nghe tiếng nói của doanh nghiệp...

Tuy nhiên, những chuyển biến đó vẫn chưa đồng đều. Ở không ít nơi, nhận thức về kinh tế tư nhân vẫn còn phiến diện. Một bộ phận cán bộ, đảng viên vẫn giữ định kiến cũ như cho rằng kinh tế tư nhân là “tư bản”, chạy theo lợi nhuận, dễ dẫn đến tiêu cực. Vẫn còn một số cán bộ mang nặng tư tưởng “e ngại, cảnh giác” đối với kinh tế tư nhân, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn. Họ thiếu niềm tin vào sự phát triển bền vững và vai trò của kinh tế tư nhân trong công cuộc xây dựng nền kinh tế. Theo GS.TS Ngô Thắng Lợi (Đại học Kinh tế Quốc dân) cũng nhận định trong khảo sát gần đây rằng “*vẫn còn tư duy khu vực kinh tế tư nhân chỉ là phép cộng đơn thuần của các bộ phận cấu thành. Vị trí của khu vực này trong mối quan hệ với các khu vực kinh tế khác vẫn chưa được định vị rõ ràng, tồn tại tâm lý e ngại rằng sự phát triển mạnh của kinh tế tư nhân sẽ đi chệch định hướng xã hội chủ nghĩa*”¹⁸. Tư duy này làm cho việc ra quyết định, triển khai chính sách trở nên chậm chạp, thiếu đồng bộ.

Một biểu hiện khác của nhận thức không đúng là sự thiếu đầy đủ về vai

¹⁸ Thực trạng và những điểm nghẽn trong phát triển kinh tế tư nhân và những khuyến nghị tháo gỡ, GS.TS Ngô Thắng Lợi - Đại học Kinh tế Quốc dân

trò thực tế của khu vực kinh tế tư nhân. Vẫn còn tồn tại các quan điểm cho rằng khu vực này còn "yếu ớt" và chưa đủ sức làm động lực chính. Một phần của vấn đề này xuất phát từ sự thiếu thống nhất trong cách tính toán và công bố số liệu. Các số liệu về đóng góp GDP của khu vực tư nhân có sự khác biệt đáng kể, gây ra tranh luận: Theo niên giám thống kê năm 2020, khu vực doanh nghiệp tư nhân chỉ đóng góp 10% GDP. Tuy nhiên, các chuyên gia lập luận rằng con số hợp lý hơn phải là 28%, và khi tính cả hộ kinh doanh, khu vực kinh tế ngoài nhà nước đóng góp khoảng 50-51% GDP. Sự thiếu rõ ràng và thống nhất này đã trực tiếp cản trở việc "thống nhất nhận thức" như Nghị quyết 10-NQ/TW đã đề ra. Khi một cán bộ chỉ tiếp cận được số liệu 10%, họ dễ dàng tin rằng khu vực này còn yếu kém và không cần ưu tiên đặc biệt. Điều này làm suy giảm sự tin tưởng vào khả năng của khu vực tư nhân, ngay cả khi chủ trương của Đảng đã rất rõ ràng

Bên cạnh đó, một số khác vẫn duy trì tư duy hành chính, quan liêu, coi nhẹ hoặc chưa thực sự coi trọng ý kiến của doanh nghiệp. Thủ tục hành chính vẫn rườm rà, phức tạp, gây phiền hà cho doanh nghiệp. Thậm chí ở một số nơi, còn xuất hiện tình trạng nhũng nhiễu, "xin - cho", làm giảm sút lòng tin của doanh nghiệp vào môi trường đầu tư kinh doanh. Theo Báo cáo PCI 2022 (Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh), có tới 71,7% doanh nghiệp xác nhận tình trạng nhũng nhiễu của cán bộ, công chức khi giải quyết thủ tục hành chính là phổ biến, tăng vọt so với 57,4% năm trước. Các doanh nhân phản ánh chung là bộ máy hành chính còn "căng cứng" quan liêu: hồ sơ bị "ngâm" quá lâu, thủ tục "rừng cây" gây tăng chi phí, cán bộ kéo dài thời gian giải quyết, thậm chí áp dụng quy định một cách cứng nhắc, vô lý. Hoặc theo báo cáo khảo sát của VCCI được thực hiện vào tháng 6-7 năm 2024, có đến 20% doanh nghiệp tham gia khảo sát cho biết họ phải trả các khoản chi phí không chính thức trong quá trình làm thủ tục hành chính. Những chi phí không chính thức và sự lãng phí thời gian này làm tăng chi phí kinh doanh, giảm sức cạnh tranh của doanh nghiệp và làm xói mòn niềm tin vào nỗ lực cải cách của Chính phủ, khiến việc triển khai chính sách kinh doanh trở nên

chậm chạp, kém hiệu quả.

Ngoài ra, nhiều cán bộ địa phương chưa thực sự quen với cơ chế vận hành của doanh nghiệp tư nhân do chỉ có kinh nghiệm với doanh nghiệp nhà nước, thiếu hiểu biết về mô hình doanh nghiệp, luật pháp kinh tế và xu hướng thị trường. Chính vì vậy, khi đặt ra chính sách mới, đôi khi chính sách còn chông chéo, thiếu tính đồng bộ, cán bộ thực thi chưa thông suốt, dẫn đến trình tự thủ tục càng thêm rườm rà và cán bộ địa phương cũng gặp lúng túng trong quá trình hỗ trợ doanh nghiệp.

Nguyên nhân của thực trạng này chủ yếu đến từ: Tư tưởng về vai trò "chủ đạo" của kinh tế nhà nước, vốn đã ăn sâu trong một thời gian dài, vẫn chưa được xóa bỏ hoàn toàn. Trong một thời gian dài (trước và sau năm 1975, đặc biệt trước Công cuộc Đổi mới năm 1986), khu vực kinh tế tư nhân bị coi là "tư bản tư doanh", "không phù hợp với định hướng XHCN", "tư nhân đồng nghĩa với bóc lột, chạy theo lợi nhuận bằng mọi giá"... Chính điều này tạo tâm lý cảnh giác, e dè khi phải làm việc với các doanh nghiệp tư nhân, đặc biệt là những tập đoàn lớn.

Dù Đảng, Nhà nước đã khẳng định kinh tế tư nhân là "*động lực quan trọng của nền kinh tế*", nhưng việc thể chế hóa, cụ thể hóa, tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết 68-NQ/TW ở một số địa phương còn chậm, còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu, chưa phân tích thấu đáo những điểm mới, cốt lõi của Nghị quyết. Một số quy định pháp luật chưa rõ ràng, còn chông chéo, khiến cán bộ dễ rơi vào trạng thái "sợ sai, sợ trách nhiệm" và từ đó chọn cách "siết chặt" hoặc trì hoãn đối với doanh nghiệp tư nhân.

Một số cán bộ lợi dụng quyền hạn để gây khó dễ cho doanh nghiệp nhằm trục lợi cá nhân ("tham những vật", "xin – cho"). Cơ chế đánh giá, giám sát, khen thưởng và xử lý vi phạm đối với cán bộ, đảng viên trong việc thực hiện Nghị quyết còn chưa đủ mạnh, chưa đủ sức răn đe...

3. Giải pháp nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy theo tinh thần Nghị quyết 68-NQ/TW

Để thực hiện thành công Nghị quyết 68-NQ/TW, cần có một hệ thống giải

pháp đồng bộ và quyết liệt, trong đó tập trung vào việc thay đổi nhận thức và tư duy của đội ngũ cán bộ, đảng viên ở địa phương.

3.1. Đổi mới và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục

Công tác tuyên truyền, giáo dục đóng vai trò nền tảng trong việc định hình và thay đổi nhận thức. Để đạt hiệu quả cao, cần đổi mới cả về nội dung và phương pháp tuyên truyền, tránh lối mòn, hình thức và mang tính "chiếu lệ". Nội dung tuyên truyền phải tập trung vào việc phân tích sâu sắc những luận điểm mới, cốt lõi của Nghị quyết 68-NQ/TW, đặc biệt là quan điểm “kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa”. Về phương pháp, cần đa dạng hóa các kênh truyền thông, từ báo chí, truyền hình, phát thanh, đến các nền tảng mạng xã hội, các buổi đối thoại trực tiếp, hội thảo chuyên đề. Đặc biệt, nội dung Nghị quyết cần được lồng ghép và đưa vào chương trình đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị bắt buộc đối với cán bộ, đảng viên ở các cấp, nhất là những cán bộ, công chức trực tiếp làm việc với doanh nghiệp và người dân, nhằm trang bị kiến thức và thay đổi tư duy một cách hệ thống. Bên cạnh đó, việc biểu dương, nêu gương các doanh nhân, doanh nghiệp tư nhân tiêu biểu cũng sẽ góp phần xóa bỏ định kiến cũ, tạo sự thay đổi tích cực trong tư duy.

3.2. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực và hiểu biết về kinh tế cho cán bộ, đảng viên:

Cần chú trọng đổi mới tư duy hành chính, xóa bỏ cơ chế “xin – cho”, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng chuyển đổi số để đơn giản hóa các thủ tục, hướng tới mục tiêu "3 giảm" (giảm thời gian, giảm chi phí, giảm giấy tờ), đồng thời giúp minh bạch hóa quy trình giải quyết công việc, hạn chế tối đa sự can thiệp chủ quan của cán bộ. Đồng thời, Nhà nước cần chuyển vai trò từ “quản lý – cấp phép” sang “kiến tạo phát triển, hỗ trợ doanh nghiệp”, gắn với cơ chế công khai, minh bạch và giám sát chặt chẽ trách nhiệm của đội ngũ cán bộ công chức.

Song song với đó, việc nâng cao năng lực, hiểu biết kinh tế thị trường cho đội ngũ cán bộ là cũng là một yêu cầu cấp thiết. Nhiều cán bộ, đặc biệt ở cấp cơ

sở, chưa am hiểu sâu về quản trị doanh nghiệp, luật pháp kinh tế và xu hướng thị trường, dẫn đến lúng túng khi hỗ trợ các doanh nghiệp tư nhân. Do vậy, cần tổ chức thường xuyên các khóa bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới về kinh tế thị trường, quản lý kinh tế và hội nhập quốc tế. Đồng thời, cần thiết lập các diễn đàn đối thoại định kỳ giữa chính quyền và doanh nghiệp để hai bên hiểu rõ hơn về thực tiễn hoạt động và nhu cầu hỗ trợ. Cũng nên khuyến khích cơ chế luân chuyển, thực tập ngắn hạn để cán bộ có cơ hội tiếp xúc thực tế tại doanh nghiệp, từ đó hình thành góc nhìn khách quan hơn.

3.3. Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu

Người đứng đầu các cấp, từ tỉnh đến xã, là nhân tố quyết định trong việc triển khai và thực hiện Nghị quyết 68-NQ/TW. Họ phải là người tiên phong trong việc đổi mới tư duy, nhận thức và hành động, thể hiện sự quyết tâm chính trị cao nhất trong việc tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tư nhân phát triển. Điều này đòi hỏi người đứng đầu phải gương mẫu trong việc xóa bỏ những rào cản về thủ tục hành chính, kiên quyết chống lại tư duy quan liêu, cục bộ, và các biểu hiện "lợi ích nhóm". Cần có cơ chế gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả phát triển kinh tế tư nhân tại địa phương, coi đây là một tiêu chí quan trọng trong việc đánh giá, xếp loại cán bộ, đảng viên hằng năm. Sự gương mẫu và quyết liệt của người đứng đầu sẽ tạo hiệu ứng lan tỏa, thúc đẩy toàn bộ hệ thống cùng hành động vì mục tiêu chung.

3.4. Tăng cường kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm

Để đảm bảo các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế tư nhân được thực hiện nghiêm túc, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát một cách chặt chẽ và thường xuyên. Cần xây dựng cơ chế giám sát hiệu quả từ nhiều phía: từ các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên, từ các tổ chức chính trị - xã hội, và đặc biệt là từ chính người dân và cộng đồng doanh nghiệp. Các kênh tiếp nhận phản ánh, tố giác cần được công khai, minh bạch và dễ tiếp cận. Đồng thời, phải có chế tài xử lý nghiêm minh, dứt điểm đối với các trường hợp cán bộ, đảng viên có hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà, cản trở sự phát triển của kinh tế tư nhân. Việc xử lý phải công khai, minh bạch để tạo sự răn đe, củng cố lòng tin của

doanh nghiệp và người dân vào sự công bằng, nghiêm minh của pháp luật và bộ máy nhà nước.

Cần kiên quyết kiểm soát lợi ích cục bộ và phòng chống những nhiễu trong thực thi công vụ. Trách nhiệm giải trình của cán bộ, công chức phải được quy định rõ ràng, mọi quyết định liên quan đến doanh nghiệp đều phải có người chịu trách nhiệm cụ thể. Bên cạnh tăng cường thanh tra, kiểm tra công vụ và xử lý nghiêm hành vi nhũng nhiễu, cần tạo điều kiện cho doanh nghiệp phản ánh thông qua các cơ chế an toàn như đường dây nóng, phản ánh ẩn danh. Khi cơ chế giám sát và kỷ luật được thực hiện nghiêm minh, tình trạng “xin – cho” và lợi dụng quyền lực để gây khó dễ cho doanh nghiệp sẽ dần bị đẩy lùi.

4. Kết luận

Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 4/5/2025 của Bộ Chính trị là một chủ trương đúng đắn, mang tính đột phá, là kim chỉ nam cho sự phát triển của kinh tế tư nhân trong giai đoạn hiện nay. Tuy nhiên, để Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống, điều quan trọng nhất là phải tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và tư duy của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đặc biệt là ở cấp địa phương.

Việc xóa bỏ những định kiến cũ, đổi mới tư duy, nâng cao tinh thần trách nhiệm và phục vụ là chìa khóa để kiến tạo một môi trường kinh doanh lành mạnh, bình đẳng và cạnh tranh. Đồng thời việc nâng cao nhận thức và đổi mới tư duy về kinh tế tư nhân không chỉ góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương mà còn làm sâu sắc hơn niềm tin của nhân dân và doanh nghiệp vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tính đúng đắn của con đường phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ không thể làm trong một sớm một chiều, nhưng nếu được kiên trì thực hiện, với phương pháp phù hợp, chắc chắn sẽ mang lại hiệu quả thiết thực.

**PHÁT HUY TINH THẦN KHỞI NGHIỆP
CỦA ĐOÀN VIÊN THANH NIÊN TỈNH TÂY NINH
TRONG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 68-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

*ThS. Nguyễn Phan Minh Quang
Chuyên viên Phòng TC,HC,TT,TL*

***Tóm tắt:** Nghị quyết 68-NQ/TW của Bộ Chính trị là một trong “bộ tứ trụ cột” đưa đất nước ta bước vào kỷ nguyên vươn mình của đất nước thông qua phát triển kinh tế tư nhân. Phát huy tinh thần khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên Việt Nam nói chung và đoàn viên thanh niên Tây Ninh nói riêng chính là hành động cụ thể nhằm góp phần đưa Nghị quyết 68-NQ/TW đi vào cuộc sống, thúc đẩy kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực phát triển quan trọng của đất nước.*

***Từ khóa:** Nghị quyết 68, khởi nghiệp, kinh tế tư nhân.*

Trong bối cảnh hội nhập và phát triển ngày càng mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, Việt Nam đang đứng trước rất nhiều cơ hội cũng như không ít thách thức trong việc phát triển các thành phần kinh tế, đặc biệt là kinh tế tư nhân. Trong bài viết “Phát triển kinh tế tư nhân - đòn bẩy cho một Việt Nam thịnh vượng” của Tổng Bí thư Tô Lâm đã nhấn mạnh “*kinh tế tư nhân - một trong những động lực quan trọng nhất*” để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, đảm bảo mục tiêu tăng trưởng hai con số, “phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao, đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao”¹⁹.

Thực tế những năm qua đã chứng minh, khu vực kinh tế tư nhân đóng góp ngày càng lớn vào GDP, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu lao động và là khu vực thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong nhiều lĩnh vực. Trước yêu cầu phát triển mạnh mẽ và toàn diện hơn, ngày 04/5/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 68-NQ/TW về “Phát triển kinh tế tư nhân”. Đây là một trong “bộ tứ trụ cột” nhằm định hướng phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực nội tại và sức sáng tạo của toàn thể người dân. Trong đó, đặc biệt là đội ngũ đoàn viên thanh niên,

¹⁹ Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, t.I, tr.217-218

sinh viên, trí thức trẻ đóng một vai trò vô cùng quan trọng. Phát huy tinh thần khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên Việt Nam nói chung và đoàn viên thanh niên Tây Ninh nói riêng chính là hành động cụ thể nhằm góp phần đưa Nghị quyết 68-NQ/TW đi vào cuộc sống, thúc đẩy kinh tế tư nhân thực sự trở thành một động lực phát triển quan trọng của đất nước.

1. Thực trạng và một số giải pháp phát huy tinh thần khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên

1.1. Thực trạng

*** Một số điểm sáng tích cực:**

- *Nhận thức về khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên ngày càng rõ ràng và thực tế hơn*, ngày nay đoàn viên thanh niên không còn xem khởi nghiệp chỉ là phong trào hay xu hướng nhất thời mà đã có những hiểu biết sâu sắc hơn về vai trò, giá trị và thách thức, khó khăn của con đường lập nghiệp²⁰.

- *Nhiều mô hình đoàn viên thanh niên khởi nghiệp đã thành công và có sức lan tỏa, nhiều doanh nghiệp trẻ*, dự án khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên đã gặt hái thành công, đạt giải cao trong các cuộc thi khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo quốc gia và quốc tế²¹. Một số đoàn viên thanh niên đã trở thành doanh nhân trẻ tiêu biểu, xây dựng được thương hiệu riêng trong các lĩnh vực về nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao, thương mại điện tử, công nghệ số,...

- *Hệ sinh thái khởi nghiệp đã bước đầu hình thành và hỗ trợ hiệu quả*, các cấp bộ Đoàn đã triển khai nhiều chương trình như: “Hành trình Thanh niên khởi nghiệp”, “Tìm kiếm ý tưởng, dự án khởi nghiệp sáng tạo cấp T.U”, “Hỗ trợ thanh niên chuyên đổi số”, “Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo”,...²² Một số Viện, Trường Đại học đã hình thành các trung tâm hỗ trợ khởi nghiệp, vườn ươm khởi nghiệp

²⁰ Báo Tây Ninh Online, “*Thanh niên khởi nghiệp: Các bạn trẻ cần hiểu được “sứ mệnh” của mình*”, truy cập tại <https://baotayninh.vn/thanh-nien-khoi-nghiep-cac-ban-tre-can-hieu-duoc-su-menh-cua-minh-a175198.html> link:

²¹ Báo Tây Ninh Online, “*Khởi nghiệp sáng tạo, kết nối và quảng bá sản phẩm OCOP, công nghiệp nông thôn tiêu biểu*”, truy cập tại <https://baotayninh.vn/khoi-nghiep-sang-tao-ket-noi-va-quang-ba-san-pham-ocop-cong-nghiep-nong-thon-tieu-bi-ou-a181563.html> link:

²² Trang Thông tin điện tử Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, “*Thanh niên Tây Ninh sôi nổi trong ngày hội khởi nghiệp sáng tạo năm 2024*”, truy cập tại <https://doanthanhnhin.vn/tin-tuc/khoi-nghiep-lap-nghiep/thanh-nien-tay-ninh-soi-noi-trong-ngay-hoi-khoi-nghiep-sang-tao-nam-2024> link:

đổi mới sáng tạo, tạo môi trường thuận lợi để đoàn viên thanh niên hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp.

*** Một số khó khăn, thách thức:**

- *Thiếu vốn và khó tiếp cận nguồn tài chính*, đây là rào cản phổ biến nhất không chỉ đối với đoàn viên thanh niên mà còn đối với đa số các doanh nghiệp khởi nghiệp tại Việt Nam. Đa phần đoàn viên thanh niên khởi nghiệp thường không có tài sản thế chấp, vì vậy hồ sơ tín dụng sẽ thiếu độ tin cậy, việc tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi từ ngân hàng, quỹ đầu tư mạo hiểm còn hạn chế, quy trình phức tạp.

- *Thiếu kỹ năng, kinh nghiệm và kiến thức về quản trị*, nhiều đoàn viên thanh niên có ý tưởng hay nhưng lại yếu trong khâu hiện thực hóa ý tưởng, vận hành dự án, lập kế hoạch tài chính, nghiên cứu phân tích thị trường... Tình trạng “thử rồi bỏ” vẫn xảy ra do thiếu sự kiên trì, không dự báo được hết khó khăn thực tế trong quá trình kinh doanh²³

- *Môi trường khởi nghiệp còn thiếu sự liên kết và hỗ trợ đồng bộ*, các cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp ở nhiều địa phương còn mang tính hình thức, thủ tục phức tạp, thiếu tính hiệu quả lâu dài. Việc kết nối giữa các doanh nhân đi trước, nhà đầu tư mạo hiểm, chuyên gia với đoàn viên thanh niên còn rời rạc và manh mún.

- *Tâm lý sợ thất bại, chưa dám bước ra khỏi vùng an toàn*, một bộ phận không nhỏ đoàn viên thanh niên, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa vẫn có tâm lý e ngại rủi ro, thiếu tự tin, chưa sẵn sàng đầu tư thời gian, công sức vào ý tưởng khởi nghiệp, chỉ muốn đi làm công nhân ở khu công nghiệp để có thu nhập ổn định. Văn hóa khởi nghiệp chưa được thấm sâu vào tư duy, cách sống của phần đông đoàn viên thanh niên.

1.2. Một số giải pháp

Để phát huy tinh thần khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên và thực sự trở thành động lực phát triển kinh tế tư nhân theo tinh thần Nghị quyết số 68-NQ/TW cần thực hiện một số giải pháp đồng bộ, toàn diện từ các bên liên

²³ Theo Trung ương Đoàn, mỗi năm có hơn 3.000 dự án khởi nghiệp của đoàn viên thanh niên được triển khai, tuy nhiên tỷ lệ duy trì hoạt động sau 03 năm chỉ còn khoản 20%\

quan như chính bản thân đoàn viên thanh niên, các cấp bộ Đoàn, các cơ quan quản lý nhà nước và toàn xã hội.

*** Đối với bản thân đoàn viên thanh niên**

- *Một là* cần chủ động trang bị kiến thức cũng như kỹ năng khởi nghiệp, đoàn viên thanh niên phải luôn chủ động nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu về quản trị kinh doanh, lập ý tưởng và kế hoạch khởi nghiệp, quản lý về tài chính, tìm hiểu về pháp lý, công nghệ, thị trường,...

- *Hai là* thay đổi tư duy từ kinh doanh an toàn theo số đông sang đổi mới sáng tạo - chấp nhận rủi ro.

- *Ba là* xây dựng tinh thần trách nhiệm và đạo đức kinh doanh, phải luôn quan niệm khởi nghiệp không chỉ vì lợi ích cá nhân mà còn vì giá trị cộng đồng, vì sự phát triển bền vững.

*** Đối với các cấp bộ Đoàn**

- *Một là* đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục tinh thần khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong đoàn viên thanh niên.

- *Hai là* phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp đoàn viên thanh niên. Xây dựng hệ thống câu lạc bộ khởi nghiệp địa phương, mô hình cà phê khởi nghiệp sáng thứ 7, mạng lưới cố vấn - mentor, trung tâm hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp.

- *Ba là* hỗ trợ thanh niên tiếp cận nguồn lực. Phối hợp với các quỹ tín dụng, chi đoàn thanh niên tại các ngân hàng tạo điều kiện để đoàn viên thanh niên tiếp cận vốn vay ưu đãi, quỹ hỗ trợ khởi nghiệp,... Hỗ trợ về mặt pháp lý, thủ tục thành lập doanh nghiệp, đăng ký bằng sáng chế, bản quyền, chứng nhận chất lượng sản phẩm,...

- *Bốn là* thường xuyên tổ chức các sân chơi và vinh danh gương thanh niên tiêu biểu. Duy trì và phát triển các cuộc thi như “Ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo - Startup Wheel”, “Thanh niên nông thôn sáng tạo khởi nghiệp”,... Tôn vinh những mô hình đoàn viên thanh niên khởi nghiệp thành công, nhân rộng mô hình điển hình tiên tiến trong cộng đồng địa phương.

*** Đối với các cơ quan Nhà nước**

- *Một là* cần hoàn thiện thể chế và chính sách hỗ trợ đoàn viên thanh niên

khởi nghiệp. Cụ thể hóa Nghị quyết 68-NQ/TW thành các chính sách ưu tiên hỗ trợ đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ do đoàn viên thanh niên làm chủ. Hiện thực hóa các ưu đãi về đất đai, thuế, tín dụng, khoa học công nghệ, đặc biệt là đối với khu vực khó khăn vùng sâu vùng xa.

- *Hai là* phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp quốc gia có sự tham gia của thanh niên. Hỗ trợ các tỉnh, thành xây dựng vườn ươm doanh nghiệp, trung tâm đổi mới sáng tạo có điều kiện dễ tiếp cận cho đoàn viên thanh niên. Khuyến khích xã hội hóa việc đầu tư xây dựng từ các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đi trước tại địa phương để các startup trẻ có cơ hội học hỏi.

- *Ba là* đẩy mạnh chuyển đổi số và cung cấp thông tin công khai, minh bạch. Triển khai mạnh mẽ các nền tảng số giúp đoàn viên thanh niên dễ dàng tra cứu chính sách, đăng ký kinh doanh, cập nhật thông tin, kiến thức thị trường từ các nguồn số liệu chính thống. Cải cách thủ tục hành chính, giảm các hồ sơ rườm rà phức tạp, rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục hành chính để mô hình kinh doanh của đoàn viên thanh niên sớm được vận hành.

*** Đối với cộng đồng xã hội**

- *Một là* tạo môi trường xã hội tích cực, khuyến khích tinh thần dấn thân. Tôn trọng sự khác biệt, cổ vũ đoàn viên thanh niên theo đuổi các ý tưởng sáng tạo, mới mẻ, độc đáo. Xây dựng văn hóa không chế giễu thất bại mà coi đó là một hành trình không thể thiếu của quá trình khởi nghiệp.

- *Hai là* doanh nghiệp, tổ chức xã hội cùng đồng hành với đoàn viên thanh niên. Mở rộng cơ hội thực tập, học hỏi cho đoàn viên thanh niên tại các doanh nghiệp để tích lũy kinh nghiệm thực tiễn. Kết nối mạng lưới “doanh nhân trẻ hỗ trợ doanh nhân mới” - truyền cảm hứng và hướng dẫn cho lớp thanh niên tiếp theo.

Tinh thần khởi nghiệp không tự nhiên mà sinh ra, nó cần được nuôi dưỡng, hỗ trợ và dẫn dắt trong thời gian dài. Với sự phối hợp chặt chẽ giữa các bên liên quan từ cá nhân đoàn viên thanh niên đến các tổ chức chính trị và toàn thể xã hội sẽ thúc đẩy phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tuổi trẻ Việt Nam thực sự trở thành lực đẩy quan trọng đưa đất nước bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

BỘ TƯ TRỤ CỘT – ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG ĐƯA VIỆT NAM VƯỜN MÌNH TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

ThS. Ung Thị Thùy Linh
Giảng viên Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Sau gần 40 năm kiên trì thực hiện công cuộc Đổi mới, đất nước ta đã đạt những thành tựu to lớn, có thể nói là những thành tựu vĩ đại: Kinh tế tăng trưởng liên tục, đời sống nhân dân được nâng cao, vị thế quốc tế không ngừng được củng cố. Theo Tổng Bí thư Tô Lâm, để đất nước đổi mới trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào bốn đột phá: Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết 59-NQ/TW về "Hội nhập quốc tế trong tình hình mới"; Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân.

Từ khóa: bộ tư trụ cột; bộ tứ chiến lược; kinh tế tư nhân; đổi mới sáng tạo; hội nhập quốc tế; kỷ nguyên mới



TỔNG BÍ THƯ TÔ LÂM

**"BỘ TƯ TRỤ CỘT"
GIÚP ĐẤT NƯỚC "CẤT CÁNH"**

NGHỊ QUYẾT 66-NQ/TW HOÀN THIỆN THỂ CHẾ PHÁP LUẬT MINH BẠCH, HIỆN ĐẠI, BẢO ĐẢM QUYỀN CON NGƯỜI VÀ QUYỀN CÔNG DÂN

NGHỊ QUYẾT 57-NQ/TW XÁC ĐỊNH KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ LÀ TRỤ CỘT TĂNG TRƯỞNG MỚI

NGHỊ QUYẾT 59-NQ/TW MỞ RỘNG KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN THÔNG QUA HỘI NHẬP QUỐC TẾ CHỦ ĐỘNG, TÍCH CỰC

NGHỊ QUYẾT 68-NQ/TW XÁC ĐỊNH KINH TẾ TƯ NHÂN LÀ ĐỘNG LỰC QUAN TRỌNG NHẤT CỦA NỀN KINH TẾ

Ảnh: Internet

1. Trong bối cảnh thế giới đang chuyển mình nhanh chóng bởi tác động của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, cạnh tranh địa chính trị và tái cấu trúc kinh tế toàn cầu, Việt Nam bước vào một giai đoạn phát triển mới với nhiều cơ hội đan xen thách thức. Trước yêu cầu đổi mới tư duy và hành động để thích ứng với kỷ nguyên mới, Đảng ta đã thể hiện tầm nhìn chiến lược qua việc ban hành bốn nghị quyết lớn của Bộ Chính trị, đó là: Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (*gọi tắt là Nghị quyết 57*); Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới (*gọi tắt là Nghị quyết 59*); Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới (*gọi tắt là Nghị quyết 66*); Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế (*gọi tắt là Nghị quyết 68*). Bốn Nghị quyết trên được xem là “bộ tứ trụ cột” chiến lược – không chỉ xác lập các hướng đi then chốt mà còn tạo thành hệ động lực toàn diện để Việt Nam phát triển nhanh và bền vững trong những thập niên tới.

2. Nghị quyết số 57 được Bộ Chính trị ban hành ngày 22/12/2024, nhấn mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đang là yếu tố quyết định phát triển của các quốc gia; là điều kiện tiên quyết, thời cơ tốt nhất để nước ta phát triển giàu mạnh, hùng cường trong kỷ nguyên mới - kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Nghị quyết này đặt mục tiêu đến năm 2030 Việt Nam thuộc nhóm 3 nước dẫn đầu Đông Nam Á, nhóm 50 nước đứng đầu thế giới về năng lực cạnh tranh số và chỉ số phát triển Chính phủ điện tử; đến năm 2045 Việt Nam thuộc nhóm 30 nước dẫn đầu thế giới về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Trên nền tảng đó, doanh nghiệp Việt Nam sẽ chủ động nghiên cứu, làm chủ công nghệ lõi, phát triển sản phẩm quốc tế, đồng thời nâng cao năng suất lao động và sức cạnh tranh quốc gia.

Nghị quyết số 59 được Bộ Chính trị ban hành trong bối cảnh quốc tế biến động nhanh, phức tạp, cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn gia tăng, xu thế

đa cực, đa trung tâm rõ nét, cùng với những thách thức toàn cầu như biến đổi khí hậu, dịch bệnh, an ninh phi truyền thống. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, chuyển đổi số và kinh tế xanh cũng đang làm thay đổi sâu sắc mô hình phát triển toàn cầu. Sự ra đời của Nghị quyết số 59 là quyết sách đột phá, đánh dấu bước ngoặt lịch sử trong tiến trình hội nhập quốc tế của đất nước, xác định hội nhập là động lực chiến lược để Việt Nam vững bước vào kỷ nguyên mới. Nghị quyết thể hiện tầm nhìn sâu sắc: Hội nhập quốc tế không chỉ là mở cửa, giao lưu, mà là một sự nghiệp tổng hợp, đòi hỏi sự chủ động, tích cực và rất có bản lĩnh. Quan điểm xuyên suốt của nghị quyết là: Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp và toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Nhà nước, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, làm chủ thể sáng tạo.

Nghị quyết số 66 xác định rõ đổi mới căn bản công tác xây dựng và thi hành pháp luật là nội dung cốt lõi, nền tảng cho tiến trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong kỷ nguyên mới. Về quan điểm chỉ đạo, nghị quyết nhấn mạnh công tác xây dựng và thi hành pháp luật phải trở thành nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của toàn Đảng, toàn hệ thống chính trị, gắn liền mật thiết với yêu cầu phát triển nhanh, bền vững đất nước. Đồng thời, pháp luật phải đồng bộ, khả thi, minh bạch, ổn định, lấy thực tiễn phát triển làm thước đo, đồng thời có tính dự báo cao, chủ động dẫn dắt sự phát triển chứ không chỉ chạy theo điều chỉnh.

Nghị quyết số 68 thể hiện bước tiến lớn trong tư duy lý luận và chỉ đạo thực tiễn của Đảng ta: "Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia". Nghị quyết số 68 xác định mục tiêu đến năm 2030, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế quốc gia; là lực lượng tiên phong trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết số 57 của Bộ Chính trị và các chủ trương, đường lối khác của Đảng. Phần đầu có 2 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế, 20 doanh nghiệp hoạt động/ngày dân. Có ít nhất 20 doanh nghiệp lớn

tham gia chuỗi giá trị toàn cầu. Tốc độ tăng trưởng bình quân của kinh tế tư nhân đạt khoảng 10-12%/năm, cao hơn tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế; đóng góp khoảng 55-58% GDP, khoảng 35-40% tổng thu ngân sách nhà nước, giải quyết việc làm cho khoảng 84-85% tổng số lao động; năng suất lao động tăng bình quân khoảng 8,5-9,5%/năm. Trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thuộc nhóm 3 nước đứng đầu ASEAN và nhóm 5 nước đứng đầu khu vực châu Á. Về tầm nhìn đến năm 2045, Nghị quyết của Bộ Chính trị xác định, kinh tế tư nhân Việt Nam phát triển nhanh, mạnh, bền vững, chủ động tham gia vào chuỗi sản xuất, cung ứng toàn cầu; có năng lực cạnh tranh cao trong khu vực và quốc tế; phân đầu đến năm 2045 có ít nhất 3 triệu doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế; đóng góp khoảng trên 60% GDP.

"Bộ tứ trụ cột" – gồm thể chế pháp lý, khoa học công nghệ, hội nhập quốc tế và phát triển kinh tế khu vực tư nhân – chính là khung lý luận và hành động cho mô hình phát triển tích hợp của Việt Nam hiện đại. Đó là mô hình: Thể chế pháp quyền tạo điều kiện; Đổi mới sáng tạo dẫn dắt; Kinh tế tư nhân thúc đẩy thực thi; và hội nhập quốc tế mở rộng không gian phát triển.

3. Có thể khẳng định rằng các nghị quyết đều nhấn mạnh vai trò lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị và sự tham gia thực chất của người dân, doanh nghiệp, giới trí thức. Các lĩnh vực trụ cột như thi hành pháp luật, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển tư nhân, hội nhập quốc tế đòi hỏi phải có phối hợp chặt chẽ, kiểm tra thường xuyên và đánh giá hiệu quả cụ thể.

Để phát huy vai trò của “Bộ tứ trụ cột”, cần thực hiện một số giải pháp trọng tâm như: Thứ nhất, tổ chức học tập, quán triệt sâu rộng nội dung các Nghị quyết trong toàn hệ thống chính trị, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động từ Trung ương đến cơ sở. Thứ hai, xây dựng chương trình hành động cụ thể, phân công rõ trách nhiệm giữa các cơ quan, địa phương, bảo đảm lộ trình, nguồn lực và cơ chế kiểm tra, giám sát thực thi. Thứ ba, khuyến khích doanh nghiệp tư nhân đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học – công nghệ, nâng cao năng lực cạnh tranh, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi về tiếp cận vốn, đất đai,

nhân lực chất lượng cao. Thứ tư, thúc đẩy hoàn thiện thể chế pháp luật theo hướng đồng bộ, minh bạch, hiện đại, thân thiện với người dân và doanh nghiệp. Thứ năm, chủ động và linh hoạt trong hội nhập quốc tế, mở rộng thị trường, tận dụng tốt các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, phát huy vai trò ngoại giao kinh tế.

Tóm lại, Bốn nghị quyết lớn của Bộ Chính trị được ban hành trong thời gian gần đây chính là những trụ cột chiến lược có tính dẫn dắt lâu dài cho tiến trình phát triển của đất nước trong kỷ nguyên mới. Việc thực hiện thành công bộ tứ nghị quyết này không chỉ mở ra con đường phát triển nhanh và bền vững cho Việt Nam, mà còn hiện thực hóa khát vọng xây dựng một đất nước hùng cường, thịnh vượng vào năm 2045 như mục tiêu Đại hội XIII của Đảng đã đề ra./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia
2. Nghị quyết số 59-NQ/TW, ngày 24/01/2025 về hội nhập quốc tế trong tình hình mới
3. Nghị quyết số 66-NQ/TW, ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới
4. Nghị quyết số 68-NQ/TW, ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế

BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG NON TRẺ: BÀI HỌC LỊCH SỬ TỪ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG SAU NĂM 1945

ThS. Bùi Thị Diệp
Giảng viên chính Khoa Xây dựng Đảng

Tóm tắt: Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng là một sự kiện vô cùng quan trọng trong lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước vĩ đại của dân tộc ta, là thắng lợi vĩ đại của dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng với việc lật đổ ách thống trị thực dân – phong kiến kéo dài hàng thế kỷ, nhân dân ta lần đầu tiên trong lịch sử giành được quyền làm chủ vận mệnh dân tộc, thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa – Nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á. Thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945 đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá cho sự nghiệp cách mạng, trong đó có bài học xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng ngay từ khi mới ra đời và vận dụng trong thực tiễn công tác xây dựng và bảo vệ đất nước ta trong giai đoạn hiện nay.

Từ khóa: Cách mạng tháng Tám; chính quyền; bài học lịch sử; cách mạng.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công đã xóa bỏ ách thống trị phong kiến hàng nghìn năm, ách thống trị thực dân ngót một thế kỷ, đưa đến sự thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đem lại quyền tự do, độc lập và quyền làm chủ thực sự cho nhân dân Việt Nam. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 đã mở ra một thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh - trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Nói về ý nghĩa của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Chẳng những giai cấp lao động và nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào, mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thành lập nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa có ý nghĩa lịch sử to lớn đối với dân tộc ta và quốc tế. Cách mạng Tháng Tám năm 1945 để lại những bài học vô giá, có giá trị lịch sử trường tồn và nguồn động lực

tin thần lớn lao trong việc giành và giữ chính quyền cách mạng, xây dựng chính quyền dân chủ thực sự của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.

Xây dựng chính quyền đi đôi với bảo vệ chính quyền là một trong những tư tưởng quan trọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về quy luật dựng nước đi đôi với giữ nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội đi đôi với bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong điều kiện cách mạng Việt Nam đã giành được chính quyền. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Trong cuộc đấu tranh gian khổ chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc, cần dùng bạo lực cách mạng chống lại bạo lực phản cách mạng, giành lấy chính quyền và bảo vệ chính quyền”²⁴.

- Bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ sau năm 1945 – một trang sử hào hùng

Bối cảnh đặc biệt hiểm nghèo sau Cách mạng Tháng Tám: Ngay sau ngày 2/9/1945, chính quyền cách mạng đứng trước "thù trong, giặc ngoài": Thù trong: Tàn dư tay sai phong kiến, đế quốc âm mưu nổi loạn, phản động tay sai quấy phá, bọn phi vùng biên nổi dậy; Giặc ngoài: 20 vạn quân Tưởng ở miền Bắc, 6 vạn quân Anh – Pháp ở miền Nam; quân Pháp chuẩn bị quay trở lại xâm lược; chính quyền cách mạng chưa được nước nào công nhận; Kinh tế kiệt quệ, nạn đói hoành hành, tài chính trống rỗng, nạn mù chữ phổ biến, xã hội rối ren.

Chủ trương, đường lối của Đảng trong việc bảo vệ chính quyền cách mạng: Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đề ra những chủ trương đúng đắn, thể hiện bản lĩnh cầm quyền lần đầu tiên của một đảng cách mạng:

Củng cố và hợp pháp hóa chính quyền cách mạng: Tổ chức Tổng tuyển cử toàn quốc ngày 6/1/1946 để xây dựng Quốc hội – cơ quan quyền lực cao nhất; Ban hành Hiến pháp 1946 – bản Hiến pháp đầu tiên, khẳng định tính chính danh, chính nghĩa của chính quyền mới; Thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm nhiều thành phần nhằm thu hút trí thức, các đảng phái yêu nước tham gia.

Củng cố khối đại đoàn kết dân tộc: Mở rộng Mặt trận Việt Minh thành Liên Việt (Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam); Kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân, không phân biệt đảng phái, giai cấp, dân tộc, tôn giáo cùng tham gia bảo vệ

²⁴ Hồ Chí Minh, *toàn tập, tập 12*, Nxb CTQG, H.2000, tr.304.

chính quyền cách mạng; Xây dựng niềm tin sâu sắc vào Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Phát triển lực lượng vũ trang cách mạng: củng cố các đội tự vệ, dân quân, lực lượng vũ trang nhân dân; Thành lập Vệ quốc đoàn (tiên thân của Quân đội nhân dân Việt Nam) vào ngày 22/12/1944 và đổi tên vào năm 1946; Kiên quyết trấn áp các cuộc nổi loạn, bạo loạn vũ trang của các lực lượng phản động.

Khôi phục và phát triển kinh tế – xã hội: Tổ chức phong trào “Tuần lễ vàng”, “Hũ gạo cứu đói”, phát động nhân dân góp sức xây dựng chính quyền; Chống nạn đói: mở kho thóc cứu đói, vận động chia sẻ gạo từ miền Bắc vào miền Trung; Mở rộng hệ thống trường học, phát động Phong trào Bình dân học vụ – xóa mù chữ cho hàng triệu người.

Sách lược đối ngoại linh hoạt, khôn khéo: Sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong bối cảnh đất nước vừa giành được chính quyền nhưng đang phải đối mặt với thù trong, giặc ngoài, Đảng và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã triển khai sách lược đối ngoại mềm dẻo, linh hoạt và khôn khéo nhằm bảo vệ thành quả cách mạng, đồng thời tranh thủ thời gian để củng cố lực lượng, chuẩn bị cho kháng chiến lâu dài nếu cần thiết.

Đối với Tưởng, theo thỏa thuận giữa các nước Đồng minh tại Hội nghị Potsdam (1945), quân Tưởng Giới Thạch được cử vào miền Bắc Việt Nam (từ vĩ tuyến 16 trở ra) để giải giáp quân Nhật sau Chiến tranh thế giới thứ hai. Tuy nhiên, quân Tưởng mang theo âm mưu can thiệp sâu vào tình hình chính trị Việt Nam, ủng hộ các lực lượng phản động, chống phá chính quyền cách mạng. Chính phủ Việt Nam chủ trương tránh đối đầu trực diện, chấp nhận nhượng bộ có giới hạn để buộc quân Tưởng rút khỏi Việt Nam.

Đối với thực dân Pháp, Việt Nam chủ trương hòa hoãn tạm thời, kéo dài thời gian đàm phán, nhằm củng cố nội lực, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến nếu bắt buộc: ký Hiệp định Sơ bộ (6/3/1946) với Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, do những mâu thuẫn sâu sắc trong quá trình thi hành hiệp định và âm mưu xâm lược của thực dân Pháp ngày càng rõ rệt, Chính phủ Việt Nam tiếp tục chủ trương nhân nhượng thêm một bước khi ký kết Tạm ước ngày 14 tháng 9 năm

1946, nhằm kéo dài thời gian hòa hoãn, tránh chiến tranh trong lúc chưa có đủ điều kiện để tiến hành kháng chiến toàn diện.

Như vậy, thông qua các thỏa thuận đối ngoại với cả Pháp và Tưởng, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã thực hiện một chính sách ngoại giao linh hoạt, khôn khéo, tận dụng tối đa thời gian hòa bình để củng cố chính quyền cách mạng, phát triển lực lượng vũ trang, đồng thời chuẩn bị về mọi mặt cho một cuộc kháng chiến lâu dài, nếu chiến tranh với Pháp là điều không thể tránh khỏi và từng bước giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nước ta lần thứ 2.

Như vậy, trong điều kiện vô cùng khó khăn và trong thời gian rất ngắn, Đảng, Nhà nước, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh với chủ trương sáng suốt, vừa vững vàng về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, đã tăng cường được thực lực cách mạng, xây dựng, củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, bảo vệ thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua thác ghềnh hiểm trở trong những năm 1945-1946, chuẩn bị điều kiện và lực lượng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. “Những biện pháp cực kỳ sáng suốt đó đã được ghi vào lịch sử cách mạng nước ta như một mẫu mực tuyệt vời của sách lược Lêninnít”²⁵.

- Bài học lịch sử từ việc bảo vệ chính quyền sau năm 1945 và sự vận dụng trong công cuộc đổi mới đất nước ta hiện nay

Một là, bài học về xây dựng Đảng.

Có thể nói ngay từ những ngày đầu khó khăn, gian khổ của cách mạng Đảng ta đã nhận lấy vai trò, sứ mệnh lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Với bản lĩnh trí tuệ, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vững vàng chèo lái con thuyền cách mạng, thể hiện: Ra đời được 15 năm, với gần 5.000 đảng viên, Đảng đã trải qua 4 cuộc vận động cách mạng lớn. Đội ngũ cán bộ, đảng viên của Đảng được thử thách, rèn luyện trong thực tế đặc biệt hiểm nghèo, kể cả thử thách về sự sống và cái chết. Trong 15 năm có tới 4 Tổng Bí thư của Đảng bị bắt và sát hại. Vượt lên trên tất cả những khó khăn đó, Đảng đã chủ động xây dựng được

²⁵ Lê Duẩn: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới*, Nxb Sự thật, H, 1976, tr.33.

cương lĩnh, đường lối và các chương trình hành động đúng đắn, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của từng giai đoạn, từng thời kỳ. Đảng luôn lấy lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin làm kim chỉ nam cho hành động trong cuộc đấu tranh thực hiện khát vọng giành độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Xây dựng, chỉnh đốn Đảng vững mạnh toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, để Đảng là một thực thể mạnh, ưu tú về trí tuệ, bản lĩnh, năng lực, đạo đức cầm quyền, xứng đáng với vai trò lãnh đạo trong kỷ nguyên mới. Kiên định, vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam, định hướng nhận thức và mọi hoạt động của Đảng, cách mạng Việt Nam, cần được vận dụng và phát triển sáng tạo trong kỷ nguyên mới, nhằm đạt mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Hai là, luôn quan tâm xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Quán triệt và vận dụng sáng tạo quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về vai trò của quần chúng Nhân dân trong lịch sử, “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”. Phát huy truyền thống đoàn kết của dân tộc, ngay từ khi mới thành lập và lãnh đạo Nhân dân đấu tranh cách mạng, Đảng đã rất chú trọng việc xây dựng mặt trận dân tộc thống nhất. Trong giai đoạn hiện nay, chúng ta cần tiếp tục phát huy bài học kinh nghiệm này để tập hợp, đoàn kết toàn dân, hoàn thành thắng lợi mọi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra qua các thời kỳ.

Ba là, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Đây là bài học kinh nghiệm vô cùng quý giá, chính nhờ kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bằng đường lối đúng đắn, bản lĩnh kiên định, sự linh hoạt về sách lược và niềm tin sâu sắc vào quần chúng nhân dân, Đảng Cộng sản Việt Nam đã chèo lái con thuyền cách mạng vượt qua những thử thách sống còn đầu tiên. Những bài học từ việc bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ sau năm 1945 sẽ tiếp tục là kim chỉ nam cho sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay và tương lai.

MỘT SỐ NỘI DUNG MỚI CẦN CẬP NHẬT, BỔ SUNG TRONG GIẢNG DẠY MÔN XÂY DỰNG ĐẢNG HIỆN NAY

*ThS. Lê Thị Thúy Hà
Phó trưởng khoa Khoa Xây dựng Đảng*

Qua hơn 4 năm thực hiện giảng dạy theo Giáo trình Xây dựng Đảng, đến nay nhiều vấn đề về lý luận xây dựng Đảng được bổ sung; những quy định mới của Đảng mới được ban hành để đồng bộ với chủ trương sắp xếp lại các đơn vị hành chính hiện nay. Để kịp thời bổ sung và hướng dẫn cho học viên học môn Xây dựng Đảng, giảng viên cần cập nhật kịp thời những nội dung mới, biên soạn mới để giảng dạy môn Xây dựng Đảng theo các quy định mới ban hành và các Hướng dẫn thực hiện của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các cơ quan có thẩm quyền khác của Đảng.

Chủ trương và quyết định thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp có hiệu lực từ ngày 01/7/2025. Từ đầu năm 2025 BCH Trung ương đã ban hành:

- Quy định 232-QĐ/TW ngày 20/01/2025 và sau đó là Quy định 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 về thi hành Điều lệ Đảng (thay thế Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2025).

- Hướng dẫn số 06-HD/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về một số vấn đề thi hành Điều lệ Đảng (thay thế Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021).

- Quy định số 298-QĐ/TW ngày 09/6/2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng ở xã, phường, đặc khu.

- Quy định số 299-QĐ/TW ngày 09/6/2025 về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- Quy định số 302-QĐ/TW ngày 09/6/2025 ban hành Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ở xã, phường, đặc khu.

- Quy định số 300-QĐ/TW ngày 09/6/2025 về chức năng, nhiệm vụ của đảng bộ cơ sở đặc khu.

- Quy định 303 ngày 09/6/2025 về ban hành Quy chế mẫu của đảng ủy cơ

sở đặc khu.

- Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng (thay thế Quy định số 22-QĐ/TW ngày 28/7/2021).

- Hướng dẫn số 08-HD/TW ngày 10/6/2025 về thực hiện một số nội dung Quy định số 296-QĐ/TW ngày 30/5/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng và nhiều quy định khác (thay thế Hướng dẫn 02-HD/TW, ngày 09/12/2021).

Trên cơ sở những quy định mới, việc vận dụng vào giảng dạy một số chuyên đề trong học phần xây dựng đảng trong một số bài như sau:

Bài 3: Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Tổ chức cơ sở đảng

Giảng viên nghiên cứu và vận dụng những điểm mới của các quy định sau vào bài giảng:

- Quy định số 232-QĐ/TW ngày 20/01/2025 và sau đó là Quy định 294-QĐ/TW ngày 26/5/2025 về thi hành Điều lệ Đảng (thay thế Quy định số 24-QĐ/TW ngày 30/7/2025).

- Hướng dẫn số 06-HD/TW ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư về một số vấn đề thi hành Điều lệ Đảng (thay thế Hướng dẫn số 01-HD/TW ngày 28/9/2021).

- Về hệ thống tổ chức của Đảng: xác định hệ thống tổ chức của Đảng được tổ chức theo đơn vị hành chính cấp xã, cấp tỉnh và cấp Trung ương.

- Cấp xã gồm: xã, phường, đặc khu; cấp tỉnh gồm tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Bỏ quy định về tổ chức đảng cấp huyện (gồm: huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố).

- Thống nhất tên gọi các cấp bộ đảng, tổ chức đảng từ cấp trên cơ sở đến chi bộ, tương ứng với các nội dung quy định, hướng dẫn như sau: cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng, cấp ủy được giao quyền cấp trên cơ sở, cấp ủy được thí điểm giao quyền cấp trên cơ sở, đảng ủy cơ sở, chi bộ cơ sở, chi bộ (không phải chi bộ cơ sở). Đồng thời, quy định ở các thôn, tổ dân phố chỉ được thành lập chi bộ (không phải chi bộ cơ sở), không được thành lập chi bộ cơ sở

trực thuộc đảng ủy xã, phường, đặc khu.

- Thành lập các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy xã, phường, đặc khu gồm: Văn phòng cấp ủy, Ban Xây dựng Đảng và UBKT.

- Các quy định xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng và phù hợp với thực tiễn.

+ Vị trí, chức năng của Đảng ủy cấp xã trực thuộc và chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh ủy, trực tiếp và thường xuyên của ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh.

+ Là cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng.

- Quy chế làm việc mẫu của đảng ủy cấp trên trực tiếp của TCCSĐ ở xã, phường, đặc khu (Quyết định số 302-QĐ/TW, ngày 09/6/2025 của Ban Bí thư)

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của đảng ủy: Đảng ủy có 15 nhiệm vụ. Đảng ủy lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện ở cấp xã; lãnh đạo, chỉ đạo các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống chính trị cấp xã và các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc theo quy định. Căn cứ nội dung, tính chất của từng lĩnh vực, đảng ủy ban hành văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ.

+ Nhiệm vụ, quyền hạn của ban thường vụ đảng ủy có 14 nhiệm vụ. Trong đó, quy định rõ các nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; về công tác chính trị, tư tưởng, đạo đức; công tác tổ chức, cán bộ, đảng viên, bảo vệ chính trị nội bộ; công tác kiểm tra, giám sát, phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; công tác tuyên giáo, dân vận...

+ Nhiệm vụ của tập thể và các cá nhân

Bài 4: Công tác đảng viên của Tổ chức cơ sở đảng

Về một số nội dung liên quan đến đảng viên; bổ sung một số quy định: đảng viên được tổ chức đảng bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng; kết nạp đảng viên đối với học sinh, sinh viên đang chờ quyết định công nhận tốt nghiệp; chuyên sinh hoạt đảng chính thức đối với trường hợp đảng viên làm việc tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nếu có tổng thời gian hợp đồng lao động liên tục từ đủ 12 tháng trở lên.

Bài 8: Công tác kiểm tra, giám sát của Tổ chức cơ sở đảng

Quy định số 296-QĐ/TW đã kế thừa và tích hợp các quy định, quyết định của Đảng về công tác về công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kiểm soát tài sản, thu nhập đảm bảo sự thống nhất trong thực hiện: Quy định số 211-QĐ/TW, ngày 08/11/2013 của Bộ Chính trị về giám sát đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị về giám sát trong Đảng; Quyết định số 210-QĐ/TW, ngày 08/11/2013 của Bộ Chính trị ban hành quy định giải quyết tố cáo đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 85-QĐ/TW, ngày 23/5/2017 của Bộ Chính trị về kiểm tra, giám sát việc kê khai tài sản của cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý; Quy định số 221-QĐ/TW, ngày 30/12/2013 của Bộ Chính trị quy định trách nhiệm của các ban đảng Trung ương tham gia giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Một số nội dung cần cập nhật, bổ sung vào bài giảng:

- Khái niệm về kiểm tra, giám sát
- Chủ thể, đối tượng kiểm tra, giám sát:
 - + Bổ chủ thể Ban cán sự đảng, Đảng đoàn; cấp ủy, UBKT cấp ủy huyện
 - + Quy định mới: cấp ủy, UBKT cấp ủy xã, phường, đặc khu
- Công tác kiểm tra, giám sát của chi bộ
- + Tự giám sát
- + Giải quyết tố cáo và kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm
- Về nguyên tắc tổ chức của UBKT:
 - + Cấp ủy cấp trên chỉ định UBKT, chủ nhiệm và các phó chủ nhiệm
 - + Số lượng ủy viên UBKT cấp ủy xã, phường, đặc khu tối đa là 7 (quy định cũ là 3-5)
 - + Quy định thí điểm Chủ nhiệm UBKT không phải là người địa phương
- Mở rộng quyền hạn và trách nhiệm cho các chủ thể kiểm tra trong việc:
 - + Chủ động kiểm tra khi phát hiện có DHVP, không chờ chỉ đạo.
 - + Quyết định kiểm tra chuyên đề, kiểm tra thường xuyên.
 - + Yêu cầu tổ chức đảng, đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu, thông tin.

- + Thực hiện công tác giám sát thường xuyên và đột xuất.
- Quy định rõ trách nhiệm, thẩm quyền từng cấp kiểm tra, giám sát
- + Cấp ủy các cấp (Ban Chấp hành, Ban Thường vụ).
- + Ủy ban kiểm tra các cấp.
- + Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy.
- + Chi bộ.

Để nâng cao chất lượng chuyên môn, kịp thời cập nhật những vấn đề của công tác xây dựng Đảng cho học viên các lớp Trung cấp lý luận chính trị hiện nay là vô cùng quan trọng. Giúp học viên nắm bắt kịp thời quan điểm, quy định của Đảng vào hoạt động thực tiễn của công tác xây dựng Đảng ở địa phương, đơn vị hiện nay. Trên đây là một vài trao đổi về cập nhật nội dung mới của môn học xây dựng Đảng trong khi chờ Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh ban hành giáo trình Xây dựng Đảng mới.

VIỆT NAM – HÀNH TRÌNH 80 NĂM VƯƠN LÊN MẠNH MẼ

*Ths. Nguyễn Thị Huệ
Phó Trưởng khoa Khoa Lý luận cơ sở*

Tóm tắt: Ngày 2 tháng 9 năm 1945, tại Quảng trường Ba Đình lịch sử, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là thời khắc thiêng liêng, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của dân tộc Việt Nam sau bao nhiêu năm nô lệ. Từ một quốc gia nghèo nàn, bị thực dân áp bức và chiến tranh tàn phá, Việt Nam đã trải qua hành trình 80 năm đầy gian nan nhưng cũng vô cùng hào hùng, để vươn lên mạnh mẽ, khẳng định vị thế ngày càng cao trên trường quốc tế. Hành trình ấy là bản anh hùng ca của ý chí kiên cường, tinh thần đoàn kết và khát vọng vươn lên của một dân tộc yêu chuộng hòa bình, độc lập và phát triển bền vững.

Từ khóa: Việt Nam; hành trình 80 năm vươn lên mạnh mẽ

1. Giai đoạn vừa kháng chiến chống Mỹ vừa xây dựng, kiến thiết đất nước nước

Ngay sau ngày độc lập, dân tộc ta lại bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946–1954). Với chiến thắng lẫy lừng tại Điện Biên Phủ, Việt Nam đã buộc Pháp phải ký Hiệp định Genève, ghi dấu ấn lịch sử về tinh thần quật cường của một dân tộc nhỏ bé trước một cường quốc thực dân. Tuy nhiên, đất nước chưa được thống nhất, cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước lại tiếp tục nổ ra.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ (1954 -1975) là một trong những cuộc chiến khốc liệt nhất trong lịch sử hiện đại. Thế nhưng với tinh thần “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”, nhân dân Việt Nam đã anh dũng chiến đấu và giành thắng lợi hoàn toàn vào ngày 30/4/1975, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Giai đoạn 30 năm đầu của hành trình 80 năm là thời kỳ “vừa chiến đấu, vừa xây dựng”, trong điều kiện vô cùng thiếu thốn. Nhưng đó cũng là thời kỳ đặt nền móng cho tinh thần tự lực, tự cường và ý chí sắt đá của dân tộc Việt Nam.

2. Kinh tế Việt Nam – 80 năm vươn mình mạnh mẽ từ đói nghèo đến

hội nhập toàn cầu

Từ một quốc gia nông nghiệp lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, kinh tế Việt Nam trong suốt 80 năm qua đã trải qua những bước chuyển mình lịch sử đầy gian nan nhưng cũng vô cùng ngoạn mục. Giai đoạn đầu sau Cách mạng Tháng Tám 1945, nền kinh tế chủ yếu tự cung tự cấp, thiếu lương thực, vật tư và phương tiện sản xuất. Sau khi đất nước thống nhất (1975), Việt Nam tiếp tục gặp khủng hoảng kéo dài, đặc biệt trong bối cảnh bị bao vây, cấm vận và thiếu cơ chế thị trường.

Bước ngoặt mang tính lịch sử từ năm 1986, khi Đại hội VI của Đảng đề xướng công cuộc Đổi mới. Từ đó, Việt Nam chuyển mình mạnh mẽ sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với trọng tâm là phát triển kinh tế nhiều thành phần, mở cửa hội nhập và phát huy nội lực. Những cải cách về nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, đầu tư, cùng với quá trình hội nhập sâu rộng vào kinh tế khu vực và toàn cầu (gia nhập WTO, ký nhiều FTA thế hệ mới...) đã đưa Việt Nam trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh khu vực châu Á trong suốt thập kỷ qua.

Việt Nam hiện là một trong những nước xuất khẩu gạo, cà phê, thủy sản hàng đầu thế giới, đồng thời dần vươn lên trong các lĩnh vực như điện tử, chế biến chế tạo, công nghệ cao và dịch vụ số. Tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh từ hơn 70% đầu thập niên 1990 xuống còn dưới 3% (năm 2024 theo chuẩn mới). GDP bình quân đầu người đã tăng gấp hơn 40 lần so với những năm đầu đổi mới.

Nền kinh tế Việt Nam ngày nay không chỉ tăng trưởng về lượng, mà đang chuyển dần sang phát triển bền vững, bao trùm và đổi mới sáng tạo, với trọng tâm là nâng cao năng suất, khoa học công nghệ, chuyên đổi số và kinh tế xanh. Trong bối cảnh kinh tế thế giới đầy biến động, khả năng thích ứng, kiểm soát vĩ mô ổn định và khát vọng vươn lên của nền kinh tế Việt Nam đã khẳng định một điều: từ nghèo đói, Việt Nam đã vươn lên mạnh mẽ và đang từng bước khẳng định vị thế là một nền kinh tế năng động, tự tin, hội nhập và đầy triển vọng trong thế kỷ XXI.

3. Khoa học, giáo dục, y tế, thể chế và đổi mới sáng tạo: nền tảng cho phát triển bền vững

Bước vào kỷ nguyên mới – nơi mà trí tuệ nhân tạo, công nghệ số, dữ liệu lớn đang làm thay đổi sâu sắc cấu trúc kinh tế – xã hội toàn cầu, Việt Nam xác định rõ: muốn phát triển nhanh và bền vững, cần lấy con người làm trung tâm, giáo dục làm nền tảng, khoa học làm động lực, thể chế là then chốt của then chốt, và đổi mới sáng tạo làm đột phá.

Việt Nam luôn coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. Gần 80 năm qua, từ một quốc gia có tỷ lệ mù chữ cao, Việt Nam đã vươn lên đạt phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và tiến tới chuẩn hóa, hiện đại hóa giáo dục phổ thông.

Trong thời đại chuyển đổi số và hội nhập quốc tế, giáo dục không chỉ dừng lại ở việc truyền đạt kiến thức, mà phải đổi mới toàn diện về chương trình, phương pháp giảng dạy, đánh giá năng lực học sinh. Các chương trình giáo dục mới đã chuyển mạnh từ “học để biết” sang “học để làm, học để chung sống và học để tự khẳng định mình”.

Đáng chú ý, Việt Nam đang thúc đẩy giáo dục STEM, tư duy số, đổi mới sáng tạo ngay từ phổ thông, từng bước xây dựng công dân toàn cầu trong thời đại số. Việc thúc đẩy tự chủ đại học, liên kết đào tạo với doanh nghiệp, quốc tế hóa giáo dục cũng là bước đi chiến lược để tăng cường chất lượng nguồn nhân lực.

Một quốc gia bền vững không thể thiếu một hệ thống y tế vững mạnh, công bằng và chất lượng. Những năm gần đây, Việt Nam đã đạt nhiều tiến bộ trong chăm sóc sức khỏe toàn dân, mở rộng độ bao phủ bảo hiểm y tế (trên 92%), nâng cao năng lực y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh.

Đặc biệt trong đại dịch COVID-19, Việt Nam được quốc tế đánh giá cao với mô hình phòng chống hiệu quả, ứng phó nhanh và có trách nhiệm. Các thành quả này không thể có nếu thiếu sự đầu tư có chiến lược vào hệ thống y tế cơ sở, nguồn nhân lực và công nghệ y học.

Định hướng tới đây là phát triển y tế thông minh, chuyển đổi số trong khám chữa bệnh, quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân, đồng thời thúc đẩy công nghiệp dược phẩm, thiết bị y tế nội địa. Đây là bước chuyển từ “trị bệnh” sang “chăm sóc

sức khỏe chủ động” – nền tảng để nâng cao chất lượng cuộc sống.

Đặc biệt, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang mở ra thời cơ vàng cho Việt Nam bứt phá. Các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo (startup), các trung tâm đổi mới công nghệ, trí tuệ nhân tạo (AI), tự động hóa... đang trở thành động lực phát triển mới cho nền kinh tế số và xã hội số.

Chưa bao giờ khoa học và công nghệ lại được đề cao như hiện nay. Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo là đột phá chiến lược trọng yếu, là “chìa khóa” giúp Việt Nam tăng năng suất, cải thiện năng lực cạnh tranh, và vươn lên vị thế cao hơn trong chuỗi giá trị toàn cầu.

Các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn, công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo, công nghệ sạch... đang được ưu tiên phát triển. Việt Nam đã có nhiều trung tâm đổi mới sáng tạo quốc gia, khu công nghệ cao, và hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo (startup) sôi động.

Tuy nhiên, để phát huy được động lực khoa học và công nghệ, cần có thể chế phù hợp. Nghị quyết 57-NQ/TW đề xuất hàng loạt cải cách: sửa luật sở hữu trí tuệ, đầu tư mạnh cho nghiên cứu – triển khai (R&D), trao quyền tự chủ tài chính và quyết định cho các viện, trường, đồng thời tôn vinh tài năng sáng tạo, trí tuệ Việt Nam ở cả trong và ngoài nước.

Đồng thời, không thể có phát triển bền vững nếu thể chế còn lạc hậu. Nghị quyết 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới là dấu mốc quan trọng, khẳng định: đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá”. Nghị quyết đề ra những cải cách lớn: hoàn thiện hệ thống pháp luật 3 cấp, tăng cường trách nhiệm thi hành pháp luật, áp dụng công nghệ số vào quy trình lập pháp và thi hành pháp luật. Quan trọng hơn, pháp luật được xây dựng theo hướng minh bạch, dễ hiểu, dễ thực thi – tạo điều kiện tối đa cho người dân, doanh nghiệp phát triển. Thể chế pháp luật tốt là “bộ khung” để khoa

học, giáo dục, y tế và kinh tế vận hành hiệu quả, đồng thời tạo niềm tin vào sự công bằng, kỷ cương trong xã hội.

Đổi mới sáng tạo không chỉ nằm trong phòng thí nghiệm, mà đang thấm sâu vào đời sống, sản xuất, kinh doanh, hành chính công. Từ các ứng dụng số trong nông nghiệp, y tế, giáo dục, thương mại... đến những startup công nghệ Việt Nam vươn ra quốc tế – đó là minh chứng cho tinh thần sáng tạo mạnh mẽ của người Việt Nam trong thời đại mới.

Đổi mới sáng tạo cũng không chỉ là trách nhiệm của khu vực công – mà là động lực của cả xã hội: từ nhà nghiên cứu, kỹ sư, sinh viên, doanh nhân, đến người lao động. Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế tiếp tục khuyến khích doanh nghiệp đổi mới mô hình kinh doanh, đầu tư công nghệ, chuyển đổi số và hội nhập quốc tế sâu hơn.

Giáo dục đào tạo ra nguồn nhân lực, khoa học – công nghệ giải phóng năng suất, y tế đảm bảo phúc lợi và sức khỏe, thể chế tạo hành lang pháp lý, và đổi mới sáng tạo kích hoạt sự phát triển vượt bậc. Cả năm yếu tố này không tách rời, mà liên kết chặt chẽ tạo đà cho Việt Nam phát triển. Với nền móng này, Việt Nam không chỉ hướng đến “tăng trưởng kinh tế”, mà còn là phát triển bền vững, bao trùm, hiện đại và nhân văn, sẵn sàng cho những mục tiêu lớn hơn vào năm 2030, 2045 và xa hơn nữa.

4. Văn hóa – con người Việt Nam: sức mạnh mềm cho sự phát triển của dân tộc

Việt Nam, một đất nước trải qua biết bao thăng trầm lịch sử, chiến tranh, đổi mới và hội nhập – văn hóa và con người không chỉ là cội nguồn bản sắc, mà còn là sức mạnh mềm bền bỉ, thâm lặng nhưng quyết định đến chiều sâu và chất lượng phát triển quốc gia.

Trải qua bao biến động, văn hóa truyền thống Việt Nam vẫn được gìn giữ, phát huy và trở thành một phần không thể thiếu trong bản sắc quốc gia. Từ áo dài, Truyện Kiều, ca trù, quan họ đến những lễ hội dân gian... đều phản ánh chiều sâu tâm hồn Việt. Con người Việt Nam – cần cù, thông minh, đoàn kết,

yêu nước – chính là nguồn lực nội sinh to lớn nhất cho sự phát triển. Trong thời đại mới, thế hệ trẻ năng động, sáng tạo, hội nhập quốc tế nhưng vẫn giữ gìn cốt cách dân tộc là hy vọng lớn cho tương lai.

Trong kỷ nguyên toàn cầu hóa, sức mạnh quốc gia không chỉ đến từ tiềm lực kinh tế – quân sự, mà còn đến từ sức hấp dẫn văn hóa, con người và giá trị. Việt Nam đang từng bước nâng tầm vị thế quốc tế thông qua ngoại giao văn hóa, du lịch, ẩm thực, nghệ thuật và sáng tạo. Trong 80 năm dựng xây và phát triển, đây là những trụ cột đã giúp đất nước kiên cường vượt qua chiến tranh, đứng vững giữa hội nhập, và vươn mình mạnh mẽ trong kỷ nguyên mới.

5. Vị thế quốc tế: từ quốc gia nghèo vươn tới tầm cao khu vực và toàn cầu

Cách đây 80 năm, Việt Nam xuất hiện trên bản đồ thế giới như một quốc gia non trẻ, nghèo đói, bị chiến tranh tàn phá và bị cô lập về ngoại giao. Nhưng với bản lĩnh kiên cường, khát vọng hòa bình và ý chí tự cường, Việt Nam đã không ngừng vươn lên. Ngày nay, quốc gia hình chữ S không chỉ là thành viên tích cực của cộng đồng quốc tế, mà còn là một hình mẫu về phát triển độc lập, tự chủ, hội nhập và trách nhiệm toàn cầu.

Ngay sau khi giành độc lập, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã ra sức vận động quốc tế công nhận chính thể non trẻ, trong khi phải đối mặt với các thế lực thực dân muốn tái chiếm.

Dù bị cô lập, Việt Nam vẫn tạo được tiếng vang trong phong trào chống chủ nghĩa thực dân, là điểm tựa tinh thần cho các nước thuộc địa khác ở châu Á, châu Phi. Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) và đặc biệt là chiến thắng 30/4/1975 không chỉ là mốc son dân tộc, mà còn khẳng định vai trò của Việt Nam như một quốc gia yêu chuộng hòa bình, sẵn sàng hy sinh vì chính nghĩa, góp phần làm thay đổi cục diện địa – chính trị toàn cầu.

Sau năm 1975, Việt Nam tiếp tục đối mặt với khó khăn mới: bị bao vây cấm vận kinh tế, chiến tranh biên giới, và khủng hoảng tài chính trong nước. Tuy nhiên, chính trong giai đoạn đó, Đảng và Nhà nước đã chọn một bước ngoặt mang tính chiến lược: Đổi mới và mở cửa từ năm 1986, đồng thời từng bước chủ động cải thiện quan hệ đối ngoại. Từ việc bình thường hóa quan hệ với

Trung Quốc (1991), Mỹ (1995), đến gia nhập ASEAN (1995), APEC (1998)... Việt Nam dần phá thế cô lập, hội nhập khu vực, thiết lập các quan hệ ngoại giao toàn diện. Những bước đi đầu tiên này là tiền đề để Việt Nam trở thành một quốc gia hội nhập toàn diện như hiện nay.

Từ đầu thế kỷ XXI, Việt Nam bước vào thời kỳ hội nhập sâu rộng, với các thành tựu ấn tượng: Gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2007, đánh dấu bước ngoặt đưa Việt Nam vào sân chơi toàn cầu với tư cách là một nền kinh tế đang phát triển năng động; Ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do thế hệ mới (CPTPP, EVFTA, RCEP...), mở ra không gian phát triển rộng lớn và khẳng định vị thế Việt Nam là điểm đến đáng tin cậy cho đầu tư quốc tế; Đảm nhiệm thành công nhiều vai trò lớn trong các tổ chức quốc tế, như: Chủ tịch ASEAN (2010, 2020); Ủy viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc (2008–2009, 2020–2021); Chủ nhà APEC (2006, 2017); Tổ chức Hội nghị Thượng đỉnh Mỹ – Triều Tiên lần 2 tại Hà Nội (2019). Những cột mốc đó không chỉ là biểu hiện về uy tín ngoại giao, mà còn thể hiện sự tin tưởng của quốc tế đối với vai trò kiến tạo hòa bình, ổn định và hợp tác phát triển của Việt Nam.

Chính sách đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa – đa dạng hóa và nỗ lực gìn giữ hòa bình, phát triển bền vững đang giúp Việt Nam ghi dấu ấn mạnh mẽ trên bản đồ thế giới. Hình ảnh đất nước Việt Nam hòa bình, hiếu khách, thân thiện và giàu tiềm năng ngày càng lan tỏa sâu rộng.

Trong thế kỷ XXI – thế kỷ của cạnh tranh chiến lược, chuyên đổi số và toàn cầu hóa, vị thế quốc tế của Việt Nam sẽ tiếp tục nâng cao và kiên định với chính sách đối ngoại linh hoạt, gìn giữ hòa bình, phát triển nội lực bền vững và phát huy vai trò trách nhiệm toàn cầu.

80 năm không phải là hành trình dài trong lịch sử một dân tộc, nhưng với Việt Nam đó là 80 năm chuyển mình mạnh mẽ, từ một đất nước bị đô hộ, chiến tranh tàn phá, đến một quốc gia hòa bình, phát triển và hội nhập. Chặng đường ấy thấm đẫm máu, mồ hôi, nước mắt, nhưng cũng rực rỡ vinh quang.

Trong tương lai, với khát vọng vươn lên, tinh thần đổi mới sáng tạo và sự đồng lòng của toàn hệ thống chính trị cùng nhân dân cả nước, Việt Nam hoàn toàn có thể trở thành một quốc gia phát triển vào năm 2045 – kỷ niệm 100 năm ngày thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Chặng đường 80 năm qua chính là minh chứng hùng hồn rằng dân tộc Việt Nam luôn biết đứng dậy sau thử thách, tiến bước không ngừng và vươn cao, vươn xa để kiến tạo một tương lai tươi sáng hơn.

**BẢO ĐẢM THỰC HIỆN DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ
TRONG QUÁ TRÌNH SÁP NHẬP CÁC ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH
NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ GIẢI PHÁP TỪ THỰC TIỄN TẠI TÂY NINH**

*ThS. Võ Thị Thu Thảo
Giảng viên Khoa Nhà nước và Pháp luật*

***Tóm tắt:** Bài viết tập trung phân tích thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở trong bối cảnh sáp nhập các đơn vị hành chính tại tỉnh Tây Ninh. Trong quá trình này, quyền làm chủ của Nhân dân có nguy cơ bị ảnh hưởng nếu không được bảo đảm đúng quy trình, nguyên tắc. Bài viết đề cập các vấn đề phát sinh và đề xuất giải pháp nhằm giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tăng cường đồng thuận của người dân sau sáp nhập.*

***Từ khóa:** sáp nhập đơn vị hành chính; dân chủ cơ sở; Tây Ninh; tổ chức bộ máy.*

Thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã và Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã, các địa phương trên cả nước đang tiến hành sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động. Tại Tây Ninh, giai đoạn 2023 – 2025, tỉnh đã triển khai việc sáp nhập hàng chục xã, phường, thị trấn có quy mô dân số, diện tích chưa đạt chuẩn. Chủ trương sáp nhập là cần thiết, song đặt ra yêu cầu lớn về công tác tư tưởng, tổ chức, và đặc biệt là bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở. Nếu không làm tốt, sẽ phát sinh tâm lý hoang mang, khiếu kiện, mất ổn định chính trị – xã hội.

Thực tiễn thực hiện dân chủ ở cơ sở trong quá trình sáp nhập đơn vị hành chính tại Tây Ninh

Chủ trương sáp nhập các đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn tại Tây Ninh được thực hiện theo đúng tinh thần các nghị quyết Trung ương và quy định pháp luật. Tuy nhiên, từ thực tế triển khai cho thấy, việc đảm bảo quyền làm chủ của Nhân dân trong giai đoạn sắp xếp lại tổ chức bộ máy hành chính đặt

ra nhiều yêu cầu mới.

Thứ nhất, việc lấy ý kiến Nhân dân về phương án sáp nhập được triển khai theo quy định

Tại hầu hết các địa phương trong tỉnh, chính quyền cơ sở đã tổ chức họp dân, phát tài liệu tuyên truyền, niêm yết phương án sáp nhập để lấy ý kiến cử tri. Tỷ lệ đồng thuận đạt cao, thể hiện sự ủng hộ của nhân dân với chủ trương chung.

Tuy nhiên, qua phản ánh từ cơ sở cho thấy vẫn còn một số điểm cần điều chỉnh: Một số người dân chưa thực sự nắm rõ mục tiêu, lợi ích dài hạn của việc sáp nhập nên còn tâm lý lo ngại thay đổi; Hình thức tuyên truyền đôi lúc chưa đa dạng, chưa phát huy hết vai trò của hệ thống Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể trong vận động, thuyết phục.

Thứ hai, tổ chức, hoạt động của các thiết chế dân chủ cần được củng cố sau sáp nhập

Khi đơn vị hành chính mới hình thành, việc kiện toàn các tổ chức đại diện cho tiếng nói của dân như Ban Công tác Mặt trận, Tổ dân phố, Ban Thanh tra nhân dân... là rất quan trọng.

Thực tế ghi nhận: Một số nơi đã chủ động rà soát, sắp xếp tổ chức, phân công rõ nhiệm vụ cho từng bộ phận; Một số nơi còn chậm kiện toàn, khiến hoạt động giám sát, phản ánh từ cơ sở chưa kịp thời, gây ảnh hưởng đến việc lắng nghe ý kiến Nhân dân.

Thứ ba, một số thách thức trong bảo đảm thực hiện dân chủ sau sáp nhập

Địa bàn hành chính mở rộng dẫn đến số lượng hộ dân tăng, cán bộ, công chức ở địa phương phải quản lý phạm vi lớn hơn trước, đòi hỏi kỹ năng quản lý, điều hành và dân vận phải tốt hơn.

Một số xã sáp nhập từ hai đơn vị có phong tục, văn hóa khác biệt (nông thôn – ven đô thị, đô thị - bán đô thị, nông thôn – đô thị...) cần thời gian để đồng thuận, hòa nhập cách thức sinh hoạt, quản lý.

Việc triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở trong tình hình mới đòi hỏi sự mềm dẻo, phát huy dân chủ nhưng vẫn đảm bảo sự thống nhất trong điều hành.

Một số giải pháp nhằm tăng cường thực hiện dân chủ ở cơ sở sau sáp nhập đơn vị hành chính

Dân chủ ở cơ sở là điều kiện để thực hiện hiệu quả việc sáp nhập đơn vị hành chính. Từ thực tiễn của tỉnh Tây Ninh, có thể rút ra các nhóm giải pháp sau:

Một là, tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về ý nghĩa của sáp nhập

Sử dụng linh hoạt các kênh tuyên truyền (đài truyền thanh cơ sở, sinh hoạt đoàn thể, tờ rơi, bảng tin, tuyên truyền trực tiếp...) để giải thích rõ mục tiêu, lộ trình và lợi ích dài hạn của việc sáp nhập. Phát huy vai trò nòng cốt của Ban Công tác Mặt trận ấp, khu phố, Chi bộ Đảng, các tổ chức chính trị – xã hội tại khu dân cư trong công tác dân vận, tạo đồng thuận từ cơ sở.

Hai là, kiện toàn bộ máy quản lý và các tổ chức nhân dân sau sáp nhập

Sau khi ổn định tổ chức hành chính, cần sớm ban hành quy chế hoạt động, phân công lại các ban ngành, đoàn thể tại địa phương mới. Đảm bảo các thiết chế dân chủ hoạt động thực chất, không chỉ mang tính hình thức, đặc biệt là kênh tiếp nhận, phản ánh, kiến nghị của Nhân dân.

Ba là, thực hiện công khai, minh bạch thông tin liên quan đến sáp nhập

Công bố rộng rãi các thông tin về kế hoạch sử dụng đất, đầu tư cơ sở hạ tầng, phân bổ ngân sách... nhằm giúp người dân nắm rõ, giám sát và đồng hành. Xây dựng niềm tin thông qua các kênh phản hồi hiệu quả: hòm thư góp ý, trang thông tin điện tử xã/phường, số điện thoại tiếp công dân...

Bốn là, nâng cao năng lực cán bộ trong điều hành, dân vận và xử lý tình huống

Tổ chức các lớp bồi dưỡng kỹ năng dân vận, tiếp xúc cử tri, điều hành sinh hoạt cộng đồng cho cán bộ, công chức cấp xã mới sau sáp nhập. Xây dựng đội ngũ cán bộ “3 tốt”: hiểu dân – gần dân – trọng dân, tạo môi trường hành chính thân thiện, hiệu quả.

Năm là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong điều hành và tiếp nhận ý kiến Nhân dân

Thiết lập cổng thông tin xã/phường kết hợp các nền tảng mạng xã hội như Zalo Official, fanpage Facebook... để thông tin nhanh chóng, minh bạch và tiếp nhận phản ánh kịp thời. Khuyến khích xây dựng “tổ dân vận số” – nơi người dân có thể đóng góp ý kiến từ xa, tăng tính tương tác hai chiều.

Tóm lại, việc sáp nhập đơn vị hành chính là yêu cầu khách quan nhằm tinh gọn tổ chức bộ máy và nâng cao hiệu quả hoạt động của chính quyền cơ sở. Tuy nhiên, nếu không đi liền với việc thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở thì rất dễ dẫn đến mất ổn định từ gốc. Thực tiễn tại Tây Ninh cho thấy: những nơi coi trọng công khai, dân vận tốt, kịp thời kiện toàn bộ máy sau sáp nhập thì đạt sự đồng thuận cao. Ngược lại, nếu thiếu minh bạch, chậm xử lý nguyện vọng nhân dân thì dễ phát sinh mâu thuẫn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện và cấp xã.
2. Nghị quyết số 595/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã.
3. Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở năm 2022.
4. Hướng dẫn số 31-HD/BTCTW ngày 23/4/2025 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thành lập tổ chức đảng tương ứng các đơn vị hành chính ở địa phương và sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, đoàn thể cấp tỉnh, cấp xã.
5. Văn bản chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Tây Ninh về công tác sáp nhập đơn vị hành chính (2023 – 2025).

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG HIẾN PHÁP VIỆT NAM – QUYẾT SÁCH LỚN CHO KỶ NGUYÊN MỚI.

*ThS. Nguyễn Thanh Hằng
Giảng viên Phòng TC, HC, TT, TL*

Tóm tắt: Ngày 16/6/2025, tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XV đã thông qua Nghị quyết số 203/2025/QH15, sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 203). Đây là kết quả của quá trình nghiên cứu công phu, phản ánh sâu sắc ý chí, nguyện vọng của Nhân dân, kết hợp giữa ý Đảng, lòng Dân, phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu xây dựng, bảo vệ, phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Những nội dung sửa đổi, bổ sung không chỉ mang tính kỹ thuật lập pháp, mà còn thể hiện tầm nhìn chiến lược trong xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện đại, dân chủ và phát triển.

Từ khóa: Hiến pháp năm 2013, Nghị quyết số 203, Nhà nước pháp quyền, kỷ nguyên mới.



Hình ảnh: Tổng Bí thư Tô Lâm phát biểu chỉ đạo tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 11 Khóa XIII

(nguồn: Internet)

1. Đổi mới tư duy lập hiến

*“Tinh gọn bộ máy của hệ thống chính trị, sáp nhập tỉnh, không tổ chức cấp huyện, sáp nhập xã không chỉ đơn thuần là vấn đề điều chỉnh tổ chức bộ máy, địa giới hành chính mà còn là vấn đề điều chỉnh không gian kinh tế, điều chỉnh sự phân công, phân cấp, phân bổ nguồn lực cho phát triển. Là cơ hội để chúng ta sàng lọc, sắp xếp, xây dựng đội ngũ cán bộ thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới”.*²⁶

Đất nước ta đang bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc, với đích đến là dân giàu, nước mạnh, xã hội xã hội chủ nghĩa, sánh vai với cường quốc năm châu. Trước sự vận động không ngừng của tình hình thực tiễn, những yêu cầu, đòi hỏi công tác lập hiến, lập pháp gắn với vai trò của Quốc hội trong kỷ nguyên mới phải được đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ, sâu sắc hơn. Việc sửa đổi Hiến pháp là cần thiết, tất yếu, là biểu hiện của tinh thần cầu thị, đổi mới vì lợi ích của đất nước, dân tộc.

Kể từ khi thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội cùng các thiết chế khác trong hệ thống chính trị và toàn thể nhân dân đã xây dựng, ban hành 5 bản Hiến pháp, đánh dấu những bước phát triển trong chiều dài lịch sử của đất nước. Theo đó, ở mỗi giai đoạn lịch sử, tùy thuộc vào bối cảnh và tình hình đất nước, Đảng và Nhà nước ta đã có những bước phát triển về tư duy, nhận thức và chủ trương chỉ đạo trong hoạt động lập hiến, đánh dấu chặng đường xây dựng và trưởng thành của Nhà nước cách mạng Việt Nam. Có thể thấy, sau hơn 12 năm thi hành Hiến pháp năm 2013, đất nước đã có những bước tiến quan trọng và đạt được thành tựu to lớn trong việc đổi mới thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước, chuyển đổi từ tư duy quản lý nhà nước bằng mệnh lệnh hành chính sang tư duy quản lý bằng pháp luật và theo pháp luật, phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân; bảo vệ công lý, quyền con người, quyền công dân; hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; củng cố quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội; bảo đảm an sinh xã hội, bảo vệ môi

²⁶ Phát biểu chỉ đạo của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Hội nghị toàn quốc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 11 Khóa XIII.

trường, đối ngoại và hội nhập quốc tế;...Bên cạnh đó, tư duy lập pháp và kỹ thuật lập pháp ngày một tiên bộ đã góp phần quan trọng giúp cho các chế định của Hiến pháp được đi sâu vào đời sống chính trị, kinh tế - xã hội.

Thông thường, việc sửa đổi, ban hành Hiến pháp thường gắn với những thay đổi rất lớn trong đời sống xã hội. Ở nước ta, quá trình ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung Hiến pháp đều gắn với thực tiễn bối cảnh lịch sử, yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc qua từng giai đoạn. Trong quá trình đó, quy trình, thủ tục về xây dựng Hiến pháp, sửa đổi Hiến pháp luôn được thể hiện nhất quán dưới sự lãnh đạo của Đảng, do Quốc hội quyết định với 2/3 số đại biểu Quốc hội yêu cầu/biểu quyết tán thành; Quốc hội bầu ra Ủy ban dự thảo sửa đổi Hiến pháp; nhân dân tham gia vào quá trình sửa đổi Hiến pháp. Khác với các lần sửa đổi Hiến pháp trước đây – vốn thường diễn ra trong bối cảnh chuyên đổi mô hình nhà nước, tái cấu trúc hệ thống chính trị hoặc mở rộng phạm vi quyền lực của các thiết chế – lần sửa đổi này phản ánh một chuyển động hoàn toàn mới trong tư duy lập hiến: Lấy hiệu quả quản trị làm trung tâm, lấy cải cách hành chính làm động lực.²⁷ Đây là lần đầu tiên trong lịch sử lập hiến, Hiến pháp được sửa đổi để tạo điều kiện cho cải cách hành chính. Như vậy, nhìn tổng thể việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013 sẽ đặt nền móng cho việc tiến hành một cuộc cải cách sâu rộng, toàn diện trong toàn hệ thống, xóa bỏ điểm nghẽn của điểm nghẽn về thể chế cho phát triển, kiến tạo mô hình quản trị mới, hiệu quả và minh bạch hơn.

2. Nền tảng pháp lý vững chắc cho sự phát triển đất nước bền vững

Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam gồm có 2 điều, trong đó, Điều 1 sửa đổi, bổ sung 5/120 điều của Hiến pháp (gồm Điều 9, Điều 10, khoản 1 Điều 84, Điều 110 và Điều 111); Điều 2 quy định về hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp. Đây là những điều chỉnh có tính chất nền móng, mở đường cho cải cách hành chính sâu rộng và thiết lập mô hình chính quyền địa phương hiện đại, hiệu quả hơn.

²⁷ <https://baochinhphu.vn/mot-dau-moc-lap-hien-mot-buoc-tien-cai-cach-102250617175844541.htm>

Nền tảng cải cách bộ máy Nhà nước: Đây là nhiệm vụ mang tính chiến lược cả về chính trị lẫn pháp lý, nhằm cụ thể hóa Nghị quyết số 18-NQ/TW của Đảng về tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực và hiệu quả hoạt động của Nhà nước. Nghị quyết số 203 đã hợp pháp hóa mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đây không chỉ tạo hành lang pháp lý sáp nhập các đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã trên toàn quốc, mà còn thúc đẩy phân cấp, phân quyền, tăng cường tính chủ động của chính quyền địa phương.

Việc giảm số lượng tỉnh/thành và cấp xã không chỉ là một điều chỉnh kỹ thuật về địa giới hành chính, mà là một bước đi chiến lược để hình thành những đơn vị hành chính có quy mô đủ lớn, nguồn lực đủ mạnh và bộ máy đủ năng lực để phát huy tự chủ, tự quản và phát triển bền vững, đảm nhiệm nhiệm vụ phát triển trong bối cảnh mới. Tương tự, các xã/phường sau sáp nhập sẽ không còn là những “đơn vị hành chính hình thức” với quy mô quá nhỏ, không đủ cán bộ, ngân sách và năng lực tổ chức thực hiện.²⁸ Thay vào đó, sẽ hình thành các cấp cơ sở vững về tổ chức, tối ưu hóa quản lý nhà nước, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử của từng địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững và toàn diện của cộng đồng dân cư.

Nâng tầm vai trò của nhân dân và các tổ chức đại diện: Việc tinh gọn bộ máy và sắp xếp lại các cấp chính quyền, việc giám sát và phản biện xã hội đòi hỏi phải mạnh mẽ hơn. Tại Điều 9 Nghị quyết số 203 có sửa đổi và bổ sung “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, dân tộc, tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là bộ phận của hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân; tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; thể hiện ý chí, nguyện vọng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân;

²⁸ <https://baochinhphu.vn/1-7-2025-ngay-hoi-non-song-va-buoc-ngoat-lich-su-102250701075426419.htm>

thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội; giám sát, phản biện xã hội; phản ánh ý kiến, kiến nghị của Nhân dân đến các cơ quan nhà nước; tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, hoạt động đối ngoại nhân dân, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” .

Theo đó, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sẽ đóng vai trò rất quan trọng trong việc này. Mặt trận sẽ tăng cường giám sát việc thực thi chính sách, pháp luật, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ở các cấp chính quyền. Điều này giúp đảm bảo tính minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình của các cơ quan Nhà nước. Đây là bước tiến về mặt dân chủ, làm giàu thêm nội hàm của khái niệm “Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân”. Nghị quyết số 203 sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 84 theo hướng quy định cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị-xã hội có quyền trình dự án luật trước Quốc hội, trình dự án pháp lệnh trước Ủy ban Thường vụ Quốc hội; còn các tổ chức thành viên khác của Mặt trận sẽ thực hiện quyền này thông qua Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Việc quy định này thể hiện tính dân chủ của chế độ xã hội chủ nghĩa, phát huy được vai trò tích cực, chủ động của các tổ chức chính trị-xã hội, đáp ứng nhu cầu chính đáng và thể hiện nguyện vọng, ý kiến của một bộ phận đông đảo người dân trong xã hội là đoàn viên, hội viên của các tổ chức này.

Bên cạnh đó, việc hợp pháp hóa mô hình chính quyền địa phương hai cấp, đồng bộ sáp nhập đơn vị hành chính bảo đảm tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, gần dân, sát dân, phục vụ nhân dân tốt hơn, thực hiện triệt để nguyên tắc “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm”, phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương; bảo đảm việc thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương.

3. Một bước tiến bản lĩnh mở đường cho tương lai

Mọi cuộc cách mạng đều phải bắt đầu từ thay đổi tư duy, nhận thức, đến hành động. Mục tiêu của cuộc cách mạng tinh gọn tổ chức bộ máy là vì sự phát triển và giàu mạnh. Có thể thấy, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến

pháp năm 2013 là biểu hiện rõ nét của bản lĩnh chính trị và tầm nhìn cải cách dài hạn. Không chỉ điều chỉnh kỹ thuật, đây là bước đi tất yếu mang tính chiến lược – nhằm kiến tạo một mô hình quản trị hiện đại, hiệu quả vì lợi ích của nhân dân, của quốc gia - dân tộc.

Từ dấu mốc này, chúng ta bước vào một chặng đường mới: kiến tạo một nền quản trị vì dân, một bộ máy công quyền phụng sự và một quốc gia tự tin tiến bước bằng chính năng lực tự cải cách của mình. Đó là tinh thần đồng thuận của toàn dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, tiếp tục đổi mới, tháo bỏ những rào cản cũ và dũng cảm mở lối đi lên trong kỷ nguyên mới – kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hiến pháp năm 2013.
2. Nghị quyết số 203/2025/QH15, ngày 16/6/2025 của Quốc hội về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp năm 2013.

ĐỜI ĐỜI TRI ÂN CÁC ANH HÙNG LIỆT SĨ VÀ NGƯỜI CÓ CÔNG VỚI CÁCH MẠNG

ThS. Huỳnh Thị Nhẹ
Giảng viên chính Khoa Nhà nước và pháp luật

Tóm tắt: Ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 là ngày tri ân, tưởng nhớ công lao của các anh hùng, liệt sỹ, cũng là ngày để người dân Việt Nam thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây. Thế hệ hôm nay trân trọng bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc, cảm phục ý chí tự lực, tự cường, sự cống hiến, hy sinh một phần xương máu của các vó thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng, góp phần bảo vệ Tổ quốc.

Từ khóa: 27/7, tri ân anh hùng liệt sỹ, “Uống nước nhớ nguồn”

Nhân kỷ niệm 78 năm Ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 – 27/7/2025), Tổng Bí thư Tô Lâm có bài viết với tựa đề “Uống nước nhớ nguồn”. Trong bài viết, Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “Cùng với cha ông, hơn 1,2 triệu liệt sỹ, 9,2 triệu người có công với cách mạng và thân nhân người có công trên toàn quốc hiện nay, tất cả Họ là linh hồn bất tử của dân tộc, là biểu tượng cao đẹp nhất của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Hơn **3.000** nghĩa trang liệt sỹ, hơn **4.000** công trình ghi công các liệt sỹ trên cả nước là những ngọn đuốc luôn thấp sáng chiến công và tưởng nhớ các anh hùng liệt sỹ; hơn **100 triệu** con tim người Việt là nguồn tình cảm dạt dào, thấm đẫm đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*”, “*ăn quả nhớ người trồng cây*” dành cho những người có công với nước.”²⁹

Đối với hàng triệu triệu người Việt, ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7 đóng một vai trò và ý nghĩa quan trọng. Hàng năm cứ đến ngày 27/7, cả nước lại hướng về các nghĩa trang liệt sỹ để thành kính dâng hương, tri ân công lao to lớn của những anh hùng đã ngã xuống vì nền độc lập nước nhà. Tìm hiểu về lịch sử, nguồn gốc và ý nghĩa của ngày 27/7 để chính quyền các cấp, các tổ chức, cá nhân càng phải có trách nhiệm, có những hành động cụ thể tri ân sự hy sinh của các anh hùng liệt sỹ, gia đình liệt sỹ, những mẹ Việt Nam anh hùng.

²⁹ <https://dangcongsan.vn/tin-hoat-dong/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-uong-nuoc-nho-nguon.html>

Lịch sử, nguồn gốc, ý nghĩa ngày Thương binh Liệt sỹ 27/7

Sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ra đời. Khi chính quyền cách mạng đang còn non trẻ thì thực dân Pháp âm mưu trở lại xâm lược nước ta. Kiên quyết bảo vệ thành quả cách mạng, giữ gìn độc lập tự do, quân và dân ta ở những nơi thực dân Pháp gây hấn đã chiến đấu anh dũng, chặn lại bàn tay đẫm máu của thực dân xâm lược. Trong cuộc chiến đấu này, nhiều chiến sĩ đồng bào ta đã bị thương, có người đã vĩnh viễn nằm lại chiến trường. Những thiệt thòi mất mát, nỗi buồn tủi của những người còn sống khi người thân mất đi. Nhưng cũng chính bằng lòng tiếc thương vô hạn ấy, người sống tự nói với lòng mình rằng: “Hãy sống sao cho xứng với người đã khuất”. Và rồi đã như thành truyền thống, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã dành tình thương yêu của mình chăm sóc các gia đình liệt sỹ, anh chị em thương binh – bệnh binh một cách tận tình chu đáo.

Trong những tháng năm đầu của cuộc kháng chiến, nhiều đồng bào, chiến sĩ đã ngã xuống, hy sinh một phần xương máu trên các chiến trường. Để phần nào xoa dịu nỗi đau mất mát của gia đình các chiến sĩ, đồng bào, Chính quyền Việt Nam đã xúc tiến vận động thành lập một tổ chức, lấy tên gọi là Hội giúp binh sĩ tử nạn.

Đầu năm 1946, Hội giúp binh sĩ tử nạn (sau đó đổi tên Hội giúp binh sĩ bị thương) được thành lập ở Thuận Hoá (Bình Trị Thiên) ở Hà Nội và một số nơi khác. Ngày 19/12/1946, Hà Nội chính thức phát động chiến tranh với Pháp, chiến tranh lan rộng ra nhiều vùng. Số người bị thương và chết tăng lên nhanh chóng do sự chênh lệch về trang bị vũ khí cũng như những chiến thuật chiến đấu. Đời sống của binh lính lúc đó, nhất là những binh sĩ bị thương gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn. Trước yêu cầu đó, cùng với việc kêu gọi giúp đỡ thương binh gia đình tử sĩ, vào năm 1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 20/SL ngày 16/8/1947 Quy định chế độ hưu bổng thương tật và tiền tuất tử sĩ. Đây là văn bản pháp quy đầu tiên khẳng định vị trí quan trọng của công tác thương binh liệt sỹ đối với cuộc chiến tranh của Việt Nam.

Để chỉ đạo công tác thương binh tử sĩ trong cả nước, ngày 26/2/1947,

Phòng thương binh thuộc Chính trị Cục, quân đội quốc gia Việt Nam được thành lập. Đầu tháng 7/1947, Ban Vận động tổ chức Ngày Thương binh toàn quốc cũng được thành lập. Cùng thời gian này, tại xóm Bàn Cờ, xã Hùng Sơn, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, các đại biểu Tổng bộ Việt Minh, Trung ương Hội Phụ nữ cứu quốc, Trung ương Đoàn Thanh niên cứu quốc, cục Chính trị Quân đội quốc gia Việt Nam, Nha Thông tin tuyên truyền và một số địa phương đã dự một cuộc họp do cục Chính trị Quân đội quốc gia Việt Nam tổ chức. Nội dung cuộc họp là thực hiện chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh chọn ngày kỷ niệm Thương binh Liệt sĩ và bảo vệ công tác thương binh liệt sĩ. Tại cuộc họp này, theo đề nghị của đại diện Chính trị Cục quân đội Quốc gia Việt Nam, sau khi cân nhắc nhiều mặt, hội nghị nhất trí đề nghị Trung ương lấy ngày 27/7/1947 làm ngày thương binh liệt sĩ.

Từ tháng 7/1955, Ngày thương binh được đổi thành Ngày thương binh liệt sĩ để ghi nhận những hy sinh lớn lao của đồng bào, chiến sĩ cả nước cho chiến thắng vẻ vang của toàn dân tộc. Sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, theo chỉ thị 223/CT-TW ngày 8/7/1975 của Ban Bí thư Trung ương Đảng từ năm 1975, ngày 27/7 hàng năm chính thức trở thành “Ngày thương binh liệt sĩ” của cả nước. Đây là ngày toàn dân cùng thể hiện đạo lý uống nước nhớ nguồn. Các đại biểu đã nhất trí chọn ngày 27/7 hàng năm là ngày Thương binh toàn quốc, là dịp để người dân tỏ lòng hiếu nghĩa bác ái và tỏ lòng yêu mến thương binh.

Ngày Thương binh Liệt sĩ 27/7 có ý nghĩa quan trọng với toàn dân Việt Nam. Ngày 27/7 là ngày thể hiện truyền thống “hiếu nghĩa bác ái”, lòng quý trọng và biết ơn của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với những chiến sĩ đã hy sinh vì nền độc lập, tự do và thống nhất của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Ngày 27/7 là ngày phát huy tinh thần yêu nước, củng cố và bồi đắp niềm tin vào sự nghiệp cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Ngày thương binh liệt sĩ với mong muốn tăng cường ý thức, trách nhiệm, lòng biết ơn. Vào ngày 27/7 hàng năm, nhiều hoạt động tri ân và tôn vinh các anh hùng liệt sĩ diễn ra trên khắp cả nước. Những hành động mang ý nghĩa tôn

vinh người có công với cách mạng, khẳng định sự cống hiến, hy sinh của các chiến sỹ là vô giá. Việc chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công là sự vinh dự, là trách nhiệm của các cấp, các ngành, tổ chức chính trị – xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và cả mai sau. Đảng, Nhà nước cùng nhân dân ta trân trọng những cống hiến, hy sinh to lớn của đồng bào, chiến sỹ đối với Tổ quốc. Bên cạnh đó cũng luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của những thế hệ cách mạng đối với thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng.

Thế hệ hôm nay tri ân những thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng

Ngày nay, Đảng và Nhà nước thông qua việc đề ra và thực hiện đầy đủ chính sách xã hội đối với thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng tiếp tục đóng góp công sức vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực sự đã trở thành động lực vật chất, tinh thần giúp họ vươn lên, vượt qua khó khăn thử thách, làm chủ cuộc sống. Đảng, Nhà nước ta luôn chú trọng giáo dục ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ công dân và lòng biết ơn sâu sắc của các tầng lớp nhân dân, của các thế hệ đối với liệt sỹ, gia đình liệt sỹ, thương binh, bệnh binh và người có công với cách mạng. Sự cống hiến, hy sinh của họ cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân là vô giá, không chỉ cho ngày hôm qua, hôm nay mà cho muôn đời con, cháu mai sau. Việc chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công là nghĩa vụ, trách nhiệm và niềm vinh dự của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Làm tốt công tác đối với thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng thể hiện tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, củng cố niềm tin của nhân dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cơ sở cho giữ vững ổn định chính trị – xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Thiết thực tri ân những với thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng, trong thời gian tới, Để tiếp tục làm theo truyền thống dân tộc, theo lời

Bác dạy, thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình chính sách, người có công với cách mạng, chúng ta cần tiếp tục tập trung thực hiện một số công việc sau đây: Bảo đảm thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách ưu đãi đối với thương binh, liệt sĩ, bệnh binh, người có công và thân nhân người có công, gia đình chính sách không để xảy ra sai sót, chậm trễ hay hình thức. Rà soát, hoàn thiện chính sách, pháp luật về người có công theo hướng công bằng, minh bạch, đúng đối tượng, đồng thời mở rộng diện chính sách đối với những người có đóng góp thực sự nhưng chưa được ghi nhận đúng mức. Tập trung nguồn lực để cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho các gia đình chính sách, người có công, nhất là tại các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa, nơi biên giới, hải đảo, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng, vùng kháng chiến trước đây. Đẩy mạnh chương trình đền ơn đáp nghĩa như xây dựng, sửa chữa nhà tình nghĩa, hỗ trợ y tế, phục hồi chức năng, đào tạo nghề và tạo việc làm bền vững cho con em người có công. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục truyền thống yêu nước, tri ân người có công trong toàn xã hội, nhất là trong thế hệ trẻ; lồng ghép hiệu quả vào chương trình giáo dục chính trị tư tưởng, hoạt động ngoại khóa trong nhà trường, cơ quan, đơn vị. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm công dân trong thực hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “đền ơn đáp nghĩa”. Ứng dụng công nghệ số, xây dựng hệ thống dữ liệu số hóa về người có công với cách mạng để quản lý, theo dõi, đánh giá chính sách một cách chính xác, đồng bộ và minh bạch. Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong công tác tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính liệt sĩ còn thiếu thông tin. Tổ chức tốt các hoạt động tri ân, tưởng niệm, thăm hỏi, tôn vinh người có công với cách mạng một cách thiết thực, chu đáo, tránh hình thức, lãng phí. “Phát động các phong trào “Đền ơn đáp nghĩa”, “Toàn dân chăm sóc người có công” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, quốc phòng, an ninh toàn dân và an sinh xã hội bền vững.”³⁰

³⁰ <https://dangcongsan.vn/tin-hoat-dong/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-uong-nuoc-nho-nguon.html>



Đoàn viên thanh niên Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh với những việc làm thiết thực tri ân những thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng

Trong những ngày tháng 7 hàng năm các tổ chức, cá nhân và đoàn thể đã và đang tổ chức các hoạt động chăm lo, tuyên truyền sâu rộng nhằm nâng cao nhận thức và tổ chức thực hiện đầy đủ các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về ưu đãi người có công với cách mạng, qua đó giáo dục truyền thống yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp Nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Phát huy đạo lý “*uống nước nhớ nguồn*” của dân tộc, quyết tâm đưa công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng trở thành hoạt động chính và thường niên của Đoàn viên thanh niên Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh.



Đoàn viên Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh đã đến viếng, dâng hương và dọn dẹp vệ sinh tại Di tích Chiến thắng Tua Hai và Nghĩa trang Liệt sỹ Đồi 82 huyện Tân Biên.

Bên cạnh đó, Đoàn viên thanh niên Chi đoàn Trường Chính trị Tây Ninh cũng đã đến thăm hỏi, động viên, tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Sương, là mẹ của Liệt sỹ Đoàn Văn Tùng đã hy sinh trong kháng chiến chống Mỹ. Gia đình hiện đang cư trú tại khu phố Hiệp Định, phường Hiệp Tân, thị xã Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.



Đoàn viên Chi đoàn Trường Chính trị tỉnh Tây Ninh cũng đã đến thăm hỏi, động viên, tặng quà cho Mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Swong ở phường Thanh Điền, tỉnh Tây Ninh

Tóm lại, việc chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công là nghĩa vụ, trách nhiệm và niềm vinh dự của các cấp, các ngành, các tổ chức xã hội và của mọi người, của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Làm tốt công tác đối với thương binh, liệt sỹ và Người có công với cách mạng thể hiện tính ưu việt và bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, củng cố niềm tin của nhân dân ta vào sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, góp phần tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, làm cơ sở cho giữ vững ổn định chính trị - xã hội, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1.<https://dangcongsan.vn/tin-hoat-dong/bai-viet-cua-tong-bi-thu-to-lam-uong-nuoc-nho-nguon.html>
- 2.<http://tuyengiaobinhphuoc.org.vn/tuyen-truyen/lich-su-y-nghia-ngay-thu-ong-binh-liet-si-27-7-30.html>